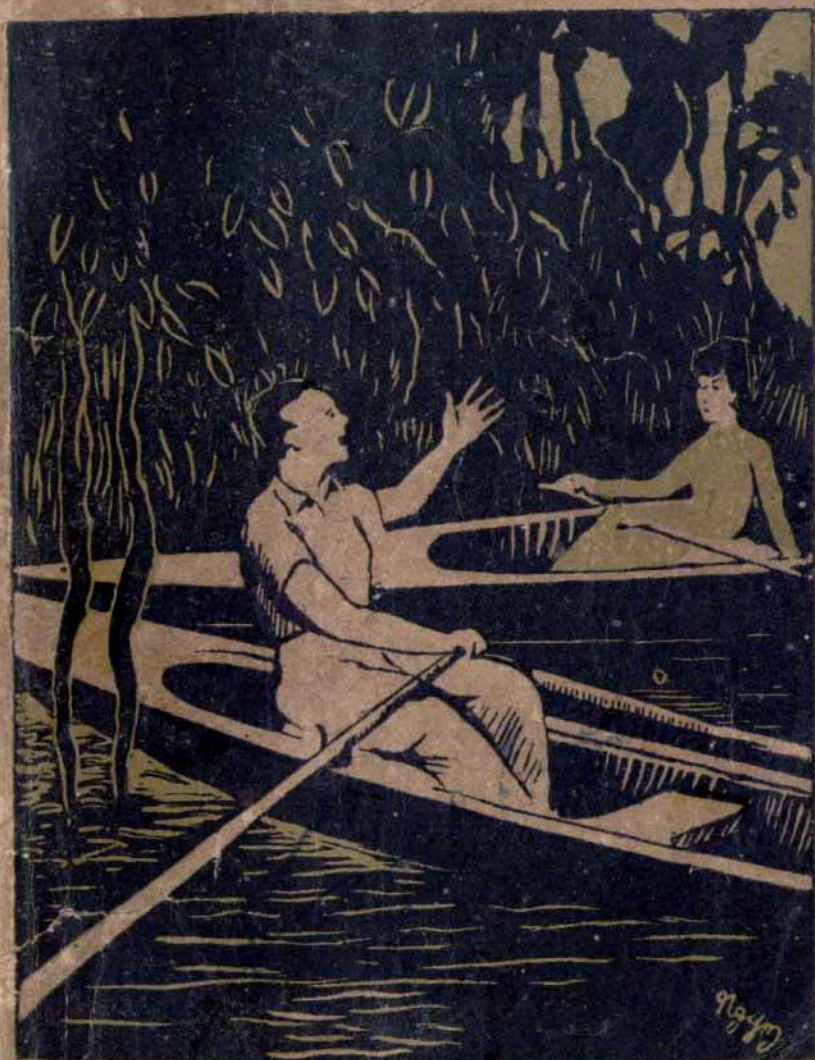


Phô thông ban nguyệt san



NGƯỜI THẦY THUỐC

TIÊU - THUYẾT của THANH - CHÂU

Mặt 02 trang 39 và 40

Cominle Tru

Người thầy thuốc

HÌNH như trời sinh anh Minh ra là để cho anh làm thầy thuốc. Ngày còn đi học, với cái áo thâm chùng lung-lung, anh đã có vẻ một ông « lang-băm » kiết, chỉ còn thiếu một cái khăn xếp nhén găm, một đôi giày sơn mộc, một cái ô « táng » nữa là hoàn-toàn giống. Ngày nay, ở trường Cao-dẳng Hà-Nội ra, đồ bảnh y-sĩ Đông-Dương được bỏ về tỉnh nhà, được bỏ về Huế, anh tuy đã bỏ cái áo chùng thâm để mặc bộ quần áo tây đi « mãn việc tây », nhưng trông anh vẫn chẳng gọn-ghe tí-nào. Áo vẫn rộng, dài, quần thì hẹp quá, mũ vẫn « phở », ca-vát nhăn-nheo, cừ-chỉ vẫn vung-vè, lũng-tũng. Vì năng xem sách, mắt mờ đi, anh mới tậu thêm được đôi mắt kính. Về mặt ngó-ngần của anh, thêm đôi mắt kính, lại càng làm cho anh xứng với cái tên « *médecin de campagne* » của tui học trò ngày xưa tỉnh-quái đặt cho anh.

Lúc còn ở « Cò-Le » đời Minh chỉ có một nguyện-vọng : học hết bốn năm, thi ra, đỗ, được bỏ về một chốn nhà-quê xa-tít nào ở Thượng-du cũng được.

làm một anh giáo-học tối-tầm không ai để ý tới và cưới được Hường, một cô bạn gái học trong trường Đồng-Khánh, không yêu anh bao giờ, nhưng lúc đó sẽ yêu anh, và yên lòng sống với nhau trong cái cảnh lặng-lẽ, tầm-thường đó « cho đến bạc đầu ».

Nhưng, lúc đã học hết bốn năm — năm nay Minh cũng đứng nhất lớp — lúc thi ra đã đỗ, lúc Minh đã lấy hết can-đảm để thủ-thực lòng yêu và Hường, thì Hường lại cười khanh-khách mà bảo:

— Vội gì ! Ông « lang nhà-quê » của tôi ơi ! H ra Hà-Nội học thêm, bao giờ thành ông « lang tay về đây sẽ hay !

Thế là Minh đi Hà-Nội thực, Minh học thuốc thừa khi người ta đã yêu, khi người đàn-bà mà người ta yêu đã truyền-phán một câu gì thì câu ấy là cái lệnh. Minh đem được bằng y-sĩ Đông-Dương về Huế, và cưới được Hường. Nhưng quả tim của Hường thì không bao giờ Minh « cưới » được. Hường chỉ vì nhà túng, chỉ vì cảm-động về công theo đuổi của Minh mà phải nhận lời.

Cái cuộc đời hiền-lành ở một xóm nhà-quê Minh hằng mơ-tưởng không bao giờ có nữa. Minh phải sống giữa đất Thần-kinh với một người đẹp thích ăn chơi, ưa rộn-riếp. Cái nghề của Minh lại là một nghề vất-vả, không có thì-giờ nhất-định lại trở lại ba người học-trò nghịch-ngợm thuở Minh không được ở luôn bên mình vợ quý. Hường thì trẻ hơn Minh những năm, sáu tuổi. Mỗi lần phúng tôi viên ruột bánh tây ném vào mặt nhau, đi xa vợ một ngày đêm là Minh lo-lắng, chẳng công-việc, Minh biết phận-sự một người thầy thu

quan-bệ. Minh rất yêu nghề, rất thạo nghề, và có Minh còn coi nghề hơn vợ nữa, tuy Hường đã là vật yêu-quý nhất đời Minh.

Năm đó, tôi vào Huế xem lễ Nam-Giao, Trong đám đông người, tôi nhận thấy một người đàn-bà Huế đẹp, tôi vừa toan giơ máy ảnh chụp thì một bàn tay to lớn nắm lấy vai tôi mà lắc :

— Ồ ! Anh Vân !

Khi đã quay đầu lại và nhận được ra ai, tôi vội bảo mừng :

— Minh ! Thầy lang-băm nhà-quê của tôi !

Minh sung-sướng ôm lấy tôi mà hôn như người ngày, làm cho tôi ngạt thở. Thân-hình Minh ngày

thừa đã cao-lớn hơn tôi bây giờ lại to-béo thêm ra. Tôi còn đương sửng-sốt nhìn Hường thì Minh có

— Hường ! Hường bắt tay anh Vân đi ! Anh ấy vừa toan chụp trộm ảnh lại gần tôi :

Tôi còn đương sửng-sốt nhìn Hường thì Minh có

— Có phải độ này Hường « mập » và đẹp hơn trước không anh ? Ba, bốn năm chẳng gặp nhau, anh gì trông chẳng lạ.

Mi Bữa cơm chiều hôm ấy vui như Tết. Ba chúng tôi ném hoa ở bàn ăn vào đầu nhau, Hường thì trẻ hơn Minh những năm, sáu tuổi. Mỗi lần phúng tôi viên ruột bánh tây ném vào mặt nhau, đi xa vợ một ngày đêm là Minh lo-lắng, chẳng

Chúng tôi kể lại những truyện trêu thầy giáo, chế

anh em, hút thuốc lá ở chuồng tiêu, đánh bài đêm trong buồng ngủ.

Hường cười như nắc-nẻ, hai hàm răng đều-dặn. Tiếng cười trong-trẻo tỏ ra đời năng hoàn-toàn êm-ấm bên cạnh một người chồng hết dạ yêu mình. Nhìn thấy cảnh gia-dình tươi đẹp của bạn, tôi phải buột mồm khen :

— Anh là một người đàn-ông sung-sướng !

Minh nhìn tôi, mặt thoáng một vẻ buồn... Minh cười, nhưng đó là một cái cười gượng. Tôi tự bảo thầm : « những tiếng cười, những câu nói » bông-đùa ban nãy những cử-chỉ của Minh từ lúc gặp tôi, chỉ là giả-dối, miễn-cưỡng, chỉ là để che-dậy một nỗi buồn ngậm-ngậm trong gan ruột, một « sự bí-mật » chi đây. Có lẽ Minh đau-khổ điều chi mà vợ chàng không biết, mà không ai biết. Tính Minh xưa nay vẫn vậy, ngày còn đi học, có sự gì buồn-bực, đau-thương Minh cũng giữ kín một mình, dẫu bạn thân cũng ít khi biết rõ.

Lúc đánh bài xong, thì vừa đúng mười hai giờ đêm. Minh dẫn tôi lên gác đưa vào gian buồng ngủ đã sắp-dặt sẵn-sàng cho tôi. Minh cười, xoa đầu tôi như xoa đầu một đứa em nhỏ :

— Vân còn nhớ cái giường trong trường của chúng ta ngày xưa không ? Chỉ vừa cho một người nằm mà suốt năm chúng mình nằm chung vẫn không thấy chật.

Tôi cầm lấy tay Minh :

— Minh ! Anh có điều gì giấu tôi thì phải ! Anh không sung-sướng như tôi đã tưởng. Minh vận tất đèn đi, quay ra phía cửa mà bảo tôi :

— Bây giờ không phải lúc nói chuyện buồn. Anh đi đường mệt cần phải ngủ. Tôi cũng cần phải ngủ để sáng mai đi thăm một người bệnh lúc năm giờ. Anh đây đã có Hương tiếp anh, rồi Hương sẽ đưa anh đi chèo xuồng buổi sáng.

Tôi đánh thay quần áo đi nằm, nghĩ lại buồn cười cho anh thầy thuốc chính mình có bệnh mà không tự chữa cho mình, lúc nào cũng nghĩ đến bệnh-nhân và sức khỏe của bạn.



Tôi đương ngủ say thì có tiếng đập cửa thình-thình.

— Anh Vân dậy chưa ? Gần 9 giờ rồi, dậy ăn sáng để còn đi chơi chứ ?

Hường vui-vẻ như con chim buổi sáng, lanh-lẹ như con bướm ngoài vườn hoa, sai bảo kẻ hầu, người hạ, săn-sóc cho tôi ăn điềm-tâm xong, nâng kéo tay tôi chạy thẳng ra vườn chẳng khác một cô học-trò nhỏ vui-mừng vì gặp ngày nghỉ lễ rủ bạn đi chơi đùa. Cuối vườn có một cái cửa nhỏ lối Nhật. Qua cửa vườn, người ta thấy vài bực đá xây đi xuống sông Hương. Một chiếc xuồng hình thoi sơn trắng, có hai chữ « Bạch-Yến » viết rõ ràng bằng sơn đen đã buộc sẵn bên bờ. Hương bảo tôi ngồi rồi cởi dây buộc xuồng, đẩy ra xa bờ nhảy lên, chèo nhẹ-nhàng về phía Bạch-Hồ. Không-khi buổi

sáng và hơi nước lạnh làm cho tôi rùng mình, vì Hường bắt tôi mặc « sơ-mi » cut tay. Hường nhìn tôi mỉm cười chế nhạo :

— Trông anh độ này như ông già ấy, anh Vân ạ, ngủ trưa, lờ-dờ, điềm-tĩnh, hơn thế nữa, lạnh-lùng...

Tôi ngắt lời Hường :

— Vì tôi đã đi xa cái « tuổi hai mươi », vì...

— Không ! Không thể thế được ! Anh không nghe người tây họ bảo, « La vie commence à 40 ans » (40 tuổi mới bắt đầu sự sống) à ?

Ngay lúc đó, một chiếc xuống sơn đỏ ở phía trên đi xuống, chèo gần sát vào chiếc Bạch-Yến của chúng tôi. Hường mặt hơi đỏ nhìn người con trai vạm-vỡ trên chiếc xuống đỏ, mỉm một nụ cười. Người con trai cúi đầu đáp lễ. Tôi nhìn kỹ : chàng có vẻ một công-tử Hà-thành, thạo đời, lanh trai, bất-thiếp.

Hai bắp tay to lớn như đã tập chèo xuống và đánh vợt nhiều. Tôi chưa kịp hỏi Hường xem ai, thì nàng đã giới-thiệu :

— Cậu Hải, em trai ông tham Ban ngoài Bắc vừa dời vào đây.

Chiếc xuống đỏ đã xa chúng tôi. Hường lại nói tiếp câu chuyện dở :

— Phải người ta sống ở đời phải biết tận-hưởng những điều vui-sướng ở đời... Ý nghĩ đời người chỉ có thế...

Rồi ngừng tay chèo, Hường nói như người đang mè :

— Vân xem, cảnh-vật tươi-đẹp thế này, không khí tốt lành thế này chúng ta trẻ đẹp thế này, đời vui vẻ như thế này, tội gì ta không vui đời, ta không yêu, không sướng ?

Tôi quay nhìn chiếc xuống đỏ vùn-vụt lướt trên mặt nước phẳng, sáng như mặt chiếc gương to. Tôi nhớ lại nụ cười của người trẻ tuổi, tôi nhớ lại cái đưa mắt kin-đáo mà ý-tử của Hường lúc chiếc xuống đỏ đi qua. Rồi tôi nghĩ thầm :

— Có lẽ anh Minh không sung-sướng vì chiếc xuống đỏ kia. Mà những câu Hường nói vừa rồi là những câu nàng muốn nói với người ngồi trên chiếc xuống ấy.



Ngày hôm đó cũng qua đi, vui-vẻ như ngày hôm trước, nghĩa là bữa cơm trưa và cơm tối vẫn đầy tiếng cười trẻ-trung, vô-lư-lự của Hường, và những câu khôi-hài có ý-vị của Minh. Người trong cuộc thì hình như chẳng bận lòng đến chuyện của mình, còn tôi thì lại có một mối nghĩ trong đầu vơ-vẩn.

Sáng hôm sau, Minh bảo tôi cùng đi chơi với anh xuống Vị-Dạ, đi thăm một người bệnh cũ. Tôi biết ý là lúc này, Minh muốn cho tôi biết việc riêng. Tôi mặc quần áo rồi theo anh. Hường nhìn tôi nũng-nịu :

— Anh Vân hôm nay không đi chơi với tôi à ? Đi thăm người bệnh thì có gì là thú ?

Chúng tôi đi cạnh nhau không trao đổi một lời. Một lúc lâu, Minh mới ngập-ngừng nói trước :

— Bây giờ tôi cần nói để anh biết. Chắc anh đã thoảng hiểu một đôi chút...

Tôi không trả lời. Minh nói tiếp :

— Anh đã biết, hồi còn đi học, tôi yêu Hường đến thế nào ? Chúng tôi ăn ở với nhau được ba năm hoàn-toàn sung-sướng, đến bây giờ...

Tôi ngắt lời Minh :

— Một người khác đã « ăn-cấp ái-tình » của anh ở nơi Hường, người có chiếc xuồng dô, thẳng Hải...

Minh nhìn tôi ngạc-nhiên :

— Anh đã biết nó rồi ? Phải, chính nó. Ngày nào nó cũng chèo xuồng qua lại sau vườn tôi. Tôi biết đã non một tháng nay...

— Mà Hường không hay gì cả ?

— Không. Tôi không muốn cho Hường biết rằng « tôi đã biết ».

Qua cầu Bạch-Hổ, Minh bảo tôi đi vào một con đường hẻm, hai bên cây cối um-tùm.

— Sao bảo xuồng Vị-dạ mà anh lại dắt tôi lên con đường Kim-Luông ? Anh định trở về nhà ?

Minh lắc đầu :

— Không. Anh đứng đây rồi tôi bảo.

Anh có trông thấy vườn nhà tôi đấy chứ ? Anh đứng im chỗ này, một lát nữa, rồi xem...

Độ mười-lăm phút sau, tôi thấy Hường thấp-thoảng ở trong vườn. Nàng ngồi lên chiếc Bạch-Yến như hôm qua, chèo vôi-vàng về phía chúng tôi nấp, rẽ vào dưới một cây si có nhiều rễ thả xuống nước dầy như một bức màn.

Một lát sau, chiếc xuồng dô đưa người thiếu-niên vạm-vỡ hôm qua tôi đã thấy, cũng rẽ vào đậu bên chiếc Bạch-Yến của Hường.

Quả tim tôi đập mạnh, mặt tôi nóng bừng-bừng. Tôi tưởng đó là việc của tôi: chính tôi bị lừa-dối, người ta đang phá tan hạnh-phúc của đời tôi. Minh kéo tay tôi, lạnh-lùng nói :

— Thôi, bây giờ chúng ta đi thăm bệnh, kéo người ta đợi.

Tôi chăm-chú nhìn Minh. Thấy nét mặt không thay đổi, nghe giọng nói tự-nhiên của bạn, mà tôi sửng-sốt. Tôi thăm phọc cái gan-dạ của bạn tôi lúc đó.

Tôi nghĩ thầm :

— Có lẽ Minh đã thấy nhiều lần nên quen đi, hay là anh ta không muốn tỏ ra là mình yếu. Anh thường có tính tự-kiêu như vậy.

Đến nhà người bệnh, Minh hình như đã quên cái cảnh vừa qua. Bất mạch, nghe ngực, nghe bụng, xem lưỡi, xem mắt...

Minh làm việc cần-trọng, thông-thả, khoan-thai, rồi cho đơn thuốc. Trước khi ra về anh còn dặn-dò kỹ-lưỡng, khuyên-răn, bông-dùa vui-vẻ với người bệnh như một người thành-thời khoan-khái trong lòng.

Những lúc cảm-động, đau-đớn hay tức-bực người ta thường giữ được nét mặt, giọng nói. Nhưng cái bàn tay, những cái gân tay, người ta không giữ được. Ra đến đường, tôi cầm tay Minh thấy lạnh và

hơi run nên mới hiểu hết tâm-can của bạn. Minh buồn-rầu nhìn ra phía sông, anh hiểu rằng tôi đã rõ nỗi đau-khổ ngấm-ngấm của anh.

— Anh Vân ! Anh có thấy không ? Tôi chịu khó nhọc bao nhiêu vì ai ? Học-hành mười mấy năm trời, làm việc không kể bữa ăn giấc ngủ, như vậy để mong gì ?

Tôi im-lặng, không biết lời gì để an-ủi bạn. Tôi thoáng nghĩ đến cảnh tan-nát của một gia-đình dương êm-ấm.

— Chắc Vân đã hiểu sự đau-khổ của tôi đến bậc nào rồi ! Thế mà tôi vẫn nén giữ được lòng tôi. Tôi không dám cho Hường hiểu rằng tôi không phải là « một đũa mù ». Chỉ vì tôi không muốn cho đời tôi tan-nát. Tôi đã chịu, đã trải bao nhiêu nhọc-nhằn, cay-đắng mới có ngày nay. Một người khác ở địa-vị tôi thì có lẽ họ đã chém, đã giết, đã phá-hủy, gây nên những sự tàn-ác, gớm-ghê rồi. Nhưng tôi thì không. Tôi muốn « chữa » muốn « cứu » như tôi đã chữa, đã cứu biết bao nhiêu người. Tôi sợ những sự tàn-bạo cũng như tôi sợ một tay khản-hộ vung-vẽ trong việc mổ xẻ người đau. Anh nên biết, chữa tâm-linh người ta cũng phải ý-từ, cẩn-thận như khi mổ bụng, mổ gan, phải có đủ đồ làm tỉ-mỉ, phải thận-trọng từng ly, từng tý. Đã lâu nay, tôi dò-xét cái nguyên-bệnh của Hường, tôi nhận thấy cái hại nó mới ở ngoài, chưa có sự nguy-hiểm ở trong. Cũng như cái ung, cái nốt ở ngoài da, bây giờ tôi chỉ cần phải mổ. Mổ một cách khéo-léo, nhẹ-nhàng, êm-ái, không đau mà cũng không để

thành sẹo. Mục-dịch của nghề thuốc là chữa mà không cho bệnh-nhân biết cái nguyên-cớ của bệnh họ, vì sau khi khỏi bệnh, nếu họ biết, thường có thể sinh ra một chứng khác. Tôi có thể chữa mau lành cho một người đau khi nào tôi đã làm cho họ tin rằng họ không đau gì hết, không có gì đáng lo ngại. Tôi muốn dùng lối đó để chữa cho Hường. Vì, dầu sao, tôi cũng vẫn yêu Hường, tôi sẵn lòng tha-thứ. Số trời đã định vậy, đời tôi không thể không có Hường được. Tôi muốn lấy lại lòng yêu của Hường mà không để cho Hường có một cái kỷ-niệm xót-xa, cho sau này, Hường có thể yêu tôi mà không bẽ-bàng với chồng, không tự thẹn với mình. Anh đã hiểu ý tôi chưa ?

Tôi hỏi :

— Anh định đối-phó với kẻ thù-dịch thế nào ?

— Tôi sẽ giáp mặt Hải. Tôi sẽ bắt-buộc nó phải đời bỏ tỉnh này. Nó chỉ là một thằng chơi-bời, lêu-lồng, vô-ngbệ-nghiệp, cần tiền, tôi biết. Tôi sẽ cho nó tiền, để nó tránh khỏi con đường của tôi. Tôi sẽ dọa giết nó, nếu nó chẳng chịu nghe tôi. Tôi dọa đưa nó vào « tròng » nếu nó còn quỵn-luyến vợ tôi. Và trong thời-kỳ nó sắp đi khỏi tỉnh này, tôi sẽ xin phép nghỉ, ở luôn bên cạnh vợ tôi, để ý săn-sóc đến Hường, không đời nàng một phút. Từ trước đến giờ tôi tận-tụy với nghề, tôi ham-mê công-việc đến nỗi đối với vợ hững-hờ, có lẽ cũng vì thế mà Hường có ngoại-tình, biết đâu chẳng là lỗi ở tôi ?

Về Hà-Nội được ít lâu, một hôm tôi nhận thư Minh :

« Anh Vân.

« Tôi đã mò được cái nhọt của Hường, khổ đau mà cũng không thành sẹo. Hường đã khỏe thực khôi rồi. Tôi đã cướp lại được những ng sáng-sủa, vui-tươi khi trước.

« Anh nên mừng cho tôi, và trong đời, nếu có gặp người nào giống cảnh-ngộ tôi, nhờ anh khuyên hộ ; ở đời nhiều khi người ta phải giả m giả điếc, phải biết tự-chủ, biết nhịn, biết giả-d biết... »

Năm nay, vào xem Hội-Chợ Huế, một buổi chiều thơ-thần trong vườn Tĩnh-Tâm, tôi gặp một đôi trẻ gái khoác tay nhau nỉ-non, thăm trao đổi những câu ân-ái. Tôi nhìn kỹ thì người đàn-bà chính Hường. Tôi lại nhìn kỹ người đàn-ông. Thì chính Hải. Chỉ sợ hai người nhận ra tôi, tôi hoảng-hốt vội lánh đi khỏi vườn như một thặng ăn cắp.

Tối hôm sau cùng ngồi ăn cơm với Minh Hường, nhìn vẻ vui-sướng trên mặt vợ chồng Minh xuýt nữa tôi lại buột mồm khen bạn :

— Anh là một người đàn-ông sung-sướng nhất đời !

LẤY CHỒNG

I

Nghỉ mát

15 Septembre 193...

TUYẾT lấy chồng !
Tuyết sắp lấy chồng !

Hình như mấy đêm nay — mấy đêm cuối cùng của hai tháng nghỉ hè trên bờ bãi Sầm-sơn — hễ lúc đặt mình lên giường sắp ngủ là mơ-màng, hoảng-hốt nghe rõ những câu này. Hình như tiếng sóng gầm dưới chân núi, bên chùa Độc-Cước, tiếng gió reo vi-vút đầu ngọn những cành dương-liễu trước nhà, đối với mình đều ngu-ý mĩa-mai, cợt-giễu.

Thì ra, từ hôm bị bà cụ « chửi » một trận nên thân, rồi lại giận-giỏi bỏ một bữa cơm, từ hôm nghe bà cụ quả-quyết bảo :

— Đến tháng chạp này mà mày không chịu nhận lời, không chịu lấy chồng rồi mày xem bà...

Từ hôm ấy trong người nó cứ « thế nào ấy », mình ăn cơm không thấy ngon nữa, tắm không thấy vui nữa, — nước bể bình như tanh và mặn ra, — đêm ngủ cứ giật mình thon-thót, mình có cảm-trởng như một anh bị « nhọt mọc trong gan », « đau dạ dày » hay « thừa một khúc ruột » nay mai phải đi nhà thương mổ bụng !

Là vì từ trước đến nay mình đã « bỏ rơi » biết bao nhiêu đám « hiền-lành », « chí thú », « làm việc nhà nước », « hà-tiện », « không chơi-bời vãn vãn... » rồi !

Tháng chạp !

Lần này có lẽ mà phải lấy chồng thực. Xem chừng bà « via » đã « cầu » lắm !

— Ai lại hai-mươi-mốt, hai-mươi-hai tuổi đầu mà động ai hỏi cũng là lắc, chối như chối chết, khát như khát nợ, con cái đâu mà gớm-ghiếc thế !

Mình nghe mãi cái câu này đến đám « nắn người ra » ra rồi. Ừ thì lấy ! Tuyệt lấy chồng ! Tuyệt sẽ lấy chồng ! Nhưng mà bà cụ hằng cho Tuyệt ở lại Sầm Sơn này thêm nửa tháng nữa. Tuyệt chưa muốn về Hà-Nội vội. Hình như về Hà-Nội tức là phải gần các con người ác nghiệt sắp lấy Tuyệt làm vợ, tức là gần « tháng chạp » rồi ! Chẳng bù với mấy năm xưa, cứ đến độ này, bờ bể vắng tanh, vắng ngắt là mình nâng-nặng đôi về cho được.

Về đề sáng chủ nhật đi Gò-đa, trưa thứ năm đi xem chóp bóng ở « Philharmonique » — vì có nhiều học trò làm ồn — chiều chủ nhật lên trường đươc

ngựa, lo-lắng, hồi-hộp nhìn chân những con Otarie, Lardon, Bạch-Hải lúc về tới dich...

Tại sao những cái thú mà Hà-thành đương để dành cho mình trong cả một mùa thu và mùa rét đó sẽ thành « không thú » nữa, nếu mỗi khi mình nghĩ vợ-vẫn rằng một ngày kia cả ý-nghĩ lẫn thân-thể của mình, không phải của mình nữa, mà thuộc về « kẻ khác » ?

Ừ mà tại sao, con gái lớn lên là phải lấy chồng, cứ bình-tĩnh ở nhà với bố mẹ như phần đông con trai thì đã làm sao ? Tại sao người ta có con gái lớn trong nhà là cứ lo-sợ, nhấp-nhòm như « chứa đồ quốc cấm » ? Tại sao người ta cứ phải « tổng tháo », « đẩy ấn » con gái đi được thì người ta mới yên lòng, mới ăn ngủ được ?

Kề ra, để mình ở nhà thì có thiệt-hại gì, có mất gì, có phiền-hà, bận-bịu đến ai đâu ? Trái lại, mình còn làm cho cả nhà vui-vẻ vì cái « nghịch », cái « trẻ », cái « cười », cái « tươi » của mình nữa. Tổng mình đi rồi lấy ai chăm thuốc, đọc tiểu-thuyết tàu cho ông cụ ? lấy ai trêu bà cụ, lấy ai cho con miu « Bích-Thư » của mình ăn ? — Nó kén tay cho ấn lắm kia đấy ! — lấy ai bênh u già mỗi lần bị bà cụ ngầy — à quên « vô xà-phòng » — tủi khóc mếu-máo :

— Nếu không có cô Tuyệt thì tôi đi đã lâu rồi !

Tôi-nghiep u già, nuôi Tuyệt từ bé !

Chỉ tại những con ranh, con Bằng, con Thúy, bạn mình. Chúng nó đi lấy chồng sớm quá rồi cứ

son son dễ nắm một, dễ như gà, làm cho các cụ trông thấy mà thèm, đến nỗi cứ « sồi sùng sục » lên về cưới gã.

Ước gì bà cũng thích đọc « Tiểu-thuyết thứ bảy » như mình để xem đến câu này của Nguyễn-công-Hoan mà sợ :

« Cô tiểu-thư đẹp mà đi lấy chồng ? Cầm phạt ! »

Nhưng khốn, các tiểu-thư đẹp chưa chồng có chịu ở nhà « thêu thùa kim chỉ » cho đâu ? các cô cứ bắt những cái giấy xanh xanh, tím tím của mấy anh con trai qua lại trước cửa nhà, cho ngậm vào túi để rồi theo các « bố mìn » đi... đi không về nữa, hay là về với bộ cánh xác, với cái mặt xanh như tàu rau, với cái thân hình « lớn giữa lớn ra » để các cụ phải vỗ bàn mà kêu :

— Trời ơi ! tội vạ chi mà thế « ni » ?



17 Septembre 193...

Bà cụ đã cho phép ở thêm nửa tháng nữa. Làm gì chẳng cho phép cô gái ngoan « tháng chạp này lấy chồng » ? Lúc này mới là lúc mình làm nũng các cụ được đây ! Tha-hồ từ nay muốn « yêu cầu », muốn sắm-sửa, muốn vui-vĩnh cái gì mà « chánh-phủ » chẳng « chuẩn-y » ! Chẳng hạn như mùa lạnh đến, muốn may cái áo hàng mới thì chỉ việc nói :

— Me cho con may đi ! Đến tháng chạp này con đã lấy chồng rồi kia mà !

Chỉ một câu « tháng chạp con lấy chồng » nói một cách thẹn-thùng nhỏ-nhẹ, má ửng đỏ, là đủ làm cho các cụ cảm-động. Nhưng khéo không dùng mãi câu ấy rồi sẽ có ngày các cụ đâm « hoảng », đâm « nghi » mất !

Bờ bề vắng người hình như đẹp thêm ra, rộng thêm ra. Mỗi buổi sáng, dậy sớm đi lững-thững một mình giữa bãi cát ướt vì nước triều đêm trước, mình tưởng-tượng như lạc vào một thế-giới vắng-vẻ, hoang-vu nào không bao giờ có một bóng người, mình tưởng như chốn trời nước này là của riêng mình, mình là Nữ-chúa. Nếu không phải nghĩ đến « sự sắp lấy chồng » thì có lẽ phong-cảnh đối với mình lúc này còn tươi đẹp thêm lên gấp mấy.

II

Lo-ngại

20 Septembre 193...

Cứ phải luôn luôn nghĩ tới sự lấy chồng, rồi thành ra nóng ruột, bứt-rứt cả người, ngồi đứng không yên. Giá đời mình cứ phải kéo dài sự lo-ngại này đến già thì không còn thứ cực-hình nào hơn nữa. Ước gì được lấy chồng ngay lúc này, lấy một cách mau chóng như một buổi đi tắm, hay hơn thế nữa, một cuộc chạy thi với chị Mão trên bờ bể. Cho nó xong đi ! Cho mình yên dạ ! Cho khỏi phải thấp-thỏm phải đợi ngày cưới mình như tên tù đợi giờ ra chốn pháp-trường.

Mà cái anh chàng sắp buộc đời mình vào đời anh ta sau này là ai mới được chứ ? Lâu nay mình có đề ý đến ai đâu, có đề ý đến một câu chuyện chồng con nào đâu ?

Anh ta bao nhiêu tuổi, có đẹp trai hay không, cao hay lùn, béo hay gầy, mặc tây hay mặc ta, con cái nhà ai ? nào mình có được biết ! Mình đã bảo chưa muốn lấy chồng, không biết kén-chọn gì hết, thì đã có các cụ kén-chọn cho.

Mà các cụ thương con chắc phải hết lòng kén chọn. Bỏ mẹ bao giờ lại muốn cho con khổ. Nhưng nghĩ không khỏi tức mình mỗi khi tưởng đến sau này, một người mà mình không yêu, một người chưa làm một sự lạ-lùng, khó-khăn gì trong đời để xứng-đáng là chồng mình lại làm chồng mình được.

Vì mỗi khi nhìn vào gương, Tuyết thấy Tuyết đẹp, Tuyết xinh, thì Tuyết lại bảo thầm :

— Thế ra đời ta cũng đến thế thôi à ? cũng tầm thường như các cuộc đời khác thôi à ? Lớn lên rồi lấy chồng. Thế là hết ! Một buổi sáng mai, ra tòa Đốc-ly, ký vào tờ giấy giá-thú như người ta ký một cái văn-tự bán nhà, hay bán bò. Thế là xong, bỏ chết à quên ! bỏ bán, hết chuyện !

Hết chuyện trước khi một quả tim — hai-mươi-mốt lần xuân, — chưa hề đập mạnh, chưa biết rung-động cho một cuộc hẹn-hò, ân-ái nào, một cuộc tình-duyên éo-le, thâm-thiết nào ly-kỳ như trong tiểu-thuyết. Người con gái nào trước khi lấy chồng lại không ao-trước, lại không từng có những

quãng đời hoa mộng ấy để ru lòng, để ôn lại lúc sau này. Vậy thì mình yêu thế nào được ông chồng trời đã định, hay các cụ « via » đã định ? Những điều mình nghe ngóng được từ trước đến nay, những điều mình biết qua-loa về việc « vợ chồng » lại càng làm cho mình bối-rối. Đêm động phòng, ngồi trên một chiếc giường không phải giường mình, trong một gian phòng lạ-lùng, bày-biện không như ý của mình. Rồi, bỗng trên trời rơi xuống một người đàn-ông. Người đàn-ông ấy hôn mình. Trời ơi ! hôn làm sao được ? Người đàn-ông ấy sẽ được thấy những cái mà suốt một đời con gái mình giữ-gìn kín đáo : một cái cánh tay trắng nõn, một cái ngực một cái đầu gối.. còn gì nữa ? Người đàn-ông ấy sẽ nằm chung với mình một giường ! Ấy chết ! nằm chung thế nào được ? Sao lại nằm chung ? Mình đến sợ, đến xấu-hổ mà hét lên và chạy trốn mất ! Những nghĩ đến mà đã rùng mình, đã giợn người lên rồi ! Thế thì không làm sao tránh được những nỗi nguy-hiểm ấy hay sao ?

Một đời người thẹn-thùng, gìn-giữ rồi chỉ .. một đêm thôi !

Cái « thẹn » của ta ơi ! Thôi không có cách gì khác nữa đâu ! sửa-soạn dần đi, để mà chờ cái « chết ». Chết trong một đêm.

Nhưng, không biết có người đàn-ông nào ở đời đối với vợ mới của mình lúc đó không đến nỗi sống-sượng, mà trái lại, từ-tồn, dè-dặt, củ-chỉ ôn-tồn, dịu ngọt như khi người ta nuôi một con chim

rừng sợ-sệt, lạ-lùng, chỉ chực thoát thân. Có người đàn-ông nào để cho vợ « quen » mình, hiểu biết mình trước khi « làm chủ », trong một vài tuần, một vài tháng, hay một năm không ?

Có lẽ mình phải hỏi qua chị Mảo.

III

Chị Mảo

25 septembre 193 ..

Chị Mảo với mình bây giờ là « cái đinh » của Sâm-sơn. Mấy anh công-tử còn sót lại, mỗi buổi chiều gặp mặt là nhìn trở mắt, thì-thăm khen-ngợi :

— Hai con bé trông ngon quá !

Mà ngon thực, mỗi người một vẻ.

Chị Mảo là cựu-học-sinh trường Sư-phạm, nhưng trông chị ấy chẳng có vẻ « sư-phạm » một tí nào. Cười nói, nghịch-ngợm như đàn-ông, đi chơi với chị lắm lúc thẹn chết đi được. Anh con trai nào bên-lên, hay sợ đàn-bà mà gặp chị thì chị trêu cho đến khóc.

Chị là con nhà giàu, nhưng « nhà giàu bần-sĩ » — chính mồm chị ấy nói thế — có *villa* không ở, giữa mùa nực đem cho thuê đi, rồi bao giờ vắng khách ở bờ bể, không còn ai ở nữa, chờ cho người ta trả-nhà, mới kéo cả họ hàng ra « nghỉ rét », vì cuối *Septembre* ở đây hay mưa, bão, gió, lạnh, năm ngủ phải đắp chăn bông.

Cũng nhờ thế mình mới có bạn, không thì buồn chết. Vì chị Thọ quen mình, cùng ở với Mảo, đã về Hà-Nội từ tuần-lẽ trước, nên Mảo cũng buồn, cả ngày chỉ tìm mình để nói chuyện. Mà chuyện chị thì lúc nào cũng sẵn, cũng vui, mình vẫn muốn nghe để học khôn — vì chị biết nhiều bạn trai, biết nhiều « đàn-ông » — thế mà hơi « khiếp » vì chị « bao » quá !

Lắm khi đi tắm với chị, chị bỗng đứng uõn người ra làm căng chiếc maillot — hở lưng, hở lưng, hở đủ thứ, — làm nổi cái bộ ngực tròn-trĩnh nở-nang quá của chị, rồi nghe răng cười hỏi mình :

— Trông em có « xéch-ép-pin » không chị ?

Mình ngờ-ngác không hiểu gì thì chị cười sảng-ác :

— Thế chị không đọc « Paris-Magazine », « Lire à deux », « Paris-plaisirs »... bao giờ cả ?

Rồi chị viết lên trên mặt cát rõ-ràng từng chữ : *Sex-appeal*. Chị bảo về tra tự-vị sẽ hiểu, hay là hỏi « chồng » khi nào đã có chồng. Tự-vị thì không thấy có chữ ấy rồi, mà hỏi chồng thì không đời nào mình hỏi.

Chị ấy nói chị ấy biết « *flirter* » từ năm mười tuổi. Chữ « *flirter* » chị bảo khó dịch lắm, cho nên chị ấy giảng :

— Năm lên mười, học ở một *cours* của một bà giáo người đầm, học chung với con trai, chị ấy đã biết khoèo chân một cậu bé ngồi cạnh mình và dút

vào túi cậu một lá thơ tình có những câu này :
« Con bướm của em bỏ vào sách anh hôm qua,
còn không? Mắt em bắt đèn đây ! »

Từ mười tuổi đến nay là đúng hai-mươi-hai, chị Mảo đã có dịp biết tâm tính đàn ông hơn mình nhiều lắm. Mà thực ra, mình đã quen biết một người đàn ông nào đâu. Chị Mảo kiêu-ngạo mà nói với mình bằng một giọng che-chở :

— Chị đại lắm ! Không « từng trải » là đại, Đàn ông bây giờ họ ghê-gớm lắm !

Phải « học » tính-tình của họ như ngày bé học bài ở nhà trường.

Những cái hôn mồm — như trong *cinéma* cổ đi Mỹ rừng mình, lim-dim mắt, ngả đầu vào vai kếp mấp-máy cặp môi — đối với chị Mảo là thú vị lắm ! Không có gì lạ cả, không còn làm cho chị cảm-động nữa rồi. Những cuộc hẹn-hò đi chơi thăm vung trong bóng tối, ở ngoại-ô, chị cho là trò cổ (vieux jeu) rồi.

Chị bảo người chồng của chị sau này phải « khỏe mạnh », thích thể-thao, nghèo cũng được. Cho nên chị đã chọn anh Cường, trường Luật, làm vị hôn-phu. Anh Cường đã chiếm được giải quán-quân *Ping-pong* học-sinh trong năm, và có hy-vọng trở nên một tay địch-thủ đáng sợ của những ông tướng « nhảy sào » và « ném-đĩa » của trường Thể-Dục. Chị Mảo đã đưa ảnh Cường cho mình xem : Cường mặc « *Slip* » đứng trên một tảng đá, trên bờ bễ, bụng thon, ngực nở, vai rộng, bắp thịt nhỏ. Thực

là một anh Tarzan con, xứng-đáng với cái thân-hình đầy-dạn của Mảo.

« Ái-Tình » hai chữ ái-tình viết hoa, hiểu theo nghĩa của mình thì thiêng-liêng quý-báu như một vật cấm chưa bao giờ được sỡ-mó đến, thế mà đối với Mảo thì chẳng có nghĩa-lý gì. Chị bảo chị không thích tiểu-thuyết như mình, vì đời thực không phải là một thiên tiểu-thuyết. Chị không biết « mơ-màng » là gì, « hôn-mộng » là gì, « bàng-khuàng » là gì, « xa-xăm » là gì cả, Chị cũng không biết « yêu » là gì nữa. Chị bảo chị định lấy Cường, là vì chỉ « thích » Cường. Thích Cường! hừ, thế thì còn ai hiểu được là giống gì nữa.

Chị Mảo thường đi chơi với chị Mảo, thường nói chuyện về đàn-ông thế mà mình cũng chưa hết sợ đàn ông. Nghĩ đến việc chồng con sau này mà vẫn ngại. Ấy là nhờ chị Mảo mình đã « sáng » ra nhiều rồi đấy.

Trời ơi ! một đảng thì chị Mảo biết Cường, biết Cường từ hai năm nay rồi, chị định lấy chồng vì chị « thích », còn một đảng thì Tuyết gin-giữ « minh vàng » ra như gin-giữ một cái kho báu, rồi dễ dàng cho một người xa-lạ trong một đêm !

Cái « luân-lý » của chị Mảo đáng theo, hay của Tuyết đúng ?

Hôm nay mình rút-dè hỏi chị cái câu :

— Trong đời có thể có những người đàn ông, đêm động phòng, để cho vợ mới của mình bớt sợ,

bớt « then » « bớt » kinh-khủng rồi dần-dần mới chiếm quả tim hay là xác « thối » của vợ không ? Vì mình vẫn lo nom-nớp về cái cảnh một người đàn ông ở đầu trên trời rơi xuống, tự-nhiên xông vào giường mình, mở chân luồn vào hai cái cẳng lỏng lả, mặc quần đùi góm chết !

Chị Mão không trả lời, chỉ để ngón tay cái vào mũi, xé thẳng bốn ngón con ra, cho mình « một cái... » « chân mũi » mà cười lăn cười lộn.

IV

Tình xưa

8 Octobre

Về Hà-Nội được gần một tuần-lễ rồi mà mình chẳng đi đâu được cả. Suốt ngày chỉ ngồi rầu rầu trong buồng ngủ, lục-lọi những sách vở cũ để xem. Vì có ý tưởng một ngày kia mình sẽ phải dời những đồ vật thân yêu của mình từ bé, nên mình xem chúng nó như những vật có cảm-giác, có linh-hồn, có thể hiểu được tình quyến-luyến, thiết-thì của người lâu năm gần-gui.

Chắc chị Kiềm, chị Ngọc, chị Yên phải lấy làm lạ rằng mình đã về mà chưa tới với các chị ấy để hỏi thăm cho biết những sự thay đổi, biến-hoá trong lúc mình đi vắng về trang-sức, về trăm nghìn cái vụn-vật, tí-mỉ, không đâu của tụi gái vô công dỗi nghề trong thành-phố.

Mình không muốn đi đâu cũng chỉ vì sợ đến chỗ nào, họ cũng « đọc » được những vẻ « sắp có chồng » trong mắt mình, trên bộ mặt mình thì then chết ! Không biết đàn-ông họ có vợ rồi thì sao, chứ con gái mà có chồng rồi thì hình như thiệt-thời nhiều lắm, giá « ngàn vàng » không còn đáng một đồng trinh mới nữa, thành ra yếu thế như người thua trận. Hôm qua, cả vũ-trụ lá của mình, mình ngang-nhiên, kiêu-hãnh nhìn đời mà hôm sau đã buồn thiu như kẻ « mất tiền » thờ-thẫn như tương-tư, như nhớ tiếc, như hối-hận vì đã làm một điều làm lỗi gì trong đời không chuộc được. Mình hiểu thế cũng vì một hôm nghe ông chú mình — đã có tuổi rồi hay khôi-hài — nói :

« Gái có chồng như hàng bán « xon » (solde),

Một hôm nữa mình đi mua lụa ở hàng Khay, gặp một người con gái rất đẹp, đẹp đến nỗi mình là đầu-bà mà còn phải nhìn theo. Thế mà có hai công-đi sau bám nhau to nhỏ :

« Nước mợ » gì mà ! ở phố tao trước, « có chồng » rồi đấy !

Rồi hai chàng không buồn nhìn con người quốc-ác ấy nữa, lạnh-lùng đi thẳng.

Trên kia mình viết cái câu ; « Quả tim — hai-mươi-một lần xuân chưa hề đập mạnh, chưa biết rung-động cho một cuộc ái-ân nào... » thì ra mình nói dối. Hôm nay, nhân xem lại những sách cũ, tình cờ bắt được một mảnh giấy nhỏ, trong có một chữ « coléoptère » to tướng — chính chữ mình viết —

với hai cái dấu hỏi (??) liền nhau. Ở dưới có một hàng chữ đàn-ông nhỏ-nhỏ nhưng rần-rỏi tuy hơi bay bướm : « *Se dit des insectes munis de quatre ailes dont les deux supérieures sont dures, impropres au vol, et recouvrent les deux autres* »

Hàng chữ nhỏ giảng nghĩa cái chữ to kia là của An. Phải, chính anh An viết đã sáu năm nay, ngày mình đi học với anh một lớp, ở một trường tư. Chữ *coléoptère* có lẽ là một chữ khó nhất trong một bài ám-tả thi mà mình không hiểu, lúc làm bài phải nhờ An « gà » hộ.

Tội-nghiệp, nhắc tới An bây giờ mình mới nhớ lại cả một quãng đời thơ-ngây. Không biết An bây giờ ở phương nào, làm ăn gì, có khá không ? Ngụ, bé, An là con một ông Ký ở cạnh nhà, vì An ngoan-ngoãn, hiền-lành, nên ông cụ mình vẫn để cho sang vườn chơi với mình luôn Hai dứa thường chơi « đi trốn, đi tìm » và « vợ chồng ». Chơi « vợ chồng » nghĩa là hái hoa lá ở vườn cắt ra làm cỗ cưới, tìm một quả ổi xanh làm lợn, bia giấy xanh đỏ la bát đĩa, bẻ hai cái que làm dũa, rồi va, rồi ăn giá, rồi mổ lợn, giết gà, uống rượu. Lúc làm cỗ tràn-trọng, khéo-léo làm sao thì lúc « pha cỗ » mau mắn chừng nấy. Đám cưới giản-dị như thế mà cũng xong, mà cũng thành... vợ chồng. Bây giờ mới đến lúc làm nhà để ở. An thì xúc đất, quây hồ, (nghĩa là đổ nước vào đất vụn mà ngào) để trát vào mấy hòn gạch của Tuyết ghép dựng lại với nhau. Làm nhà rồi, thì Tuyết phải ở nhà trông con (con bú-

bé) mặc váy cho con, rửa-ráy cho con, ru con, cho « bú ti » :

— Cho « nó » ngủ đề tôi đi làm !

An bảo thế, và cũng có khi Tuyết « đi chợ mua ăn » thì lại giao con lại cho An ẵm :

— Trông « em » đề tôi còn đi chợ làm cơm chiều kéo muộn.

Những cái đáng nghiêm-trang, trịnh-trọng lúc ăn nói, đứng ngồi, cố tập, cố bắt chước người lớn ấy, bây giờ nghĩ lại mà buồn cười nôn ruột, mà cảm-động.

Thế mà lúc lớn lên, đi học với nhau, An bẽn-lẽn thẹn-thùng hơn con gái. Động một tí là đỏ mặt, luống-cuống Hỏi câu gì mới nói, mà nói một cách ngượng-nghịu vô cùng, có khi nghe không rõ nữa. Cũng vì thế mà ở lớp học ngồi cạnh nhau, có điều gì cần lắm mới hỏi đến An.

Bỗng một hôm trong cuốn cách-trí mà An cho mượn để chép bài, mình trông thấy ở phía trong bìa hai chữ A và T vòng với nhau. Ngày ấy An mười bảy tuổi, mà Tuyết mười-lăm. Không hiểu sao mình bỗng đỏ bừng mặt lên, bẽn-chồn như vừa xảy ra một sự gì mới lạ trong đời. Có phải mình đã bắt đầu thoáng hiểu mùi vị em-đem của « ái-tình » — hai chữ « Ái-Tình » viết hoa — Tự ngày trông thấy hai chữ « T - A » âu-yếm quấn lấy nhau, tự ngày đọc được những ý nghĩ trong đôi mắt diu-dàng của An một đôi khi chưa kịp nhìn mình đã lần tránh ?

Nếu An vẫn ở cạnh nhà, vẫn còn đi học với mình cho đến ngày nay? Ngày nay Tuyết đã hai-mươi-mốt tuổi rồi, mà An thì hai-mươi-ba. Đôi bạn đã thân, mến nhau từ nhỏ, đã cùng nhau học một lớp, đã cùng nghe tiếng đập đầu tiên của hai trái tim thanh-thực, đã nhận là « vợ chồng » trong lúc chưa hiểu được thế nào là vợ chồng, ngày nay liên trông thấy nhau thì cảm-tưởng ra sao? Ra sao thì không biết nhưng, « nói ví dụ » ví dụ An bây giờ là một người có địa-vị hân-hoai trong xã-hội — vì bà cụ muốn thế — đến hỏi Tuyết làm vợ lúc này, thì có lẽ Tuyết không còn ngần-ngại gì nữa, Tuyết nhận lời ngay. Vì An chẳng phải ai xa lạ mà e-lẹ, hãi-hùng, vì An ngày xưa hiền-lành như thế, chắc sau này chẳng bao giờ để cho vợ phải khổ vì mình, nhất là người vợ đó lại là người bạn gái mà An đã yêu-mến, che-chỡ khi xưa như một người em nhỏ tuổi hơn.

Nếu An là chồng mình, thì làm gì mình còn có những nỗi lo-ngại này, làm gì mình phải vì sự lấy chồng với mọi thứ cực lòng, mọi điều sợ-hãi. Tưởng tượng tối tân-hôn : An và mình, nhìn nhau không thẹn-thùng, không nơm-nớp như hai người thù địch rình nhau từng lời, từng cử-chỉ, mình gặp An như gặp một người bạn cũ vắng mặt lâu ngày, tay cầm tay, nhắc tới những ngày vui thú nhỏ, sung sướng ngày-thơ, rồi đêm khuya, sóng giạt dào, yên lòng trao thân cho một người mình đã quen, đã hiểu tinh-tinh, « đã yêu » — có nên dùng chữ đã yêu không — ngã mình trên cánh tay che-chỡ của một người đàn-ông đã che-chỡ mình từ tấm bé.

Cảnh tân-hôn như thế thì an-ủi mình hơn là cảnh một người đàn-ông xa lạ, mặc quần đùi nằm cạnh mình, trời ơi ! nằm cạnh mình ! Nhưng biết rằng mình nhớ tới An, mà An có còn nhớ đến mình không? Hay An đã nghiễm-nhiên là một ông chủ gia-đình, vợ nọ con kia từ lâu rồi.

Mình chỉ còn nhớ mang-máng được rằng lúc ông cụ để ra An mất thì hình như nhà An túng-quần lắm, bà cụ anh thường sang nhà mình giặt tạm luôn, rồi bỗng An và bà cụ không ở đây nữa, vì có người chủ ruột buôn bán ở Saigon gọi vào trong ấy. Một hôm mình tò-mò lên sang cái nhà An bỏ trống cho thuê, đứng trước sự im-lặng, lạnh-lùng của những gian phòng không người, không đồ-đạc, mình bỗng thấy buồn-bã lạ thường. Lúc ra về muốn trào nước mắt. Không biết lúc ấy đối với An mình có lòng thương cảm, hay đã thực tình yêu? Hình như có cả hai thì phải.

Thế rồi, ngày tháng đi, không tin-tức của người đi. Mình lớn lên mãi vui cười với những ngày xuân tung-bùng tươi đẹp của cô gái « đến thì » cũng không mấy khi nhớ đến « ai ». Người vắng mặt bao giờ cũng bị thiệt-thòi.

Nhưng bây giờ giá An còn về kịp. Về kịp để cướp lại một người bạn thủa xưa trên tay một kẻ thù địch nay mai sẽ đến. Về kịp trong lúc Tuyết đang phân-vấn lưỡng-lự, không có ý-định gì. An sẽ đấu gươm với « kẻ thù » trong khi Tuyết lấy tay che giấu mặt, sợ-hãi, lo cho tính mệnh An. An sẽ thẳng trợn, bẻ Tuyết lên mình ngựa, thúc ngựa phi trên

những con đường bụi đỏ, đi về một cái ấp, cái làng hẻo-lánh nào đêm khuya còn một vài nhà le-lói ánh đèn. An đỡ Tuyết xuống ngựa, gõ cửa một túp lều tranh xin vào ngủ một đêm. Rồi bên một đồng lửa rạ khô, ánh sáng lúc mờ lúc tỏ, hai người ngồi sát bên nhau, cảm-động trao đổi cái hôn đầu tiên, trong khi ấy thì xa xa, trong xóm vắng, một con gà lên tiếng gáy... như thế thì thành ra tiểu thuyết hay chiếu bóng mất rồi. Nhưng, như thế mới thích hợp với tâm-hồn mình, vì mình vẫn ao-ước, chờ mong những sự ly-kỳ. Vì mình vẫn không ưa cái cảnh đám cưới hiền-lành, ó-tò nối đuôi nhau từng lũ, đi trưng, riêu qua nhưng phổ đông-đúc nhất Hà-thành đi chậm-chạp phân-minh, trịnh-trọng như một bác tức-nho.

Việc hôn-nhân mình chẳng muốn do sự thỏa-thuận của hai bên cha mẹ mà thành đôi một cách « đúng luật » đúng với lễ-nghĩ xưa.

Mình muốn nó là sự phấn-đấu của « đôi lứa » với trăm nghìn sự khó-khăn cản-trở, trái nghịch với họ-hàng, cha mẹ, và dư-luận. Trước khi lấy được nhau hai người đã phải thăm-thương, trộm nhớ, đau-khổ vì nhau, năm chìm, bảy nổi. Có thể sự sum-hợp của hai người sau này mới thành thiêng-liêng, mới có ý-nghĩa. Còn gì tâm-thường, vô-lý cho bằng đi lấy một người chồng mà mỗi đêm động-phòng mình mới thực nhìn rõ mặt — mà cũng chưa chắc, vì biết đâu đêm đó tắt đèn. — Còn gì ngu-ngốc cho bằng lấy một người vợ không phải tự-ý mình kén-chọn.

V

Sửa-soạn

25 Octobre 193...

Bây giờ thì nhà cửa bề-bộn như một cái kho chứa hàng. Câu đối, hoành-phi, ché, độc bình, tử khảm, sập gu, tranh-ảnh, bàn, ghế, đồ đồng đều được lòi xuống dề lau chùi, rửa ráy, đánh bóng. Tường thì kẻ chỉ, quét vôi màu mới, cả đến cái mặt nhà trông ra phố bao nhiêu năm rêu xanh, mốc ẩm không ai để ý tới, bây giờ cũng được « trát » một lần « phấn » mỏng vàng.

Ông cụ thì cả ngày chỉ chăm cho mấy chậu lan qui, uốn nắn mấy cây si, sửa sang hòn non bộ, ra vẻ đắc ý lắm. Bà cụ thì có một vẻ mặt long-trọng, vẻ mặt của bà chủ nhà thích bề-bai đầy-tớ, người làm, thích hoạch-hoạch, chỉ bảo, bắt người ta phải theo đúng như ý mình mới hả. Nhưng có đứa nào nào nó theo đúng ý, có mặt đấy thì nó cạo tuông, đánh đình, lau sập, ra vẻ lạnh-lợi, chăm-chú, siêng-năng lắm, nhưng hễ quay lưng đi chỗ khác thì chúng nó uể-oải, cười chuyện với nhau, khúc-khích như ranh.

Các cụ thì bảo cho làm cẩn-thận thế để ăn tết luôn, nhưng mình thì mình hiểu mười mười là chỉ để đợi ngày « đại-lễ ».

Tội nghiệp! Trông thấy các cụ vui-vẻ sửa-soạn, rộn-rịp lăng-xăng, lo-lắng vì mình mà mình cảm

động. Các cụ trông mong cho mình chóng có chồng như người trông đợi một cái hạnh-phúc ích-ký. Nhưng rồi mà xem, lúc mình đã đem theo với mình về nhà chồng tất cả những sự vui, tươi, tất cả tiếng cười giọng nói, các cụ sẽ phải bùi-ngùi, nhớ tiếc...

Bây giờ, mỗi ngày đến hình như đã đưa mình vào cái phận-số, nhất định ngang trái với ước nguyện mình rồi. Thôi thế là xong! Cũng xong! nói như những người thất-vọng tự an-ùi. Mình đành chịu nhận cái cuộc đời sắp tới chứ biết sao? Anh An ở đâu, bao giờ về? Làm sao mà biết mà chờ đợi được?

Cái « người ấy » đã đến rồi đấy, người « thù địch » của An.

Mà người ấy đã đến đây từ năm ngoái, đến với một bà cụ — bà cụ là mẹ thì phải — nhưng nào mình có đề ý. Đến nay đề ý thì mới biết là người thường đến chơi nhà. Anh chàng, mình trông, không đẹp, không xấu, không đáng ghét lắm. Nhiều lúc nhìn trộm mình, mình vẫn tự-nhiên như thường, không bối-rối, không đỏ mặt, vì mình nghĩ: « Thì trước sau gì rồi cũng phải có một người, không anh này thì cũng đến anh khác, mà anh khác đã vị tất bằng anh này. »

Vậy thì anh chàng tốt số kia ơi! Anh đã nắm phần chắc trong tay rồi đấy! An của tôi xa lắm, như chim trời bay bổng, biết bao giờ về?

Anh không phải lo-ngại gì nữa.

Tôi bằng lòng lấy anh rồi đấy!

Mà bà cụ tôi chắc cũng bằng lòng lắm, sung-sướng đến khóc được, vì « anh làm thư-ký phủ Toàn-quyền »! Có con rể làm « Toàn-quyền » — chứ không phải thư-ký Toàn-quyền, trong bụng bà cụ nghĩ như thế — thì ai mà không khóc?

VI

Chị Cả

15 Novembre 193...

Chị Cả lấy chồng ở Sơn — Cũng một ông thư ký, thư-ký tòa Sứ — nghe tin, đã về đề mướn, và đề sắm-sửa cho mình. Kể đồ trang-sức và quần áo thì mình đã có thừa, nhưng cứ phải mua, phải sắm thêm, có thể mới ra vẻ rộn-rịp sắp lấy chồng. Chị Cả đưa mình đi các hiệu vải, hiệu may, rồi tối đến ngồi trong buồng mình, hai chị em thủ-thỉ nói chuyện, may vá, đến khuya mới đi ngủ. Ngày trước mình hỏi chị Mão về « nỗi bối-rối » của đêm đầu với người chồng lạ », chị ấy chế mình, thành ra mình xấu-lỗ không dám đụng đến chuyện ấy nữa. Bây giờ có chị Cả về, mình phải liệu lời « phỏng-vấn » khéo chị ấy cho biết, kéo ngày đêm canh-cánh bên lòng.

Chị Cả ngày xưa lấy chồng lại còn khổ hơn mình bây giờ nhiều. Chồng thì ở tận Sơn nhờ người mối lái, đánh tiếng, đánh tằm mồi, rồi lúc nhận lời mới được rõ mặt chồng.

Thế mà bây giờ đã có hai đứa con mà hình như chị ấy an phận lắm, chẳng bao giờ thấy phàn-nàn, kêu-ca gì cả.

Đêm qua, khép chặt cửa phòng, ngồi bên chị Cả mình mới đánh liều hỏi chị :

— Chị Cả! Chị đã trải qua cảnh chồng con rồi, em mới hỏi, có lúc nào chị nghĩ đến sự đau-tử vì phải chung-cha cuộc đời với một kẻ mà thực lòng mình không yêu không? Vì em biết, ngày xưa anh ấy và chị có yêu nhau trước khi chưa cưới đâu!

« Ví dụ như em bây giờ nay mai em nhất-định phải lấy người đối với em chưa có một chút tình-cảm gì ở trên đời, vậy thì sau này em có phải chịu nhiều đau-đớn về những sự... chung-cha, miễn-cưỡng, bắt-buộc — vì là hôn-phận — không? »

Chị Cả giật mình, đỏ mặt nhìn mình, không ngờ mình lại hỏi chị một câu kỳ-quặc như thế làm cho chị bối-rối. Nhưng rồi chị cũng trả lời :

— Chị thì bây giờ hình như chị cũng không nhớ rõ những việc đã qua nữa. Từ ngày có các cháu thì chị đã quên hết, chỉ đề ý đến việc thương con. Nhưng, đi lấy chồng, người đàn-bà nào chả có những sự miễn-cưỡng nặng-nề ấy. Mình phải can-đảm mà chịu cho qua đi, rồi lúc có con, mình khuây hết. Mà đàn-ông họ cũng « khéo chiều » mình lắm. Họ coi mình như một người bạn quý, quý hơn hết mọi người đàn-bà họ đã yêu rả-rác trong đời, vì người vợ hơn một người tình, người

vợ là một người « nội-trợ », một người mẹ của gia-đình, trông-nom, săn-sóc đến gia-đình người ta như bà mẹ người ta ngày trước đã trông-nom, săn-sóc.

« Lúc mình đầu tiên có cái ý-nghĩ trong-sạch, thiêng-sêng ấy trong đầu thì mình mới hiểu rõ được cái trách-nhiệm quan-trọng của mình, mình mới rõ ràng : « Đàn-bà chúng mình đi lấy chồng, thường chỉ nghĩ đến lợi, chỉ muốn được tự-do, nhiều tiền của, có danh-giá, có nhiều đồ trang-sức để đua đòi với chị em, có thể thôi. Đàn-ông đi lấy vợ họ thành thực hơn đàn-bà nhiều. »

Chị Cả bảo thế mà mình cũng chưa yên dạ. Mình lại được dịp biết thêm rằng : « Con gái đời bây giờ khác con gái ngày xưa nhiều lắm. Ngày xưa họ thật-thà quá, họ chẳng biết lo-ngại là gì. Quả tim của họ trao cho người một cách dễ-dàng quá. Họ dễ an-phận quá ! » Thực đúng như lời chị Mãi thường nói :

— Con gái đời bây giờ thực « khó chịu » cho các « đấng phu-quân ».

VII

Những ngày cuối cùng

15 Décembre 193...

Những ngày cuối cùng của « đời con gái » mình sao mà buồn thế! Mưa rả-rích suốt ngày, trời rét, được hôm nào tạnh ráo thì mây đen u-ám khắp trời.

đầu giường tự lúc nào, tằm-tím cười, làm mình thẹn quá.

Trang-diễm, thay quần áo, ăn cỗ rồi đi lại mặt « nhị hỉ ». Loanh-quanh, luồn-quần đã đến chiều, rồi tối.

Tối đến mình lại ngồi trong phòng ngủ một mình. Chăn bông, nệm gấm, màn tuyền, ấm-áp, êm dềm, ánh đèn sáng dịu, mà sao lòng mình vẫn thấy lạnh-lùng, trống-trải? Mình bỗng dâm nhát sợ như đứa bé con đêm khuya thức giấc dậy thấy nằm trơ-trọi một mình không có bàn tay của « u già » sờ-mơn, vỗ-về, an- ủi. Mỗi một thứ đồ vật trong phòng, hình như giấu kín một sự bí-mật. Mình sợ từ cái giường rộng, đệm trắng tinh không có một nếp dãn, sợ cả đến những bức ảnh lạ mắt, treo trong phòng như nhìn mình bằng những con mắt lạnh-đạm, sợ cho cả cái đời hiện tại của mình, xa nhà, xa bố mẹ, xa... An. Rồi không hiểu sao, mình thấy nước mắt cứ trào ra, mình gục đầu xuống chiếc bàn con mà khóc như một cô bé có điều uất-ức trong lòng.

Giữa lúc ấy thì Sinh đi đâu về, mở cửa vào phòng. Sinh chạy lại bèn mình vuốt-ve, khuyên « ái ». Mình không còn nhớ lúc đó Sinh khuyên giải mình bằng những câu gì, nhưng hình như lúc đó, những cái vuốt-ve nhẹ-nhàng của Sinh, những lời êm-ái của Sinh đã thấm-thía, đã đi thẳng vào quả tim yếu-đuối của mình. Một lát sau, mình đã ngã đầu trên vai Sinh, rồi sáng dậy, mình thấy mình nằm cạnh Sinh, ngoan-ngoãn như một cô bé con cả ngày đùa nghịch, đến đêm đã ngủ một giấc ngon lành.

Thì ra đàn-ông không phải là những vật dâm ghê-sợ lắm. Trái lại họ còn dễ bảo, dễ yêu như con miu tam-thê « Bích-Thư » của mình ở dang nhà.

Bây giờ mình mới vỡ nghĩa cái câu: « Tôi định lấy Cường, vì tôi thích Cường » của chị Mỡ ở Sầm-sơn ngày trước.

X

Dũng

8 Février 193...

Nếu mình là một người đàn-bà vô tình, dễ quên, ít tưởng-tượng thì có lẽ mình đã hoàn-toàn sung-sướng.

Mình chẳng còn thiếu gì nữa. Một người chồng đủ tư-cách, yêu thương mình. Một cảnh nhà yên lành, dễ chịu. Mình sống trong vòng tự-do, sống sống trong cảnh đầy-đủ của đời vật-chất.

Thế mà mình vẫn chưa yên phận được. Hình như trong đời vẫn thiếu-thốn một sự gì. Một mối buồn, một nỗi băn khoăn, bàng-quơ vẫn đến ám-ảnh mình, làm cho Sinh một đôi khi thoáng hiểu cũng thấy buồn lây. Cái nó làm cho mình phải băn-khoăn trong dạ, làm sao mà tả được, hay chỉ tả được như thế này:

Mình lấy làm tội phạm vì được sung-sướng với một người không phải tự « tiếng lòng » chỉ bảo. Trong những phút ái-án mặn nồng nhất với chồng bao giờ mình cũng có những ý-nghĩ bất chính trong

đầu, bao giờ mình cũng nghĩ: « Nếu những cái vượt-ve mon-trón này là của An thì nó ra sao? »

Hình như trong đời có một thứ tình yêu « vô giá » mà mình không bao giờ được biết nữa: Cái tình yêu của một người mình yêu nhất trên đời. Đó là những ý-nghĩ nguy hiểm cho người đàn-bà đã có chồng, có thể làm lung-lay nền hạnh-phúc.

Từ ngày mình lên chức « bà » thì ngày tháng hình như chóng hết quá. Thế mà đám cưới mình, mình tưởng đâu vừa mới hôm qua. Mới ngày nào còn là cô con gái ở bờ hồ Sầm-sơn lo-ngại về tương-lai, mà nay đã là một người đàn-bà lừng trãi việc chồng con. Hạ tàn, thu, đông qua rồi xuân tới. Xuân tới với những cành đào nở hoa đỏ ối, với những bông cúc vàng rực-rỡ, với tiếng pháo nổ vang trời mấy ngày Tết, như hôm cưới mình.

Bây giờ thì Tết cũng qua rồi. Cũng qua nốt giấc mộng thần-tiên bấy lâu mình mơ-tưởng. Mình đã tỉnh mộng một cách xót-xa. Vì « Dũng » đã về, vì An đã trở lại Hà-thành.

Một buổi chiều mình mở cửa sổ, vắn-vơ nhìn xuống đường, nhìn người qua lại trên hè thành phố. Bỗng, một người đàn-ông đang đi, tự-nhiên dừng lại trước nhà. Người ấy đội một chiếc mũ bạc màu, mặc một bộ quần áo nát nhàu, vẻ mặt tiêu-tuy, chán-nản, buồn-rầu, nhìn lên cửa sổ. Mình còn đang ngạc-nhiên chưa nhận ra ai, thì người ấy đã lật-đặt cúi mặt xuống, rồi rảo bước đi mà không quay cổ lại.

Dũng! Người ấy là « Dũng của mình ». Người ấy là An, nhưng một anh An xấu-xi, già đi nhiều lắm. Đã có râu xanh xanh ở mép và cằm. Một anh An đã bị thương vì phẩn-dầu phi công, phi sức với đời, một tên lính bại trận, một thanh-niên già trước tuổi già, ốm mòn, không có vẻ tinh anh thừa trẻ, không còn nghị-lực, không còn hy-vọng ở tương-lai.

Không biết An có nhận ra Tuyết của An ngày trước nữa không? Nhưng Tuyết thì Tuyết vẫn nhận ra An được. Tuyết đã đoán ra được rằng từ buổi xa nhau An không được sung-sướng lắm. Đời đã cướp hết phần hạnh-phúc của An rồi, mà Tuyết và An ngày nay tuy gặp nhau nhưng lại cách xa nhau nhiều lắm. Một cái hố sâu đã ngăn-cản hai người. An không phải là « người trong mộng » của Tuyết nữa rồi. Thà An đừng gặp Tuyết còn hơn. Vì như thế, Tuyết còn giữ lâu trong lòng được cái hình-ảnh một thanh-niên dịu-dàng, tươi-lần, thông-minh, mạnh-mẽ, ngày xưa. Cái hình-ảnh của An ngày nay đã làm tan mất mối tình-cảm ngày trước rồi. An không còn là An nữa rồi. An bây giờ là một người khác rồi, một người mà đàn-bà không yêu được, hay có yêu nữa cũng là yêu gượng mà thôi. Ai bảo An không cố gắng cướp-lấy phần phú-quý cho đời mình? Ai bảo An lại trở về tiêu-tuy thế? Biết làm sao được? Thôi, ta với An từ nay cũng « đoạn-tuyệt » rồi!

Chiều qua Sinh đi làm về mua cho mình một gói kẹo « li-cơ ». Mình cảm-động, nghĩ thương chồng bấy lâu săn-sóc tới mình, mà mình chẳng thực tình

yêu. Đêm khuya nằm canh Sinh, trong phòng ngủ êm-đềm, tự-nhiên lòng mình thồn-thức, rồi đem tâm-sự kể cho Sinh hay. Sinh nghe lúc đầu có ý không vui, mặt cứ xám dần. Nhưng đến đoạn cuối thì chàng mừng rỡ, từ nay chàng hẳn yên lòng. Sinh đã tha lỗi cho vợ bằng một cái hôn đậm đà trên đôi môi son thắm. Một ngày kia lúc mình và An đều có tuổi cả thì hẳn An không bao giờ còn trách mình, vì An sẽ nghĩ: Tuyệt là đàn-bà...

Đúng như một câu hát tiếng Pháp mà ngày xưa chị Mão thường hát trên bờ hồ Sầm-sơn: « Je suis femme, voilà mon défaut ». (Em là đàn bà, em chỉ có cái lỗi ấy thôi). « Những đàn tộc thai-bình, sung-sướng, không làm gì có lịch-sử ». Những người vợ đẹp được chồng yêu cũng không còn chuyện gì mà kể nữa.

Vậy thì, tập nhật-ký của mình đến đây cũng nên chấm dứt cuối cùng.

*liên. nó gần sang; ở: họ thì có biết bao...
 sáng chán, đi hình... là người, như...
 anh chàng thì phải đến...
 Sống! không đáng tiếc, đem cho ai tình...
 sao không, thiên, hẳn, với với hàng người...
 đời tình, & chỉ ai tình với ai...
 những gì, có tuyệt mà riêng anh chàng...
 những qua số tiếng da với kẻ lương...
 mà lại sang gần hai đầu...
 đời, do bao năm đây...
 may với đẹp đẽ những...*

*kiệt với bằng đến lâu... Chín...
 với bằng như người xưa, chỉ...
 vào thân một...
 kiếp... còn ma nào...
 tổng gặp gỡ, tha...
 !!!*

TẶNG LAN

Chánh

(Gửi cho một bà thường giặc viết luận)

Bà Khanh,

XIN thú thực với bà, lúc nhận được thư bà, tôi chưa tìm được đầu-đề gì mới để viết cả. Hình như tôi lười viết lắm thì phải, năm thì mười họa mới « đề » ra được một bài. Ông chủ bao cũng nghĩ như vậy, bà cũng nghĩ như vậy, mà chắc các bạn đọc ở chốn xa-xôi thường thư-từ thăm hỏi, thường luôn luôn nhắc-nhở, cũng nghĩ « oan » cho tôi như vậy. Nhưng kỳ thực tôi vẫn viết luôn đây, thưa bà - à quên ! tôi vẫn bắt tội khối óc tôi làm việc luôn, nghĩ luôn, nghĩ luôn để viết, để viết...

« Ông viết luôn đi ! kéo chúng tôi mong... » Cái câu ác-nghịch này, lúc nào tôi cũng nghe văng-vẳng bên tai. Lúc thì nũng-nịu, thiết-tha, năn-nỉ như giọng một cô khuê-các trách thăm, trong lúc vẫn-vor buồn bên trường gấm, dệm nhung, ngồi nhàn-rỗi, muốn tìm một nhà-văn quen sống những mộng lòng. Lúc thì tôi nghe nó nghiêm-khắc, giận-giỏi như giọng một ông giáo già, hồi còn nhỏ, mắng, khuyên tôi những khi tôi chẳng thuộc bài :

— Anh viết luôn đi ! kéo dài sẽ quên anh !

« Đòi sẽ quên anh ! ». Các nhà-văn sô-dĩ phải ngày đêm loay-hoay với ngọn bút, phải ngày đêm rút ruột tô-diêm tờ giấy trắng, như con tằm kéo tơ, cũng chỉ vì cái câu thắm-thiết ấy.

Bà đã được trông thấy những bộ mặt buồn-rầu, xanh-xao, thất-vọng của những nhà-văn « bị đòi quên » chưa ? Bà đã được trông thấy họ thất-thểu một buổi chiều hôm Hà-nội mới sáng đèn, thấy họ lê bước đến bên những hàng sách, lần-mần đọc từ cái tên sách đến tên những tác-giả hiện-thời, một cách căm-hận, ghen-tức chưa ? Bà đã trông thấy họ, mắt lóng-lánh đầy hy-vọng, đi về những cái gác trọ chật hẹp, ẩm-mốc, gió lùa tiết rét, nắng nấu mùa hè, tự an-ủi, tự đổ-danh, cặm-cui trên bàn viết, nhưng viết không ra, nghĩ không được, mà vẫn chờ, vẫn cố sức chờ những ngày vinh-quang rực-rỡ không bao giờ có ?

Bà đã được đọc những nét già sớm trên khuôn mặt trẻ-trung, bơ phờ, bạc phếch của họ dưới ánh đèn lúc đêm khuya họ lần giở những tập văn cũ đã nát nhàu vì nắng xem tới, để ôn lại những sự vui-sướng thoáng qua ở đời dĩ-vãng ; trong khi cả một thành-phố rộn-riệp, vui chơi, ồn-ào, bông-bột, không có lấy một người nhắc đến cái tên của họ ?

Vì cái công-chúng bây giờ quá-quắt lắm, thưa bà. « Họ chỉ biết, họ chỉ nhớ đến tên người viết bởi cái tác-phẩm cuối cùng. »

Đừng nói đến những công trình — tuyệt-bút mặc dầu — đã viết rồi, đã xem qua, vô-ích ! Không ai còn nhớ nữa. Vậy cho nên, cái tên mình hôm nay có trên mặt một tờ báo, muốn cho đời nhớ đến, ngày mai cũng phải có. Sống ở đời để truyện ngắn, truyện dài với công-chúng, muốn cho công-chúng « để ý » đến mình, thì hết tuần này qua tuần khác, phải làm cho họ « nghiệm » mình, « say » mình như say, nghiệm thuốc, theo đuổi mình như theo đuổi tình-nhân, mong-mỏi mình như mong-mỏi người bạn quý, nhắc-nhở mình như nhắc-nhở một kẻ thân-yêu đi xa vắng lâu ngày. Mà tìm đến được với cái vẻ-vang, hàn-hạnh ấy, nào phải đâu chuyện dễ.

Người viết đã tồn bao nhiêu tâm-trí đã rắc-rải trong đời biết bao tinh-hoa, tư-tưởng, đẹp-đẽ, cao siêu, cay-đắng, ngậm-ngùi, vui buồn, đau, khổ.

Nỗi lòng của nhà tiểu-thuyết thực ông Tchekou — một nhà viết tiểu-thuyết Nga — đã tả đúng trong những lời này :

Hết ngày đến đêm, tôi cứ bị một tư-tưởng theo riết với mình: Phải viết ! Phải viết ! Phải viết mới được. Tôi vừa xong cái đoản-thiên này thì đã phải viết qua cái khác. Tôi không hiểu tại sao, nhưng tôi cứ viết không ngừng như một người phu trạm đi thư, mà tôi không biết làm thế nào khác được. Như thế thì có gì là cao-thượng đâu ? Tôi xin hỏi các ông đây ! Ngày tôi đứng trước mặt các ông, tôi bút-rút, bối-rối, và lúc nào cũng nhớ rằng có một bộ tiểu-thuyết bỏ dở còn đợi tôi. Tôi rình các ông, tôi

rinh cả tôi nữa, rinh từng tiếng, từng câu, rồi lật-đật ghi-chép lấy những tiếng, những câu đó, vì chẳng-hoặc cũng có ngày dùng đến chẳng? Khi đã làm việc rồi, đáng lẽ phải nghỉ, phải quên nhưng, trong óc sao vẫn như có một cái ống gang lăn tròn, một cái đầu-đề mới, và tôi cảm thấy bị lối-kéo tôi vẫn-phòng.

Tôi phải lật-đật viết hoài như vậy mà không bao giờ được nghỉ cả, do cái lối của tôi. Tôi cảm như tôi giết hại cái đời của tôi và, vì những người xa-lạ trong không-gian, tôi đã ăn nhụy của những bông hoa đẹp nhất của tôi, tôi đã ngắt chúng nó và chà-đạp lên gốc của chúng nó. (1)

Vậy thì, Bà Khanh, mỗi khi bà cùng các bạn ngồi xúm-xít với nhau trước những chén trà thơm ngát, trước những thỏi kẹo ngọt, giòn, giữa một phòng khách êm-dềm đầy tiếng cười xuân, và tiếng dương cầm thánh-thòt, nếu bà và các bạn, tuy lúc cao-hừng có nhắc đến tên một văn-sĩ quen quen mà lâu ngày vắng tên trên mặt báo, các bà nên nhớ cho rằng, cũng đồng-thời, cái người mà các bà vừa nhắc đó, « trong đầu đang có một cái ống gang lăn... », cái con người khổn-nạn đó đang bóp óc tìm « một cái đầu-đề mới », đang vò nát, đang « ăn nhụy những bông hoa đẹp nhất » của đời mình. Rồi những lúc đêm khuya chưa ngủ được, ngả tấm lưng mềm-mại một cách

(1) Bản dịch của Thiều-Sơn trong bài « Nhà viết tiểu-thuyết ».

mỏi-mệt trên những chiếc đệm sa-tanh êm-ái sực mùi nước hoa, đắt giá, tinh-cờ các bà đọc đến một trang tiểu-thuyết mà con Sen xinh-xắn của các bà chành-màng để ở đầu giường, các bà bỗng thấy cõi lòng, rung-động, thồn-thức thiết-tha vì người trong chuyện. Những lúc ấy, các bà nên nhớ cho rằng, những hàng chữ vừa qua mắt các bà, những câu văn, những nhân-vật mà tác-giả vừa phò-bày ra đây chính là « những giọt mật » chính là những « giọt máu » còn hôi-hôi nóng, chứa đầy sinh-khí của văn-nhân.

Xin lỗi bà, từ này đến giờ tôi chỉ nói đến nỗi khổ của « con nhà văn » mà quên lửng ngay rằng mình đương kiếm đầu-đề để viết.

Viết? Thưa bà, hai tuần nay, tôi viết được hai dòng, hai câu... thơ cổ, mà lúc ngồi vào bàn, cầm đến cán bút, tôi sực nhớ đến, tôi viết luôn vào đầu trang giấy trắng, rồi ngâm se-sẽ một mình. Rồi tôi lại xóa đi, tô mực vào hai câu thơ cổ ấy cho đến đen sì không còn ai đọc được nữa. Một ngày qua, một đêm qua, lại một ngày nữa: cái đầu-đề mới vẫn chưa chịu ra cho, đến mãi bây giờ, nhận được thư bà, tôi càng đăm cuống. Vậy mà hình như quanh mình tôi, tôi cảm thấy biết bao nhiêu đầu-đề đáng viết, có thể viết được, đang chờ đợi. Tôi tưởng tôi có thể hạ bút ngay mà kéo dài một chập được tám, chín, mười trang. Nhưng sao tôi vẫn còn do-dự? Tiếng bánh xe lăn ngoài phố, tiếng một đũa trẻ rao hàng trong đêm khuya trời rét, tiếng

thi-thầm của thành-phố, tiếng gió động cỏ hoa trong vườn cảnh, ngoài hiên... những hạt mưa rơi trên cửa kính... Hình như trong mỗi một điều nghe thấy, có sẵn-sàng một cái đầu-dề, thế mà không sao viết được. Tôi mặc áo, đóng cửa phòng, đi lang-thang ngoài phố vắng. Tôi gặp một người bạn kéo anh ta vào một nhà khiêu-vũ để mong tìm « yên-sĩ ». Trên những bộ mặt ăn chơi đàng-diếm, trên những nét lo-âu, già sớm, phối-pha của gái ban đêm mỗi một, trong một điệu kèn yếu-đuối, lẳng-lơ, trong những cốc rượu mùi đầy bụi, trong làn khói thuốc nồng-nàn, trên những lá chét nằm rải-rắc trên hè vắng... tôi mong tìm ra, nghĩ ra một chuyện gì, một chuyện gì...

Tôi vẫn chưa tìm ra được chuyện gì « hay ho » để viết cả. Tại sao? Ừ, tại sao trong những cái vừa kể ấy, tôi không « lọc » ra được cái cốt truyện gì để mà phóng bút? Chỉ tại, thưa bà, chỉ tại những sự thực ở đời, nếu đem mà tả, vẽ ra trên mặt giấy nhiều khi lạt-lẽo, chẳng có nghĩa-lý gì. Có những cảnh đời rất thương-tâm, rất éo-le, điều-đứng, mà nếu ta cứ sự thực phỏ bày ra, công-chúng chẳng mấy-may cảm-động. Cho nên công việc nhà viết truyện là phải thêm, bớt, như anh đầu-bếp làm các món ăn, tô-diểm, đổi thay những bức họa của thiên-nhiên như anh thợ vẽ.

Tôi có một người bạn, — anh Văn — đã qua đời thường nói một câu rất ý-vị : « Chỉ những người tâm-hồn tầm-thường mới nghĩ viết ra được những

truyện tầm-thường ». Vì vậy nên mỗi lần cầm đến bút định viết một truyện gì là tôi nghĩ ngay đến câu nói của anh Văn, rồi trong lòng sinh ra do-dự, dấn-do trước một cái đầu-dề vừa tìm ra được, không dám hạ bút viết ngay. Anh Văn là một người rất khó tính. Những tiểu-thuyết đăng trên các báo thường ngày không mấy khi làm cho anh vừa ý, tuy cả đời anh chưa viết nên một truyện gì hay. Nhưng bình như anh vẫn tự nhận mình là một « tiểu thuyết gia » thì phải. Lúc nào tôi gặp Văn là cũng thấy anh khoe nay mai sắp cho in một cuốn tiểu-thuyết làm nao-động làng văn trong nước. Thế rồi anh dắt tôi vào các tiệm hút ầm-thấp, tối om, của các ngõ hẻm Hà-thành để đi tìm « tử ». Anh bắt tôi đi suốt đêm dưới mưa bay, ngoài đường gió rét dề « sống » những cảnh cơ-hàn của một thiếu-niên vai chính, người trong « truyện của anh ». Anh đưa tôi vào thư-viện của thành-phố, tìm-tôi, lục-lạo những pho sách cổ để tìm tài-liệu. Có lúc đang ngồi nói chuyện vui, anh bỗng mơ-màng như người mê ngủ, nhìn làn khói thuốc vờn-vơ, anh vội lấy bút máy ghi-chép những ý-tưởng mà anh bảo « nó vừa chạy qua đầu ».

Thế rồi, hết sáu tháng đến một năm « tác-phẩm » của anh vẫn nằm trong óc; hỏi anh, anh vẫn khất lần.

Một ngày kia, anh bỏ Hà-nội về nghỉ ở nhà-quê anh. Anh nói với tôi : « Để viết cho tỉnh-mịch », nhưng tôi thì tôi hiểu : « Để chết cho yên lặng ».

Vì đã lâu anh mắc bệnh lao. Có lẽ lúc ấy đã đến thời-kỳ trầm-trọng.

Một buổi sáng, tôi nhận được một bức thư có mấy dòng vắn-tắt của Văn :

«Thôi, chào anh lần cuối cùng. Lúc anh được thư có lẽ tôi đã đi rồi. Anh về quê tôi, mở ngăn kéo ở bàn giấy sẽ tìm thấy bản-thảo cuốn tiểu-thuyết *Ngày xanh* tôi đã viết xong. Nhờ anh giao lại cho Lan, người yêu của tôi, anh đã biết. Cám ơn anh và chúc anh ở lại vui-vẻ luôn. Bạn anh, Văn »

Tôi về đưa đám Văn cùng mấy người bạn thân của anh. Lúc từ-giã bạn ở lại giữa một cánh đồng cỏ xanh, lạnh-lẽo để về, thì tôi sực nhớ ra lời dặn trước.

Tôi bước vào phòng sách của Văn lúc đó về một buổi chiều gần sẩm tối. Bàn viết của anh trông ra một góc vườn thanh-tĩnh, cây, lá rườm-rà. Tủ sách của anh kê gần đấy đựng đầy sách quý. Trên bàn, cán bút còn để trong lọ mực, hình như chủ-nhân là một nhà đại-văn-hào, vừa bỏ đấy để ra đi bách-bộ ngoài vườn. Chiếu ảnh xinh-tươi của anh ở một góc bàn nhìn tôi cười nụ. Tôi tưởng chừng hồn Văn còn lẫn-quất đâu đấy.

Tôi mở ngăn kéo lấy ra một tập giấy dày đóng thành sách, ngoài bìa đề hai chữ *Ngày xanh*. Đây rồi ! chính bản thảo của cuốn tiểu-thuyết mà Văn đã tồn bao nhiêu tâm-lực mới viết nên. Tôi lật bìa nhìn trang sau, thấy mấy giòng chữ nhỏ :

Tặng Lan, người yêu quý của anh,

Tôi cảm-dộng từ-từ lật thêm trang nữa, rồi một trang nữa, ô hay ! sao lại giấy trắng ? Một trang nữa cũng vẫn thế, vẫn giấy trắng ! không có một chữ gì, cho đến kỳ-cùng !

Tôi ngạc-nhiên hết sức, không ngờ anh Văn chưa viết thêm được chữ nào. Thì ra Văn chết mà chưa toại chí, cái công-trình mà anh định đem hiến cho đời, trong cả một đời người, anh lại đem đi.

Vâng theo lời người đã khuất, tôi trân-trọng bọc cuốn sách có tên mà « không ruột » kia vào một tờ báo, rồi tìm đến nhà Lan, người yêu-quý của Văn.

Thoạt đầu, Lan cũng làm như tôi, nhìn cái tên sách ngoài bìa, lật qua, nhìn dòng chữ tặng có vẻ ngậm-ngùi, cảm-dộng, lật mấy trang giấy trắng nữa ngạc-nhiên, ngược mắt nhìn tôi. Rồi bỗng, bà Khanh ! Lan bỗng trào nước mắt. Mà, đến lúc này, lúc nhìn người đàn-bà bất-hạnh, đáng thương kia khóc rầm-rút trước cuốn sách đề-tặng của người yêu-quý nhất đời đã khuất, trước một cái *thai chưa thành hình* — nhưng đã đầy đủ lắm rồi ! — lúc này tôi mới thấu rõ cái thâm ý của Văn : Lan đã cảm hết nỗi ái-ân kin đáo của một quả tim chân-thành, nồng-nàn, dăm-thắm.

Văn muốn đem tác-phẩm thứ nhất của đời mình tặng người yêu-dấu, nhưng Văn chưa viết được thì đã bị bàn tay độc-địa của Tử-thần...

Bà Khanh ! tôi cũng muốn được như Văn — nhà « văn-sĩ vô danh » mà tốt số ấy — suốt đời chỉ viết

có mỗi một câu mà chỉ một người hiểu thấu, một câu gồm biết bao ý nghĩa, một câu mà đầy-dủ bằng cả một pho ái-tình tiểu-thuyết rất cảm-dộng, rất sâu xa, một câu :

Tặng Lan, người yêu-quý của anh

Nhưng... thưa bà, hình như tôi đã tìm ra đầu-đề để viết rồi đây.. mà tôi cũng đã viết rồi, mà bà cũng đã đọc rồi, mà cái đầu-đề ấy vẫn là hai chữ :
« Tặng Lan... »

Người bạn rất thành-thực của bà

Kính bút

ANGÈLE

TÔI cũng không hiểu tại sao tên nàng lại là Angèle nữa. Nhưng cái đó có hề gì, đặt tên tây, bây giờ hình như đã thành cái « mỗi ». Tôi đã thấy nhiều tiểu-thư con nhà quý-phái, lương thiện, có tên tây ; tôi đã gặp chán cảnh gái chơi bời « an-nam trăm phần trăm » có những tên Suzanne, Simone, Jeannette...

« Lần đầu, tôi gặp Angèle về một buổi tối mùa đông, trong một tiệm rượu đường Paul-Bert, ngày anh Sừu hầy còn là một tay phong-lưu công-tử, tiếng-tâm lừng-lẫy ở các chốn ăn chơi, hội họp, có tiếng sang-trọng nhất Hà-thành. Nàng có một sắc đẹp huyền-bí, lạ-lùng, trông thê-thảm nhưng quyến-dũ, hại người, thứ sắc đẹp của mấy cô đào « vamp » trên màn ảnh : Quầng mắt thâm, lông mày nhỏ, xếch mà dài, môi mỏng, chia ra như kiêu ngạo, như đã chán-chường những cái hôn « vi tiền », những cái hôn lạnh-lùng trao đổi. Ai đã gặp người ấy một lần, chắc không bao giờ quên được. Vì nàng không phải như phần nhiều gái giang-hồ ta vẫn biết : một

dêm ân-ái rồi lúc chia tay chẳng còn dấu-vết chi sót lại trong lòng, có khi không nhớ đến tên tuổi nữa, có khi tình cờ gặp mặt mà ta không buồn cất mồm. Không ! nàng không phải cái hạng tâm-thường ấy. Nàng thuộc về hạng đàn-bà nguy-hiểm mà hề ai đã dám-đuổi, say-mê thì cuộc đời phải đảo-điên tan-nát, hề đã yêu ai thì người đàn-ông ấy tức là một người sung-sướng nhất đời, nhưng... liệu hồn ! lúc nàng đã đổi nết... nàng là một con diên hay một con tinh. « *Au fond de toutes les prostituées, il y a une folle* » (trong mỗi người con gái giang-hồ có ẩn-nấp một con diên). Câu này không biết tôi đã đọc ở cuốn sách nào, nhưng nếu dùng để nói về nàng thì thực đúng. Tôi đi chơi nhiều, lăn lóc đã lắm, đã biết nhiều đàn-bà, mà thực chưa thấy ai tinh nết lạ kỳ, tàn ác như Angèle. Anh Sửu đã chết vì Angèle, nhưng đã báo thù được nàng...»

Anh Phấn nói đến đây thì ngừng lại, tợp một ngụm rượu, gọi bồi lại bàn chúng tôi ngồi từ tối, trả tiền rồi bảo tôi :

— Chỗ này ồn quá, không phải chỗ nói chuyện lâu, chúng ta ra ngoài kia...

Chúng tôi đứng dậy, đi lên qua những bàn kê la liệt trong phòng khiêu-vũ, đã đông khách ngồi. Giờ ấy là giờ Hà-nội dương vui chơi rộn-rịp nhất. Một bàn tay sẽ kéo áo anh Phấn lại, một giọng đàn-bà ôn-ôn :

— Anh về sớm thế ? Ở lại chơi đã...

Anh Phấn lắc đầu, uể-oải gỡ bàn tay kia ra, rồi mở cửa ra đường. Anh là một khách chơi-bời đã nhẵn mặt tất cả « gái ban đêm ».

Trái lại với sự nóng nực khó thở trong nhà khiêu-vũ, không-khi ngoài đường lạnh buốt khiến chúng tôi phải rung mình kéo cao cổ áo khoác ngoài, và lấy thuốc ra cùng hút. Đường phố vắng tanh, tiếng giầy của chúng tôi gõ trên hè gạch nghe rõ mồn-một càng tăng sự im lặng long-trọng của đêm khuya.

Xa xa, một vài ngọn đèn điện trên nóc các nhà buôn lập-lòe những dòng chữ quảng-cáo.

Trên đường, một vài cái xe không khách, buồn rầu từ từ đi vào những bóng tối đẹp si. Cửa nhà hai bên phố đều đóng im-ìm. Giờ ấy là giờ nghỉ ngơi quý hóa nhất của người làm ăn lương-thiện mà cũng là giờ của dâm-thần, của những con ma cờ bạc, rượu chè, giờ ám-ảnh, dẫn-dụ người ta vào vòng truy-lạc.

Bỗng anh Phấn để tay lên vai tôi dừng lại. Từ cái nhà khiêu-vũ chúng tôi vừa đi khỏi, vắng đưa ra một điệu âm-nhạc êm-đềm. Tôi cũng để ý nghe mà không rõ anh Phấn để ý làm gì. Anh lại kéo tôi đi mà nói :

— Một bài *blue*.

— Ừ, *blue*, nhưng sao nữa ?

— Cách đây hai năm, một hôm Angèle đã bảo tôi cùng nhảy với nàng bài này, phải, chính bài *blue* này, tôi còn nhớ, bài ấy hay đấy chứ ? Ngày ấy,

anh Sứ đã hết tiền, trốn vào Saigon vì công nợ liên-miên, anh ấy vì chiều quý người yêu quá mà đến thế. Khốn-nạn ! anh chỉ đem theo những sự thương-nhớ không khuấy, những điều tuyệt-vọng... mà nào Angèle có thêm biết đến người đã làm lỡ cả một cuộc đời vì nàng, Angèle vẫn vui chơi như trước, như không hề biết có Sứ là ai.

« Thế mà lạ thay ! một hôm tôi gặp nàng trong một nhà khiêu-vũ. Hôm ấy, nàng đi một mình, từ lúc vào không nhảy với ai một bài nào cả, có dáng buồn-rầu, chán-nản, ngồi im trông những cặp trai gái khác nhảy, bằng đôi mắt lạnh-lùng. Bỗng đến bài này, bài *blue* này, thì mắt Angèle sáng quắc lên : nàng trông thấy tôi ngồi với hai người bạn ở một góc phòng, nàng chạy lại gần tôi, nói nhỏ vào tai tôi :

« — Anh đứng lên nhảy với tôi bài này đi !

« Tôi chiều ý nàng, ngạc-nhiên hỏi :

« — Thế sao từ tối đến giờ, Angèle không nhảy với ai cả, mà lại nhảy bài này ?

« Angèle mơ-màng, đáp :

« — Vì là lần đầu tiên, tôi gặp Sứ, thì Sứ mời tôi nhảy bài này... Anh hãy để ý mà nghe những tiếng *saxophone* rời-rạc, chậm-chạp mà du-duơng, buồn-thảm lạ !

« Trên kia, tôi đã nói với anh, Angèle là một con diên Ừ, không diên sao lại không nhớ, không thương

đến người đã thất cơ lỡ vận vì mình, mà lúc Sứ đi rồi, một ngày kia nàng lại sực nhớ đến một bản âm-nhạc không đáng kể rồi thản-nhiên mà nói :

« — Tôi đã nhảy với Sứ bài này lần đầu gặp-gỡ.

« Làm như mình là một kẻ chung-tinh nhớ đến cả từ cái nhỏ-mọn, tầm-thường trong đời ân-ái đã qua rồi. Làm như mình là một người đàn-bà đa-cảm, tinh-nhân xa vắng mà còn nhớ từ điệu đàn, câu hát ở những giờ phút vui xưa ».

Kể đến đây thì anh Phấn dừng bước trước cửa nhà anh và giơ tay bấm chuông điện. Anh bảo tôi :

— Khuya rồi ! anh đừng về nữa, ở đây ngủ với tôi, nói chuyện... Chuyện còn dài lắm !

Tôi vì lâu ngày xa Hà-nội, đến nay vừa trở lại, tình cờ đi chơi gặp Phấn trong nhà khiêu-vũ, nhân được tin Sứ chết mà hỏi thăm, không ngờ nghe đến chuyện « Angèle », tôi bỗng nảy ra ý tò-mó muốn biết nốt câu chuyện ly-ký xảy ra trong cái đời ăn chơi truy-lạc của một người bạn trẻ. Phấn là một người bạn mà tôi không thương gặp lắm, những khi đi xa vắng lâu ngày trở về là tôi lại tìm đến anh ta để được nghe một vài chuyện lạ-lùng. Những chuyện ấy bao giờ anh cũng sẵn. Anh rõ biết từ cái tiểu-sử của một gái giang-hồ, cho đến đời tư của khắp mặt ăn chơi ở kinh-đô, những cái mặt ta thường gặp miệt-mải ở các xóm yên-hoa, trong tiệm rượu, tiệm nhảy của Hà-thành buổi tối.

Bởi thế nên tôi vui lòng ở lại với anh đêm đó. Một thằng nhỏ ra mở cửa rồi đưa chúng tôi vào phòng ngủ của anh Phấn, một gian phòng ấm-cúng bày-biện sơ-sài mà thanh-nhã.

Phấn chỉ cho tôi một cái ghế « phô-tôi » rộng, lấy thuốc lá thơm ra để lên bàn, rồi kéo một chiếc ghế thấp ngồi đối diện với tôi. Tôi còn đang mãi nhìn một bức ảnh lồng kính ở trên tường thì anh ta nói :

— Đây ! Sứ đây ! Sứ tặng tôi cái ảnh này đã năm năm rồi, hồi ấy trông anh ta còn ngây-thơ, tuấn-tù lắm đấy chứ ? Thế mà bây giờ, còn đâu nữa... Anh chết một cách thảm-thương chỉ vì « một người đàn-bà đã đi qua » trong đời anh...

Một người đàn-bà đã đi qua ! Tôi thầm nhắc lời anh Phấn nói mà bùi-ngùi, tôi bỗng thấy một mối buồn, nản, lẩn áp cả tâm-hồn. Tôi lặng-im, ngồi xuống ghế, mắt không rời người trong ảnh. Anh Phấn đánh diêm châm thuốc hút rồi kể tiếp :

— Sứ gặp Angèle lần đầu ở Đờ-Son, ở khách-sạn P... trong một buổi khiêu-vũ tối. Về sau này, Sứ nói chuyện với tôi, Sứ còn nhớ cả cái áo màu nàng mặc đêm đó, với nụ cười tươi đẹp nàng tặng kẻ si-tình, với đôi mắt nhìn như thời-miên, như quyết-định số-phận người đàn-ông khổn-nạn kia trong một buổi. Mà Angèle đẹp như thế, trách gì Sứ chẳng mê-mệt. Buổi đầu Sứ giới-thiệu Angèle với tôi, tôi cũng phải khen ngay là một người đàn-

bà như thế thực khó mà tìm thấy trong bọn giang-bồ. Nàng thông-minh, có học, nói tiếng Pháp thực dễ-dàng ; nàng lịch-thiệp, mẫn-mã, cử-chỉ tự-nhiên chẳng khác những thiếu-nữ người Âu.

« Cái tên pháp nàng tự đặt cho mình cũng xứng-đáng với nàng lắm. Angèle ! Chúng tôi gọi nàng một cách tự-nhiên hình như từ buổi lọt lòng, nàng không có cái tên nào khác nữa.

« Nghe như Angèle là con gái một gia-dinh vào bực khá trong xã-hội, — Sứ thường bảo với tôi như thế — vì bực tức về một chuyện gì, bỏ nhà đi, lưu-lạc, vẩn-vơ, theo cuộc đời mưa gió mà chính nàng cũng ghé-tởm, khinh-bĩ gớm-ghe. Ngay từ buổi mới biết Angèle, Sứ đã thường nói với tôi : « Tôi quyết đưa nàng vào con đường thẳng. » Nhưng than ôi ! con đường thẳng ấy, Angèle không bao giờ biết đến lại còn dắt luôn Sứ vào một con đường nguy-hiểm, mà chỗ tận cùng là một cái hố sâu vùi lấp hai cuộc đời.

« Sứ cũng đã biết nhiều đàn-bà mà không hiểu tại sao chỉ yêu cô mỗi một mình Angèle, hay đó là một sự oan-nghiệt của kiếp người không tránh được. Một lời nói của Angèle, đối với Sứ là một cái mệnh-lệnh. Angèle muốn gì được nấy, Sứ không bao giờ từ chối một điều gì ; trái lại, muốn làm đẹp lòng Angèle, Sứ lại còn sắm cho nàng những đồ nữ-trang thực quý giá, những quần áo cực-kỳ sang-trọng khiến mỗi khi hai người đi đến những chỗ nhà hát nhà chớp-bóng, những chốn tụ-hop đông-đúc của Hà-thành, biết bao người phải ghen

tức. Những lời khen-ngợi của công chúng thi-thăm mỗi lúc hai người khoác tay nhau đi qua chỗ đông, đã làm cho Sứu thêm hởi dạ, thêm kiêu-căng, tự-phụ.

« Chủ-định của Sứu là chiều người yêu cho đến kỳ cùng, dầu nàng hay đổi tính đến bao nhiêu đi nữa. Sứu nhất-định đem tiền của vung phí cho nàng nếm đủ mọi mùi ăn chơi xa-xỉ, cho nàng đi tới khắp nơi lộng-lẫy, tung-bừng, náo-nhiệt, để một ngày kia, lúc nàng đã chán-chê những thú vui ảo-mộng kia rồi, thì hai người sẽ tìm một chốn tĩnh-mịch ở một phương xa, để yêu nhau, để quên cuộc đời rộn-rịp. Tội-nghiệp! Sứu chỉ hy-vọng sẽ thay đổi được tính nết người yêu, Sứu chỉ ước ao có thể : « Một túp nhà tranh và một quả tim ! »

« Nhưng lòng người đàn-bà một khi đã dày-dan vì trời-nổi phong trần, tình của người đàn-bà đến lúc đã coi như là một hàng đồ đổi-chác lấy những sự cần dùng của đời vật-chất, thì lòng kia đã thành sắt đá, chẳng còn biết chi là chung-thủy. Sứu thất dạ yêu nàng mà nàng vẫn dành tâm hờ-hững. Nàng chỉ biết Sứu là một người đàn-ông giàu có, cần thiết cho cái đời phồn-dãng của nàng, cũng như bao nhiêu những đàn ông khác nàng đã gặp, đã phá tan hạnh-phúc của người ta, đã làm cho điêu-đứng, ê-chê, đau-dớn mà vẫn xem thường, không cần để ý. Nàng cho là ở đời, những hạng đàn-ông si-tinh kia không hiếm : bỏ người này đã có người khác thay chân nối tiếp nhau mà làm cho đời vui của nàng vĩnh-viễn.

« Tôi đã có lần đọc qua truyện một người thiếu-nữ bị một người đàn-ông mà nàng yêu lần thứ nhất trong đời lừa-dổ, làm làm-lỡ cả một đời, đến nỗi về sau sa chân vào bước giang-hồ, nàng thề sẽ báo thù bọn đàn-ông cho đến hết đời, sẽ dùng sắc đẹp mà làm say-dắm, làm cho điêu-đứng bất cứ anh chàng nào không may đã trót yêu nàng. Chẳng biết có phải Angèle cũng thuộc về hạng đàn-bà sâu cay, ghê-gớm ấy không ?

« Sứu bỏ chốn gia-đình êm-ấm để theo đuổi Angèle. Chàng thuê nhà riêng để cùng với nàng, nhưng nhiều hôm nàng bỗng bỏ ra đi không nói với Sứu một lời, rồi đột-nhiên nàng lại trở về tươi-cười tìm một cơ rất vô-lý giải nghĩa cái vắng mặt của nàng, mà lần nào Sứu cũng sẵn lòng tin được. Nhưng hình như Sứu khổ-sở ngấm-ngấm mà không si hiều. Sứu không phải là người có tính ghen-tuông mà lắm lúc cũng phải tức tối điên-cuồng về cử-chỉ của người yêu. Có hôm, tôi gặp Sứu đi đầu trần dưới mưa, đi tìm Angèle khắp nơi, khắp chốn, Sứu gặp được tôi trong một tiệm rượu liền kéo tôi đi tìm họ. Chúng tôi gặp nàng say rượu, là lời cười nói giữa một tụi thiếu-niên ngồi vây lấy nàng trước những chai « sâm-banh » cạn ráo. Hôm đó, nếu không có tôi nắm giữ tay anh thì có lẽ anh đã xô đổ bàn rượu kia xuống đất, mà đập vỡ chai vào đầu những người ngồi cạnh Angèle.

« Hình như đêm hôm đó, lúc về nhà, Sứu đã phải thiết-tha xin lỗi Angèle, nếu không nàng sẽ bắt tay

Sửu ra đi, nằng sẽ vớt hổ, giày-xéo lên những quần áo đất tiền, đồ trang-sức quý giá, mà ra đi không thèm quay cổ lại. Con tức-giận, tính kiêu-căng lòng tự-ái của người đàn-ông đối với đàn-bà nhiều lúc chỉ là những cái giẻ rách mà họ đem lau chùi đôi giày hay bàn chân họ một cách thản-nhiên.

« Lúc này đã đến lúc Sửu bước vào vòng quần-bách, Sửu đã bán luôn hai chiếc nhà, lại còn lạm vào mấy ngàn bạc nợ. Thế mà đến phút cuối cùng Sửu mới nói cho Angèle biết. Angèle đón cái tin ấy như một cái tin nằng đã biết trước. Nằng nghe những lời than-thở, hối-hận của Sửu một cách lờ-đẽnh rồi nằng lạnh-lùng nói :

« — Hết thì chúng ta đi xứ khác chịu khó làm lung nuôi nhau vậy !

« Sửu ôm lấy Angèle mà hôn-hít điên cuồng. Ước nguyện của anh lúc này đã toại. Anh nghèo rồi, nhưng có hề gì, miễn là Angèle yêu anh, miễn là lúc này anh được nghe chính mồm nằng nói :

« — Chúng ta bỏ Hà-nội đi tìm một xứ xa làm lung mà nuôi nhau.

« Thế rồi anh thu vén được gần nghìn bạc, định đưa Angèle vào Saigon, vì ở đấy anh nhiều bạn-bè có thể giúp anh kinh-doanh nhiều việc.

« Chuyển xe lửa tốc-hành vào Nam, đêm ấy chỉ còn 15 phút nữa là chạy, thế mà đã gần một giờ Sửu đợi Angèle ở nhà ga lớn. Còn mười phút... ruột Sửu nóng như cào, hai chiếc vé lấy sẵn rồi, Sửu

cầm chặt ở tay như những vật thiêng-liêng, quý-hóa có thể đưa người ta đến những chốn hạnh-phúc vững-bền. Hành-khách vội-vàng, hấp-lấp chen nhau lấy vé, xô đẩy, hò hét om-xòm. Tôi trông mặt Sửu lúc bấy giờ mà thương-hại : Sửu như kẻ không hồn, mắt sáo hoắm thờ-thẫn trông ngóng Angèle, mà nào đã thấy bóng nằng. Còn năm phút ! Người hành-khách cuối cùng chậm nhất đã đưa vé cho người ta cặp. Sửu run lên như sốt rét, bất cứ thấy chiếc xe nào đỗ trước cửa ga cũng cúi xuống nhìn. Rồi một tiếng còi như xé tâm can người thất-vọng, đoàn xe chuyển bánh, đi vào đêm tối.

« Tôi và Sửu chán-nản thuê xe đi tìm Angèle khắp chốn, thì gặp nằng đang nằm cạnh bàn đèn một người bạn gái lấy tây. Angèle mơ-màng nói :

« — Saigon xa lắm anh ạ ! Thôi để ta tìm một tỉnh nào gần đây... gần Hà-nội....

« Lần này thì Sửu không còn chịu được nữa. Sửu ứa nước mắt lần đầu khóc cái đời tan nát, vô hy-vọng của mình, rồi đi thẳng. Lần này Sửu đi Saigon, mà đi thực, đi một mình, đi mà vẫn chưa quên được người ác-phụ. Một người bà con của tôi ở Saigon thường gửi thư về cho tôi có nói nhiều lần gặp Sửu về nặt buồn-bã, chán-nản, lè-la ở các chốn ăn chơi. Khốn-nạn cho anh ! Hình-ảnh Angèle vẫn theo anh mà ám-ảnh. Đời anh thế là hết, chỉ còn biết lẩn-lóc thâu đêm suốt sáng để quên, mà nào có dễ quên !

« Gần một năm sau, Sứ lại trở về Hà-nội. Anh đến tìm tôi ở nhà này, đưa cho tôi xem một bức thư của Angèle, một bức thư lời lẽ cảm-động, năn-nỉ xin Sứ tha lỗi cho mình, xin Sứ quên những điều bạc-bẽo nàng đối với Sứ xưa kia, vì nàng ốm nặng. Trong khi nằm ở một bệnh-viện tư, bị bạn bè rẻ-rúng, người tình xa lánh, Angèle ôn lại quãng đời qua, nhận thấy những điều lầm-lỗi của mình, nghĩ thương-hại Sứ là người chung-tình hiem có, nên mới viết thư xin lỗi.

« Tôi trông Sứ lần này võ gầy, hốc-hác, mặt già đi nhiều lắm, và có vẻ chán-nản vô cùng. Sứ nói với tôi anh về chuyến này là muốn thăm nhà một lần cuối cùng nữa, rồi anh đi hẳn, không bao giờ còn gặp tôi nữa.

« Lần này là lần thứ hai, tôi thấy anh Sứ khóc. Anh kể chuyện với tôi hôm ở Saigon về, một đêm kia đi qua nhà, anh đứng trên hè trông qua cửa nhà hé mở. Anh thấy ông cụ anh buồn-bã, một đàn em nhỏ đương xúm-xít bên bà cụ anh, người nào vẻ mặt cũng lo-lắng, âu-sầu. Thế là anh đi thẳng, không bao giờ còn dám bước qua ngưỡng cửa cái gia-đình thân-mật yên-vui mà anh đã gây nên sóng-gió, để phiền để tủi cho mẹ cha, để thương nhớ cho đàn em nhỏ. Anh nhận thấy tội anh to lắm, anh đưa nhà anh vào cuộc đời túng bấn khó-khăn. Anh tự xét không còn đáng được tha-thứ, đáng được lấy lại cái địa-vị xưa kia giữa những kẻ thân yêu của gia-đình mình nữa.

« Số tiền lần trước anh đem đi Saigon, chuyển này về cũng chẳng còn được là bao. Anh đã chẳng làm thêm được đồng nào, mà lại ăn chơi hoang rọng nữa thì giữ sao cho được lâu bền. Đến Hà-nội, việc đầu tiên của anh là đi thăm Angèle ở bệnh-viện. Anh mua một bó hoa thực đẹp, đem đến cho Angèle. Nàng trông thấy anh hình như bối-hận lắm, cầm lấy bó hoa úp lên ngực, lên mặt mà che hai giọt lệ. Hai người cảm-động nhìn nhau mà không nói được câu nào.

« Sứ đi tìm thuê một gian nhà thật xa thành phố, ở tận ngoại-ô rồi đưa Angèle về đó cho nàng dưỡng bệnh. Anh nuôi một đứa ở nhỏ để hầu-hạ và trông nom thang thuốc cho Angèle. Lúc này, nàng đã cảm hết tấm tình chân-thật, thanh-cao của người ngày xưa mà nàng hất-hủi. Nàng luôn luôn xin Sứ tha thứ cho nàng, và nàng nguyện sau này sẽ đem hết tình yêu để báo đáp lại ơn chàng. Angèle lúc này lại mệt nặng. Mỗi lần đi mua thuốc cho nàng, Sứ thường ghé tới thăm tôi. Anh buồn rầu mà nói với tôi :

« — Tại sao bây giờ Angèle mới biết thương tôi ; mới biết hối ? Bây giờ đời tôi có còn gì nữa đâu, tôi thấy tâm-hồn mỗi-một, trống-rỗng lắm rồi... cái nghèo lại sắp đến nay mai để giày-vò cho thêm nhàu nát hai quả tim đã héo-hắt... còn trông mong gì ở tương-lai nữa ?

« Thế rồi, một bữa kia tôi được tin anh Sứ chết :

anh tự thất cổ mà chết bên cạnh giường bệnh của Angèle. Angèle cũng vì khiếp sợ mà chết ngất đi, đến lúc tỉnh dậy, nàng kể lại :

« Hôm ấy Sứu đi chơi về mua cho nàng một bó hoa rồi rải-rắc khắp giường nàng, Sứu vui-vẻ lạ thường, làm cho Angèle phải ngạc-nhiên lo-sợ. Tối đến, đi ngủ, Sứu còn hôn Angèle, rồi đến đêm khuya, Angèle chợt tỉnh giấc thì đã thấy một cái thây treo lủng-lẳng trước mắt mình. Nàng lạnh hờn, chực kêu người đến cứu mới sực nghĩ ra rằng : cả nhà có mỗi một thây đày-tớ nhỏ thì Sứu đã cho về quê từ buổi sáng. Lúc ấy, trước cái thây ma, chỉ có một mình nàng mà lại ở vào một vùng vắng-vẽ, hẻo-lánh, xung-quanh nhà không có ai là hàng xóm. Trong mình đang ốm yếu sẵn, Angèle không thể nhắc mình mà chạy đi đâu được, đành nằm đấy mà trông cái thây ma ghê-gớm ấy một mình, rồi, vì sợ quá mà nàng chết thiếp đi. Từ đấy, bệnh nàng càng thêm trầm-trọng, nàng nhiều lần mê-mán, hoảng-hốt, điên-cuồng, nhắc đến tên Sứu luôn và lúc nào hình như cũng trông thấy Sứu đứng ở đầu giường mà oán trách. Rồi một buổi sáng mai, Angèle cũng từ trần. Đời nàng lúc sống biết bao kẻ đón người đưa, mà đến lúc chết không có một người bạn nào biết tin mà đưa nàng lấy một yải bước đường về nơi yên-nghỉ cuối cùng. Bấy giờ... trong các chỗ ăn chơi, người ta không ai nhắc đến tên Sứu và Angèle nữa, mà biết đâu hiện giờ lại

không có vài ba cặp trai gái khác đang đi trong những vết chân để lại của hai người đó, trên con đường nguy-hiêm ngày xưa... »

Đêm đã khuya mà từ lúc nghe chuyện anh Phấn, tôi không sao chợp mắt được. Câu chuyện lạ-kỳ kia cứ làm cho tôi trần-trọc suốt đêm, Tôi nghe rõ từng tiếng chuông của nhà thờ lớn từ xa đưa lại, ngân-ngã, lạnh-lẽo trong đêm thanh. Rồi tôi nằm đấy mở mắt, hút thuốc cho qua thì giờ mà chờ sáng.

Thằng hôm ấy

Anh Thân,

NẾU từ xưa đến nay tại chúng ta đều coi sự « phải lấy vợ » như mắc một cái nạn, thì lúc này tôi có thể nói với anh :

— Tôi vừa thoát nạn !

Có một nhà văn đã viết một câu rất ngộ-nghĩnh : « Người ta ở tù còn có hạn chứ lấy vợ rồi biết khi nào cho mãn hạn ? » Câu ấy thực đã tỏ hết những nông-nổi đáng lo, đáng sợ của sự lấy vợ, lấy chồng. Tôi xin quý xuống đất, ngửa mặt lên trời, cảm ơn Trời Phật đã giun-giủi, đã xui-khiến cho tôi vừa khỏi vướng vào vòng « tù vợ ».

— Tù vợ ! viết đến hai chữ này, tôi lại sực nhớ đến vẻ mặt xanh-xao, hốc-hác của anh Linh năm ngoái, lúc anh đến thăm anh em chúng mình ở nhà trọ, sau khi anh lấy vợ được vài năm. Anh còn nhớ câu trả lời của hẳn ta khi chúng mình hỏi thăm đến « bà đầm » của hẳn đấy chứ ?

— Ồ « ma-phẩm » ? Để luôn luôn...ôm quặt-quẹo thuốc quanh năm... ghen như chết !

Hắn anh còn nhớ cái giọng chán-nản vô cùng của Linh lúc đó với cái dáng đi thất-thểu như « ma bùn », mặt ngơ-ngác như anh thua bạc, như anh tù đói vừa mới ở nhà pha ra đấy chứ ? Anh có còn nhớ tối hôm đó sau khi chúng mình mời hắn chén cơm ở Hàng Buồm, rồi mời hắn đi « nhảy », mặt hắn buồn thiu mà cười lạ với chúng mình :

— Nhảy à ? Xin mời các bác... đây « vợ con » rồi ! Nhảy nhót quái gì nữa.

Thì ra, nếu người ta « vợ con rồi ! » là người ta phải « cai » hết cả những thú vui chơi của cái tuổi trẻ đáng yêu, đáng quý. Người ta phải vùi sâu chôn chặt cái buổi đời sáng-sủa, tươi cười, để tìm về với những ngày tối-tăm đầy sự lo-âu, đầy những sự phiền hà, vụn-vặt, làm cho người ta chán-ngán, lạnh-lùng với mọi việc ở đời. Ghê-gớm không ! Anh Thân ! Ai có ngờ mới ba năm trời xa nhau mà Linh đã thay đổi hết cả tính-tình như thế được ? Ai có ngờ cái anh học-trò nghịch như ranh, tán gái như ma, diện nhất tại chúng mình, mới năm kia, chiều đến còn chải cái đầu hai giờ đồng-hồ để đi lượn phố, mỗi năm phút lại đứng trước gương, sửa lại « ca-vát » và « cón » cho ngay-ngắn, lại có ngày lắc đầu nói với chúng ta cái câu làm mất hết can-dảm này :

— Ô « ma-phẩm » ? Để luôn luôn... ốm quặt-quẹo thuốc quanh năm... ghen như chết !

Tôi viết cho anh đến đây lại phải dừng bút, vì tôi vừa nghe xa-xa có tiếng pháo cưới nổ ran. Mùa

này là mùa cưới anh ạ, ở cái tỉnh nhỏ xiu của tôi mà từ bữa bắt đầu có gió lạnh thổi tới nay, hình như cũng đã có bốn, năm đám cưới liền liền rồi đấy ! Trời ! Nếu có anh Linh đây, tôi sẽ dắt anh đến nhà những anh « rề mới » mà giới-thiệu với họ từng người một :

— Các anh mở mắt ra mà xem ! Đây là một người « có vợ » đã ba năm. Ba năm trước anh ta là một chàng trẻ tuổi lanh-lợi, vui-vẻ vô cùng, trong bữa tiệc cưới, anh ta đã nói với bạn thân một cách tự-phụ : « Tôi là một người sung-sướng nhất đời ». Bây giờ, các anh xem lại...

Nếu tôi có thể làm như thế được, thì có lẽ những « chú rề sung-sướng » của tôi đến cát hừng, ghé hồn, lay vợ tám-mươi lay, mà xin nhập bọn vào cái hội « suốt đời không vợ » của anh em ta mất.

Tôi kể-lẽ dài dòng từ nãy đến giờ chắc anh nóng ruột lắm đấy, nhưng tôi phải nói thế để tỏ hết cái vui sướng của người ngoài cuộc bao giờ cũng ích-kỹ, mạnh mẽ, thấy mình không bị vào tròng, thì cười, thì chế, thì « thương thay » những người xấu số.

Rồi bây giờ tôi mới kể đến câu chuyện « thoát nạn » đến buồn cười của tôi cho anh biết. Anh đọc thư xong phải tìm đến anh Dương, anh Bất... đưa cho các anh ấy xem luôn bức thư này và bảo các anh ấy chung tiền đi ăn uống, đi « nhảy » hay « đập » một tối cho long-trọng để mừng cho tôi vẫn giữ được lời hứa với hội, vẫn « trung-thành » với hội và chúc cho hội ta được vững bền « trường-thọ với

Handwritten notes:
 Tất cả
 những
 cuộc
 liên
 lạc
 của
 anh
 Thân
 và
 Linh
 4

giang-san ». Hôm các anh tiễn chân tôi ra ga, các anh thì thầm với nhau những gì tôi biết hết, nhưng chỉ mỉm cười, tôi biết anh Thân đã đọc trộm bức thư của nhà tôi gửi cho tôi giục về đi xem mặt vợ, rồi loan báo cả tui hay tin ấy. Vì thế nên các anh khúc-khích cười với nhau đặc-chí, các anh khinh tôi ra mặt, nhưng vẫn đề bụng, đề xem kết-cục ra sao. Thi kết-cục, tôi vẫn xứng-đáng là bạn các anh, anh Thân a. Anh còn lạ gì nhà tôi, các cụ thì cô-bủ chỉ muốn cho tôi chóng thành gia-thất để có cháu bông, nhưng chính là để cho « yên chuyện », các cụ khỏi phải lằng-đằng ngày đêm lo-nghĩ về thằng con lông-bông ngang-nganh. Hình như các cụ đã dò được một đăm — cố-nhiên là « con bé » ngoan-ngoãn, hiền lành, hay làm, hà-tiện — cho tôi, các « bố » ưng ý lắm rồi, nên năm, bảy lần viết giấy gọi về xem mặt để lo-liệu cho xong đi. Tôi thì chối như chối chết, lần nào cũng bảo bận học, bận thi mà các cụ cũng không nghe. Bít-đắc-đĩ lần này tôi phải về qua để liệu xếp cái chuyện ấy cho khỏi rầy-rá, bận-bịu.

Chuyến tàu hôm ấy đông, chật lạ. Tôi bước lên chẳng còn một chỗ hở để ngồi, đành đứng ngoài chỗ cạnh bậc đứng lên mà chờ cho tàu chạy một vài ga cho dãn người. Mà chính tui trẻ chúng mình đi tàu có xa lắm mới phải ngồi với các ông « Lý Toét » mồ-hôi dẫu, ngồi chung toa với lợn gà, chứ còn gần thì tội gì ngồi cho mất nếp quần, cho khô cái lỗ mũi.

Tàu chưa chạy, tôi đang hút thuốc lá và thổi sáo vật cho qua thì-giờ thì bỗng một cô con gái vội vàng bước lên « toa » tôi đứng, tay xách một cái bồ con. Cố-nhiên là đối với một người phải đẹp, tôi phải tỏ ra mình là một trang thiếu-niên lanh-lẹn hay sẵn lòng giúp-đỡ người. Tôi đỡ lấy cái bồ ở tay cô ta và bằng một giọng rất ngọt-ngào :

— Cô để tôi đỡ tay kéo nặng..

Cô nhìn tôi bằng đôi mắt cảm ơn, hai má đỏ bừng. Cô không phải là một thiếu-nữ Hà-thành mạnh dạn. Tôi đoán thầm như thế, cách phục-sức của cô giản-dị, tầm-thường cố ý như kiểu mấy cô con gái các tỉnh nhỏ, nhưng mặt cô cũng dễ coi. Tôi đang còn quan-sát dở thì một cái giọng the-the đàng sau làm cho tôi giật mình quay lại. Một bà béo, mặt dữ-tợn, thuộc về loại « đàn-bà sư-tử » ta thường thấy vẽ ở một vài tờ báo khô-hải, nhìn tôi ra vẻ không bằng lòng rồi lườm người con gái :

— Cái bồ bằng từng ấy nặng lắm hay sao mà phải nhờ « người ta » xách hộ ?

Mặt cô con gái lại càng đỏ hơn lên, cô vội bước vào trong « toa » ngồi nép cạnh một người đàn-bà nhà-quê, tôi trông cô mà thương-hại. Lúc này tôi đã có thể đoán chắc được rằng : bà béo kia là mẹ cô này, một bà mẹ cần-thận, đa-nghi, ở với chồng thì chồng phải là hạng « quặp râu » không bao giờ được đi hát, mà hễ đi đâu với con gái thì liệu hồn những anh lớn-vồn bên cạnh con gái bà, nhất là những anh « công-tử Hà-thành » mà quý hơn lũ yếu-tính mẹ-mìn, hay quyến-dũ con gái thơ đại-dột.

Biết được chỗ yếu của bà, tôi lập tâm sẽ chờ dịp trên con gái bà cho bà giận thêm, cho bỏ cái tên mình hững việc mà bị một cái mắng ngọt. Để đi qua cái thi-giờ buồn-tẻ phải đứng từ Hà-nội đến tỉnh nhà Cho nên tôi chỉ chăm-chú chờ cho người đàn-bà nhà-quê ngồi cạnh cô con gái xuống một ga nào là tôi nộp ngay « dờ-mãng » xin điền vào chỗ khuyết ấy. Các ông Phán già làm mãi cũng phải có lúc « về hưu » để nhường chỗ cho tui trẻ, thì bà nhà-quê kia có ngồi dai lắm cũng chỉ được bốn ga nữa là cùng Quả thế ! Phũ-lý ! — « Ấy chết ! tôi xuống đây » — Bà nhà-quê hấp-tấp, lờng-lộn, cấp thúng xuống ga. Tôi, như một con hổ đã lâu chờ cái mồi ngon, chỉ hai bước, tôi nhảy bổ đến bên người con gái, và nhìn bà béo bằng đôi mắt của người thẳng trắn. Cảnh trai-trẻ chúng mình thường quý-quyết như thế, thường mưu-mẹo, tìm-tòi trăm nghìn cách để cọt-gheo hang ngớ-ngẩn hãy đa-nghi như bà béo này, để cợt chơi chứ chẳng phải có ác-tâm gì.

Bà béo biết là mình có chuyện với một thẳng trời đánh, biết mình đã gặp tay đối-thủ lợi-hại, cũng nhìn tôi bằng đôi mắt căm-hờn, rồi thay đổi chiến-công : bà bắt con gái ngồi sang chỗ bà, rồi bà sẵn đến ngồi sát bên người tôi như khiêu-khích, như muốn lấy sức nặng của thịt bà mà đè cho bẹp tan quân địch.

Ý-Á bắt đầu xung-đột ! Lúc này tôi có thể nói thế được, nếu tôi ví bà béo với một ông tướng Ý họ « Mút » lực-lưỡng oai-phong. Còn tôi cố-nhiên là tên linh gầy-gò, thấp bé của dân Á. Trong khi

như ông tướng ngồi nghĩ đến chiến-lược trên mặt trận, tôi đem thứ thuốc khen-khét — chúng mình vẫn gọi là thuốc « Thuyền tình bề-ái » vì trên hộp thuốc có vẽ cái thuyền buồm — ra hút, hút là hun khói » thì cũng thế. Những điều thuốc của tôi đã có hiệu-quả không ngờ, thực là những làn khói làm chảy nước mắt, làm ngạt thở như thứ yem hơi hóa-học. Hút thuốc bên cạnh một người đàn-bà không chịu được khói thuốc là một sự không lịch-thiệp, tôi vẫn biết từ lâu, nhưng có hề gì, miễn là bà béo của tôi khó chịu là tôi hả dạ. Hết điều nọ đến điều kia, tôi làm cho bà cựa lên, nghiêng đầu, vẹo cổ, nguyệt tôi đến năm sáu cái luôn mà tôi không để ý. Bà đâm gắt-gông với cô con gái vô tội của bà, sau cùng bà gắt hẳn vào mặt tôi :

— Gớm ông hút gì mà khói um lên như cháy nhà thế ! Xin mời ông ngồi ra đằng kia còn rộng chỗ, chúng tôi không chịu được khói thuốc của ông nữa rồi !

Tôi vút ngay điếu thuốc còn cháy dở ở tay đi, nhoeo miệng cười, và xin lỗi bà, nhưng bà có cần gì tôi xin lỗi, bà chỉ muốn tôi bước ngay đi chỗ khác, và nào tôi đã tha đâu. Hình như những khách cũng « toa » ngồi trước mặt và cạnh tôi cũng đã để ý đến những thủ-đoạn phi-thường của tôi rồi. Tôi thấy họ rúc-rích cười với nhau mà tôi sượng lạ. Hình như họ cũng đồng lòng với tôi để trêu cho bà béo tức-tối thêm lên để họ cợt chơi cho đỡ buồn. Những tiếng cười của họ là lời khuyên tôi nghĩ thêm mưu-kế vậy.

Trời hôm ấy rét như cắt ruột, thỉnh-thoảng gió ở ngoài lùa vào chỗ tôi ngồi thấy « mát » rợn người. Thế mà tôi vừa hút thuốc xong lại làm ra vẻ nóng-nực trong người luôn mồm kêu :

— Chà hôm nay nực lạ !

Rồi, bất thình-linh, tôi kéo tấm cửa gỗ ra thực mạnh để cho có gió vào toa. Cái cửa ấy ác thay ! Lại ở chính trên đầu bà béo. Bà rùng mịa, nhắm mắt, gỡ những sợi tóc bay bám chặt vào mặt bà mà hét :

— Trời ơi ! « Cái nhà ông » này mới gồm chứ ! Trời rét thế này mà ông mở cửa ra hóng gió. Ông đóng ngay lại cho tôi !

Tuy lúc đó, tôi muốn phá ra cười mà phải cố nhịn, lại còn làm ra bộ chẳng bằng lòng, lăm-băm :

— Trời này mà bà kêu rét !

Ở hàng ghế bên kia, tôi lại nghe có tiếng cười. Trông cái mặt bà ta nhăn-nhó lúc bấy giờ ai mà nhịn cười cho được ?

Tôi biết cái tức của bà béo lúc này đã đến cực-diêm, giá bà có ăn thịt được tôi, bà cũng chẳng tha rồi. Cái người trêu bà hôm ấy, nếu chẳng phải tôi, một anh diện quần-áo tây, sáng-sủa, mà là một anh chàng nào có vẻ tâm-thường, ăn mặc xuề-xoàng thì có lẽ đã được bà cho ăn không biết bao nhiêu của chẳng ngon. Biết thế nên ngồi trầm-ngâm một lát, tôi bèn nhất-định đứng dậy đi sang « toa » khác cho đỡ gai mắt bà, vì tôi đã hoàn-toàn thắng trận rồi kia mà ! Còn ngồi làm gì đấy nữa ?

Ác-nghiệp thay ! vừa lúc tôi đứng dậy thì tàu từ từ đỗ trước một ga con, rồi bỗng-nhiên dừng phắt lại. Mấy « toa » bắt chước nhau rùng mình một cái mạnh. Tôi đứng không vững nữa, sắp bước đi thì ngã chúi xuống, tôi vội-vàng giơ tay túm chặt lấy những cái dùi những mỡ là mỡ của bà béo, phải bằng một lần lĩnh-tía cũng trơn như mỡ.

Tôi hốt-hoảng, hết hồn, mà không nin được cười, vội lần sang « toa » khác thật-nhanh, để lại sau lưng những dịp cười sung-sướng của tui hành-khách tinh-quái hơn tôi. Tiếc rằng lúc đó tôi không được trông mặt bà béo để cho biết nó đỏ hay là xanh, tím hay vàng vì thẹn, vì giận-dữ. Tôi chỉ còn nhớ, lúc đó bà béo tru lặn tréo lộn, găm-rit lên đúng như một con sư-tử điên-cuồng, bà nguyên-rùa tôi bằng những câu :

— Con người đầu mà thô-tục !

— Đi đâu mà vội-vội vàng-vàng như quân ăn cướp !

— Sao mà nó vô-ý, vô-tử !

Lạy Trời lạy Phật, cái « xen » cuối cùng này, tôi không chủ bụng làm, mà lỗi là lỗi ở những « toa » « rùng mình » cho nên nổi.

Anh Thân ! tấn hài-kịch đó mới hạ-màn để sửa-soạn cái cảnh thứ hai. Cảnh kết này mới đặc-sắc, mới ly-kỳ, mới ly-thú chứ ! Để tôi kể nốt cho anh cười một thể :

— Về đến nhà, tôi đem hết tài ngôn-luận như các ngài nghị-hôm viện họp hội-dồng, chỉ còn thiếu đem hiển-tim và phổi để phản-kháng cái vấn-đề « lấy vợ » cho các cụ « via » nghe, mà các cụ nhất-định

không nghe. Tôi viện, hết lẽ hết điều, tôi bảo tôi đang tuổi trẻ, đang độ học-hành, « Thanh-niên là hi-vọng của quốc-gia » Phi công vô-ích ! Thanh-niên là thanh-niên mà đi xem mặt vợ là đi xem mặt vợ ! Tôi phải đi không có thì tôi là một thằng bất hiếu ! Anh còn lạ gì tính tôi tuy bướng-bỉnh, mà vẫn phải nghe lời các cụ, phải chiều ý các cụ ở nhà luôn, tôi không muốn làm phiền lòng cha mẹ. Ở Hà-nội với các anh thì tôi là một thằng chơi-bời nghịch-ngợm đủ trò. Đêm nào sớm nhất cũng hai ba giờ sáng, chuốt cồng chạy ra đây hè thành-phố mới ở chỗ chơi về, Hà-nội có bao nhiêu tiệm-hút, bao nhiêu gái giang-hồ, bao nhiêu tiệm nhẩy, bao « ca-va-li-e » bao nhiêu nhà hát, bao nhiêu ngõ hẻm hang cùng chướng ta thuộc lâu hơn sách. Thế mà trái lại, về cái tỉnh nhà nhỏ bằng bàn tay, cái tỉnh ba phần tư là những người như bà béo, tò-mò ngồi rồi chuyện người, chê-bai, nói xấu, ghen-ghét, bép-xép, đa-nghi... thì tôi có tiếng là một thằng đứng-dẫn « ngáy-thơ » như con nít. Tôi đủ tư-cách, đúng lệ-luật để đi hỏi một cô vợ trẻ có cái hồi-môn kìa-khá, một cô vợ con nhà cũng đư-dẫn, ngáy-thơ thuộc về hạng « cô-diễn », « cô-tha-sích » như mình thường gọi. Cho nên một ngày, tốt đẹp kia, bà cụ nhà tôi và bà mối là một bà bạn thân của nhà, bắt tôi ăn-mặc chỉnh-tề, để « đi xem mặt vợ ».

« Thì cứ đi xem ra sao, đã lấy đâu mà sợ ? » Tôi nghĩ bụng thế, rồi theo hai cụ ra đi. Cứ như hai cụ thì-thầm với nhau thì ra họ đưa tôi đến

xem mặt con gái bà Hàn Phệ. Chúng tôi ngồi đợi chủ-nhân trong một gian phòng rộng-rãi, bày-biện ra lối nhà giàu : câu-đối vàng, hoành-phi vàng, tủ chè, sập gụ. Cụ hàn ông ra tiếp chúng tôi là một người gầy ốm — nhưng có vẻ khinh người, khệnh-khạng như những ông quan an-nam, ông thuộc về hạng người mà chúng mình thường mỗi khi gặp hay bĩu môi nói : « một anh trưởng-già ».

— Bà Hàn đâu, ra có khách !

Ông Hàn đồng-dạ truyền vào nhà trong. Một tiếng da the-thế, một cái cửa mở, một cái mặt thò ra, chết tôi rồi ! Anh Thân ! Cái bà ấy đấy. Cái bà béo tôi đã gặp và đã « làm trò » với bà ấy trên « toa » xe lửa !

Trời đất ơi ! nếu tôi được biết trước là họ đưa tôi đến xem mặt con gái bà ! Con gái bà, tôi đã xem mặt từ cái hôm tôi đỡ cái bồ cho cô ta trên xe lửa, nào phải ai xa lạ ? Thôi thì cũng đành liều chứ trốn lần đi đâu ? Bà béo à quên bà Hàn Phệ don-dả, tươi-cười ra tiếp bà mối và bà cụ nhà tôi. Nhưng lúc bà đã nhìn rõ mặt tôi thì bà đã dậm sầm nét mặt lại. Bà nhớ ra rồi, bà lại gặp cái thằng « trời đánh » nó ám-ảnh bà hôm nọ suốt một buổi trên xe. Tôi muốn chui xuống đất để tránh những cái lườm kìn-đáo của bà tặng tôi, và nhất là khỏi phải nghe những câu khen-ngợi, ca-tụng của bà mối về « đức-tình » nhu-mi, về hạnh-kiếm nết-na, đứng-dẫn của tôi. Cứ mỗi một câu giới-thiệu của bà mối đại-khải như :

— Cậu ấy học-hành chăm-chỉ lắm ! hiền-lành như con gái.

Thì bà Hàn lại chêm một câu mát-mẻ :

— Quý-hóa quá ! Thực là phúc-đức cho những cô nào được làm vợ cậu.

Người trong cuộc ngồi bẹp gí, thu hình một xó không dám ngừng đầu lên nữa. Những nghe những câu bà béo « khen » mình, những nghe tiếng cười « the-thé » của bà mà « tan-nát » dạ.

Rồi bà gọi con gái yêu của bà :

— Con Hải đâu ? ra pha nước !

Tôi đã hiểu những cái ý-dịnh của bà, bà muốn cho con gái bà xem lại cái mặt thẳng chực đi hỏi con bà, thẳng rề tương-lai của bà, cái thẳng lác-cắc, tương ăn cướp, thô-tục mà mẹ con bà đã có dịp thừa-tiếp qua rồi !

Chẳng nói thì anh cũng thừa hiểu rằng buổi xem mặt ấy chẳng có kết-quả hay. Nhưng về đến nhà, tôi ôn lại những cảnh đã qua, tôi cười một mình mà cười gần chết ! Bà Hàn nhận người bản tin rằng :

— Cháu còn bé dại lắm, vụng-về lắm ! chưa nghĩ đến chuyện chồng con, nên chưa dám nhận lời.

Thì tôi đã biết ngay từ lúc tôi trông thấy mặt bà rồi, tôi biết ngay là các vàng bà cũng không gả con gái cho cái « thẳng hôm ấy ».

— Thế thì tôi thoát nạn vợ con ! Được lúc nào hay lúc ấy phải không anh ? Thế là tôi vẫn còn chân trong hội của các anh. Tôi dùng bút và hồ lớn :

— « Đòng-dương thanh-niên không vợ hội » vạn tuế !

Bạn anh : VẠN-LÉU.

Chiếc áo bạc màu

CÁC bạn trong nghề cầm bút ! Cũng như tôi hẳn các bạn đã từng gặp con người ấy và chỉ có các bạn mới nhận được ra con người ấy : Con người ấy hay là « chiếc áo bạc màu ».

Một buổi sáng mai, giữa cảnh rộn-rịp lấp-nập của Hà-thành vừa mở mắt, giữa những kẻ bán hàng quà rong quây gánh đi trên các bờ bê thành-phố, giữa tui thợ-thuyền vui-vẻ, nói cười ầm-ĩ, đi làm trong các xưởng máy, giữa những chiếc xe nhà « trường-giả » kéo những xác thịt uế-oải, mỗi-một của mấy thầy « cạo giấy » vì một đêm tiêu-pha sức lực trong các « hộp » ban đêm, trong các xóm ăn chơi, giữa tiếng hát véo-von, tiếng cười trong-trẻo của những cậu học-trò nhỏ, tay ôm sách, mắt long-lanh, nhảy-nhót trên đường như con chim buổi sáng, có một người ra dáng vội-vàng, hấp-tấp lắm, rẽ cái đám đông người ấy, bước những bước thực dài, lúc nào trên tay cũng có một vài tờ báo một cái bìa sách cứng, đựng một tập giấy dày. Thoạt trông thì ai cũng tưởng đó là một người « bận việc » nhất đời, nhưng

hỏi các bạn đọc, đáng buồn thay! đó là một người « nhân-rối » nhất đời. Giá có ai chịu khó theo dò anh ta từng bước, hôm nào cũng vậy, người ta sẽ thấy anh ta đi vội-vàng thế nhưng rồi chỉ để đến những nơi vắng-vẻ nhất trong thành-phố: Chùa Ngọc-sơn, dọc bờ sông, vườn Bách-thảo. Người đó tìm một góc yên-lặng có bóng râm mát-mẽ hay một chiếc ghế bỏ không, đặt dít ngồi, giở báo xem qua một vài tin vật, gập cẩn-thận lại để trên đùi, đưa mắt nhìn ra xa như ngẫm-nghĩ một sự gì quan-trọng, rồi lấy cuốn sổ tay trong túi áo ghi chép một vài hàng chữ hay viết những con số lên mặt giấy rồi lẩm-nhẩm tính, cộng, trừ.

Buổi chiều, gần lúc Hà-nội sáng đèn, người ta lại thấy người đó vội-vàng rảo bước trong những phố đông cũng như những người đã làm tròn phận-sự trong một ngày, chiều đến, rảo bước đi về những chốn gia-đình thân-mật mà bao kẻ chờ-mong. âu-yếm.

Nhưng đó là một kẻ không gia-đình, không thân-thích, sống giữa Hà-nội một mình để phấn-đấu một mình, sống trên những gác trọ đông-dúc, chật-hẹp, rẻ tiền thuê trong những phố có nước đọng bên hè, có gái giang-hồ, có muỗi, rệp, chuột cống ban đêm, có những sự nhơ-bẩn không ai ngờ được, những phố quanh-co, lẩn-khuất không bao giờ kẻ giàu-sang biết tới hay đi qua. Đó là một kẻ thường ngày có những « ý-tưởng đen » trong óc thường ngày bị bà chủ nhà dân-vật về tiền trọ, tiền cơm. Đó là kẻ sống với những « ngày mai » đầy ước-hẹn, sống với

những hi-vọng hảo-huyền mà tự mình cũng biết là hảo-huyền nhưng mình vẫn tự dối mình.

Người ta có thể gặp anh ta lúc đêm khuya trong các tiệm hút « bi-mật », tối như hũ nút, bên một ngọn đèn dầu lạc lò-mờ, bên cạnh ba bốn cái mặt khác cũng hốc-hác như anh ta — những bạn cùng cảnh, cùng chung những cái mộng hảo-huyền — người ta có thể gặp anh ta trong những tiệm ăn của mấy chú chệệt mặc quần đùi, phơi bụng ông, bên cạnh những chiếc bàn ăn lầy-nhầy những mỡ, anh ta ăn vội-vàng một bát phở, rồi bẽn-lẽn để một đồng năm xu cuối cùng của anh ta lên bàn-tính, rồi đi, cầm đầu đi như một kẻ gian.

Đó là một người mà ta trông quen mặt nhưng mà ta chẳng biết tên — Hà-nội có biết bao nhiêu cái mặt mà ta chỉ « quen quen » chứ không hề « quen biết » — giữa đám đông, người ta đã nhận được ra ta ngay vì chiếc áo của anh ta. Một chiếc áo tuy còn lươn, nhưng có vẻ mỗi-một, rầu-rĩ lạ thường, nhất là những bữa trời mưa, chiếc áo ấy kể-lẽ với ta biết bao điều cay-đắng. « Cái áo tức là con người » Các bạn có bao giờ để-ý đến chỗ đầu vai, đến chỗ khuỷu tay, đến chỗ « ve » áo sòn, phai vì mưa nắng? Đó là những nét tang-thương tố-cáo cuộc đời thiếu-thốn. Đó là cả một cuốn tiểu-thuyết, cả một bài thơ nào-nùng đầy ý-nghĩa về đời người. Nếu người ta muốn biết một người nhân-hạ hay gian-truân, phong-lưu hay vất-vả, sung-sướng hay « ba-đào », hãy hỏi thăm chiếc áo.

Người ấy hề gặp ta ăn mặc sang-trọng tinh-tươm thì lảng tránh, nhưng, có lúc bất-thình-linh ở một đầu phố lộ mặt ra, mũi chạm mũi, không thể nào tránh được ta, thì người ấy bối-rối, lúng-túng, vung-về giơ tay ra bắt tay ta, bóp thật chặt rồi bắt đầu nói, nói trước ta, nói thực nhanh, như để cho ta đừng để-ý đến « cái áo bạc màu ». Giọng nói của anh ta vui-vẻ, tự-nhiên nhưng ta đã thừa biết là chẳng vui-vẻ thực-tinh... Anh ta vẫn « như thường, còn anh ? » Công việc của anh ta « khá » lắm, « chạy » lắm... Chỉ nay mai là « báo sẽ ra... » Số đầu « kinh cáo quốc-dân » « nay mai » sẽ in hai vạn phát không .. Có những cán bút nổi danh trong xứ giúp... có nhiều quảng-cáo của các nhà buôn lớn rao hàng... công-việc đương tiền-bành... có nữ-sĩ Văn-Hoa giúp mực văn-thơ và « nữ-giới »... phen này rồi anh xem tui Trường-Siêu, Hải-Liệt, Song-Sơn bên báo « Thế giới... » liệu hèn « thằng Văn-quỷ » hay xô ngọt « chữi cán... » Càng nói, mặt anh ta càng đỏ lên, mắt anh ta sáng quắc, anh ta uốn ngược ra, sẽ đập lên vai ta mà bảo ta một cách che-chỡ, thân-tinh :

— Anh nhớ nhá ! nhớ giúp « đệ » về truyện ngắn truyện dài...Cứ viết sẵn đi... Thề nào báo cũng ra... « đệ » còn chờ thằng Lê-Mềng con lão nghị Cán bỏ ra năm trăm bạc... thằng cha hiệu-danh lắm mà giàu như chết !

Người đó bắt tay ta thật chặt một lần nữa, cười xòa, nháy ta một cái ra ý : « Chúng mình đã hiểu nhau... ở đời phải « xoay-xở » thế ! »

Bây giờ các bạn đã hiểu tại sao thỉnh-thoảng ta vẫn thấy những tên báo « sắp ra đời » được quảng-cáo, được nói đến, được người ta chú-ý đến trong một ngày, trong một tuần, rồi bỗng im-lặng không còn ai nhớ đến, không còn ai nhắc đến, không còn ai thấy « ra đời » nữa ? Đó là vì năm trăm bạc trông-tưởng của anh chàng văn-sĩ không xu kia vẫn nằm im trong két sắt nhà « nghị Cán », thằng « Lê-Mềng » hiệu-danh kia vẫn miệt-mài trong các xóm có-dầu mà không một phút nào để ý đến cái anh chàng ngày hai buổi lên vườn Bách-thảo thăm bư-rù và tính-toán những tiền chi-tiêu ở « nhà in », ở « tòa-soạn », tiền quảng-cáo không bao giờ thu được của những hàng « thuốc phong-tinh », của những nhà buôn lớn.

Thế nhưng, ngày nào ta chẳng gặp những anh chàng đó lang-thang trong các phố, ở ngoại-ô, trong các công-viên, tối nào ta chẳng thấy họ đi tìm « thú ả-phiên » trong các tiệm. Dưới ánh sáng lò-mờ của một ngọn đèn dầu lạc đặt trong khay thuốc, họ rút bút chì xếp đặt sẵn những « mực », những ý-kiến hay cho cái tờ báo vô-hình không bao giờ xuất-bản .. cho đến đêm khuya họ mỗi-một trở về những cái phòng trọ chật-hẹp, tối-tăm, những phố đầy chuột cống, đầy muỗi, đầy mùi hôi-hám, đầy gái giang-hồ nhớn-nhờ đón khách, để nghỉ-ngơi chờ đến « ngày mai... »

Các bạn trong nghề cầm bút ! đã có đêm nào các bạn như tôi tự-nhiên thấy thao-thức trong lòng không ngủ được, một mối buồn không cỗi-rễ tự-nhiên đến tràn l้น cả tâm-hồn. Ta băn-khoăn tự hỏi :

— Tại sao ?

Rồi bỗng đột-nhiên ta sực nhớ ra :

— Chiều nay ta vừa gặp con người ấy !

Trong đêm tối, hình-ảnh một người mặt xanh, má hóp, đôi mắt nhiều khi long-lãnh sáng quắc lên vì một tia hi-vọng vừa thoáng qua đầu, bỗng hiện ra trước mắt ta, hình-ảnh của tất cả những kẻ sống trong sự chờ mong một sự lạ-lùng không bao giờ đến để thay đổi cuộc đời bấp-bênh, vô-định. Cái hình-ảnh ấy dần dần mờ-lạt trong đêm sâu, để nhường chỗ cho một cái hình-ảnh khác, hình-ảnh một chiếc áo bạc màu phủ trên tấm lưng hơi cong của những kẻ ốm-mòn, tiều-tụy, buồn-rầu, mỗi-một vì phấn-đấu, vì đợi-chờ, vì hi-vọng...

BÊN HỒ TRÚC

I

CÁU chuyện tôi sắp kể đây, tôi được nghe một đêm rằm tháng tám, bên hồ Trúc-Bạch, dưới trăng thanh.

Năm nào cũng thế, cứ đúng ngày hôm ấy là anh Lan đến gọi tôi :

— Chúng ta lại nhà anh Ý chén cỗ rằm. Rồi như đặc-chí vì năm nào mình cũng nhớ đến « cuộc hội-ngộ » bên hồ Trúc-Bạch trước nhất để nhắc anh em, anh Lan khúc-khích cười, mắt tinh-ranh, ghé vào tai tôi, nói nhỏ :

— Bánh nướng nhà thằng cha ấy thì tuyệt ! Anh không nhớ năm ngoái à ?.. Còn chè tàu ướp sen thì thơm... thơm hết chỗ nói.

Nhà anh Ý là một ngôi nhà xinh-xắn làm sát bên hồ Trúc-Bạch. Đằng sau nhà có bậc đá đi xuống hồ ; ở dưới hồ đi lên, đi hết bậc, người ta bước đến một cái nền cao rộng láng xi-măng, xung-quanh chạy lan-can. Chính chỗ ấy là chỗ chúng tôi cho kê bàn ghế ngồi uống nước thưởng trăng

mỗi khi anh em họp mặt. Cuộc họp mặt này đã thành cái lệ cho chúng tôi. Sau khi dời chốn học-đường mỗi người một ngã, theo đuổi một kế sinh-nhai riêng, chúng tôi dẫu sao cũng không quên buổi thường trăng ở nhà anh Ý. Vì cái khung cảnh đầy thơ mộng ở nhà anh rất hợp cho một bữa tiệc trà họp bạn để cùng ôn lại những ngày vui qua, để cùng kể-lễ những chuyện hàn-huyên, để cho tình bè-bạn ngày thêm khăng-khít. Nếu chẳng may hôm ấy có một người vì cuộc đời bắt-buộc phải trôi-nổi lăn-lóc ở phương xa, vì một lẽ riêng quan-trọng hay buồn-rầu bắt-buộc phải vắng mặt, thì chúng tôi hình như thiếu-thốn một sự gì, dẫu cố vui nhưng rồi cả bọn vẫn ngậm-ngùi nhắc-nhở.

Anh Ý là con trai một vị hưu-quan. Từ tấm bé sống trong một cảnh gia-đình đầy-đủ, êm-dềm, trong bọn anh em, anh là người tốt số nhất. Về sinh-kế, anh không phải chật-vật vì lăn-lộn với đời, nhà anh của tiền thừa-thãi. Anh là con một, được cha mẹ quý như vàng, nhưng anh chẳng vì thế mà kiêu-cãnh, hãnh-diện. Diện-mạo anh rất khôi-ngô, đôi mắt đen lay-láy tỏ cho ta biết anh là một kẻ thông-minh, lanh-lợi. Tính anh rất điềm-dềm, hiền-từ, dễ-dãi. Anh thích cuộc đời tầm-thường, ăn-dật, ưa những cảnh yên-lặng, hoang-vu của rừng, núi, đồng-quê. Vì vậy nên lúc ông thân-sinh anh về tri-sĩ, thì hai cha con liền tậu ngôi nhà nhỏ ở ven hồ Trúc-Bạch của người bà con để lại. Một góc thanh-u tĩnh-mịch « có hoa cỏ lá sắn-sàng » thực xứng với cảnh nghỉ-ngơi của một bực lão-

thành đã chán-chường danh-lợi, đã mỏi-mệt vì bao năm chống chèo trong bể hoạn mệnh-mang, thực ưa tâm-hồn một thiếu-niên như anh Ý chỉ thích được nơi vắng-vẻ để đọc sách, để học thêm.

Lúc đó, đêm đã hơi khuya, mà trăng càng về khuya càng tỏ. Mặt hồ là một tấm gương xanh-lan, chúng tôi ngồi trên thềm nhà ăn bánh đưa mắt xuống hồ trông thấy rõ từ nếp dẫn của mặt nước. Thỉnh-thoảng dăng xa, giữa chỗ mặt hồ gợn ánh trăng vàng, một cái mái chèo đập nước, làm chuyển-động, nhấp-nhò những bóng đen xen với sóng nước vàng óng-ánh. Đó là một chiếc thuyền con của một mỹ-nhân đang say-sưa vì cảnh, hay của một đôi tình-nhân đẹp, trẻ danh lênh-dềnh giữa nước với trăng, lòng hồi-hộp nhìn nhau mà không cần trao đổi lời ân-ái, vì trời đất, vì gió mây, vì hương-sắc lúc đêm thanh đã thay họ mà kể-lễ nhiều rồi...

Râm tháng tám. Trung-thu ! Về vụ này những đêm trăng sáng như đêm nay, Hồ Tây và hồ Trúc-Bạch đã thành những bề-ái êm-dềm, mát-mẻ cho trai gái Hà-thành. Họ ngồi trên đường Cổ-ngư, trên thảm cỏ xanh, ngửa mặt ngắm vàng trăng bạc. Họ đi thơ-thần bên hồ, trong bóng tối như những thi-nhân xõa tóc cho gió bay, họ mượn một con thuyền nhỏ, lướt chèo trên mặt nước thoảng hương sen. Họ chẳng quên đem theo một cây đàn, rồi trong vũng không-khí thanh-khiết của đêm khuya, chốc chốc ta được nghe một dịp cười trong-trẻo, một tiếng đẽ-cầm thoảng qua như tiếng thổ-dài của một thiếu-nữ lần đầu biết yêu-thương vợ-vần...

Những đêm ta say-sưa bông-bột vì mạch máu thiếu-niên chạy nóng ran khắp cả người... những đêm ta cảm thấy cái thú sống đáng yêu của tuổi trẻ... những đêm mà lòng ta rung-động như sóng trong những cảnh huyền-ảo mơ-hồ, ta chỉ sợ vụt tan bay đi mất.

Hình như đã một lúc lâu chúng tôi ngồi im-lặng, ngả-nghiêng trên những chiếc ghế thấp, hút thuốc lá, thả tâm-hồn theo khói thuốc băng-khuàng. Cảnh vật lúc ấy như trong-sạch quá, êm-ái quá quyến-rũ lòng người quá, cho nên chẳng ai muốn nói một câu, chẳng ai nghĩ đến sự phá hủy cái tịch-mịch, dịu-dàng mỏng-mạnh đó.

Bỗng từ dưới nước vẳng đưa lên một tiếng đàn cũng đơn-man, quyến-rũ như cảnh lúc bấy giờ. Chúng tôi ngáy-ngất nhìn nhau. Anh Ý ngồi cạnh tôi lúc ấy nắm chặt lấy tay tôi sẽ nói :

— Im ! Im, mà nghe một bài đàn hay nhất của Thu-Hương... bài « *Le chaland qui passe* ».

Tôi tuy chẳng biết Thu-Hương là ai, nhưng nghe cái tên « Thu-Hương » với tiếng đàn hay lúc ấy tôi phỏng đoán :

— Chắc là một vị tiểu-thư khuê-các đủ sắc đủ tài.

Tiếng đàn dần-dần nghe rõ lắm, có lẽ cô Thu-Hương đã cho thuyền đi sát vào bờ, hay đã buộc thuyền ngay chỗ bực đá phía dưới chỗ chúng tôi ngồi :

Rồi tiếng đàn im bật. Chúng tôi đang cố chờ để được nghe một vài bài bản nữa thì bỗng nghe anh Ý thì-thầm bên tai :

.....

Le chaland glisse sans trêve

Sur l'eau de satin.

Où s'en va t-il ?... Vers quel rêve ?..

Vers quel incertain ?

Du destin, (1)

Tôi ngạc-nhiên hỏi bạn :

— Anh cũng biết chơi đàn ? anh thuộc bài hát ấy ?

Anh Ý mỉm cười :

— Nếu biết thì đã không để yên cho Thu-Hương trên tức. Bọn chúng mình tồi quá, không có lấy một tay tài-tử để địch với cô hàng xóm của tôi.

Cả bọn chúng tôi cùng nhao-nhao lên hỏi :

— Thế cô Thu-Hương vừa rồi là hàng xóm ?

Anh Ý thông-thả đáp :

— Phải... hàng xóm mới được ba tháng nay, cô ấy mới dọn đến. hôm nào tôi cũng phải thức khuya, vì cô ấy thức khuya để tập đàn..., mà cũng vì thế nên tôi nghe cô ấy chơi bài « *Le chaland qui passe* » đến trăm, ngàn bận... nghe lỏm mà thuộc đấy !

(1) Thuyền lướt đi, đi mãi không ngừng
Trên mặt nước xa-tanh óng-ánh.
Thuyền đi đâu ? về cõi mộng nào ?
Về chốn mơ-hồ nào của số phận ?

Anh Vân vội ngắt lời anh Ý :

— Cô hàng xóm của anh chắc đẹp lắm thì phải ?

Bỗng như có chiều tư-lự, anh Ý nghiêm-nghị trả lời :

— Anh chỉ nên biết người ta là một thiếu-nữ tài hoa, tiếng đàn tuyệt-diệu là đủ... đừng nên hỏi đến sắc đẹp làm gì... đàn hay chắc sắc đẹp... cứ nghĩ như thế... cứ tưởng-tượng Thu-Hương là một vị tiên-nga trên trần-thế, sắc tài vẹn đủ, đã làm anh ngây người một buổi đêm trăng... Thế là đủ... đừng tìm-tòi để biết rõ người ta... như thế cái sắc đẹp sẽ hoàn-toàn... Để rồi tôi kể cho các anh nghe một câu chuyện...

— Một câu chuyện ? Truyện ngắn hay truyện dài ? Trường-thiên hay đoản... Đầu-đề là gì ?

Anh Thanh một nhà viết tiểu-thuyết, vội pha-trò hỏi anh Ý thế.

Anh Ý chăm một điệu thuốc hút có vẻ mơ-màng :

— Đầu-đề à ? Đầu-đề là « sự-thực » là...

Anh Thanh vội giục :

— Thôi, là gì cũng được, kể mau lên để tôi xem có nhân đấy mà viết được một truyện hay.

Cả bọn chúng tôi cùng ngồi im nghe anh Ý kể :

— Đạo hè năm ngoái, trong lúc tôi đang phân-vấn không biết nên đi nghỉ mát ở đâu thì bỗng được thư anh Quảng ở Vĩnh-Yên bảo về đồn-diễn anh chơi, vì anh ở đấy trông nom công-việc có một

minh buồn lắm. Tính tôi không ưa những bờ-bề huyền-náo, đông-dúc, nên được thư bạn mời về chỗ nhà, quê rộng-rãi mà ít người, tôi nhận lời vội thu xếp hành-lý về đồn-diễn bạn. Anh Quảng vì lâu ngày ở chỗ tịch-mịch một mình, dao ấy được tôi đến ở lâu chơi, lấy làm vui-vẻ lắm. Anh bắt tôi kể từng ly từng tí về những tin-tức ở Hà-thành mà tôi cho là chẳng một chút chi quan-hệ. Anh hỏi tôi về những thiếu-nữ đẹp có tiếng ở kinh-đô, một cách tò-mò, cặn-kẽ. Anh bắt tôi kể mấy phim ảnh hay anh tiếc không tiếc được xem... còn nhiều nữa, anh hỏi tôi nhiều nữa ; suốt ngày phải ngồi hầu truyện anh, tôi lấy làm bực mình lắm, vì tôi đến đây là chỉ cốt được cùng anh chạy nhảy, săn bắn, hít thở không-khí giữa những đồng ruộng mông-mênh hơn là ngồi hút thuốc lá vật trong một gian phòng để nói lại những chuyện nghe đã chán tai ở cái thành-phố rộn-ràng mà tôi vừa đi thoát. Vì vậy nên tôi chỉ lừa những lúc anh hơi bận việc là bỏ đi một mình, lán-la hỏi chuyện những kẻ làm ăn ngoài vườn ruộng. Những buổi sáng mai, tôi dậy thực sớm, mặc một bộ áo ngủ nhẹ-nhàng đi chân không giẫm trên những bờ cỏ êm-dịu còn đọng sương đêm, tôi tìm những lùm cây rậm-rạp, những gò đất có hoa nở chim kêu ngồi nghỉ. Những lúc ấy tâm-hồn thực thư-thái nhẹ-nhàng.

• Trục tiếp với thiên-nhiên, người ta như giữ sạch được những tư-tưởng nhỏ-mọn hằng ngày ở nơi đô-hội phiến-hà, phức-tạp. Người ta mới biết đến

cái sướng của sự sống tự-do, bình-thường, giản-dị. Tôi vì ngày thường ưa đọc những tiểu-thuyết của *George-Sand*, vẫn ao-ước sống cuộc đời êm-ái ở nơi thôn-giã, vẫn mơ-màng những cuộc tình-duyên ly-kỳ, lãng-mạn, ngây-thơ, chân-thật giữa đám dân-quê, lúc này tôi chỉ mong sao gặp được một thiếu-nữ mẫn-mà, khả-ái, chất-phác, quê-mùa, để những lúc chiều hôm, mai sớm, thần-thơ ngoài đồng nội, thời khắc sẽ trôi đi một cách êm-dềm như dòng suối trong nhẹ lướt trên những hòn đá rêu xanh phủ. Một nụ cười tự-nhiên mà gấm-thắm của thiếu-nữ sẽ tô-diễm cho cây cỏ thêm tươi, một cái nhìn say-sưa trong-sạch của người con gái đương xuân sẽ làm cho cõi lòng ta thêm ấm-áp. Tôi muốn có một người bạn tâm-hồn trong-trẻo, để hưởng, để hiểu, để cảm hết cái đẹp của vũ-tru vô-cùng.

« Nhưng người thiếu-nữ ấy, tôi không bao giờ được gặp, còn kẻ mà tôi gặp sau đây, chỉ để lại cho tôi một ký-vãng ngậm-ngùi.

« Một đêm, cũng một đêm trăng vẽ tiết Trung-thu đẹp-đẽ như đêm nay, anh Quảng cho phép những đàn-ông, con nít, đàn-bà trong đồn-diền được tự-do bày vẽ các cuộc vui chơi suốt đêm cho bố làm ăn mệt-nbọc. Anh lại treo một giải thưởng để bọn người kia cùng chia nhau hát gheo mà tranh giải cho thêm vui. Cơm nước xong, tôi và anh Quảng ngồi trên thềm nhà uống nước và nghe hát. Những dân ở mấy xóm làng gần đấy nghe có hát

gheo kéo nhau đến thật đông. Đêm đó một người con gái ở xóm Đông đã tỏ cho các bạn gái biết mình là một tay hát có giọng thanh và có tài ứng-đổi. Những câu phong-dao cổ, những điển-tích xưa, những câu chấp-nhật ở các truyện Kiều, Hoa-tiên... những câu tình-tử thật-thà, đã làm cho đám dân nghèo kia thích chí, thi-thăm khen-ngợi, bàn-tán xôn-xao cười-cợt. Đàn-bà thì xúm-xít, quây-quần với nhau một chỗ, đàn-ông cũng thế, bao-bọc quanh con người có tài hát đối với bên nữ để đại-thí, để tìm vắn, để nhắc nhỡm những câu hát cho vắn-vẻ, cho tinh-ranh.

« Đám hát đến canh khuya mới tan rã.

« Kết-cục tiền giải về bọn con gái xóm Đông.

« Trước khi đi ngủ, anh Quảng nói với tôi :-

« — Biết trước mà ! Tụi đàn-bà có con Thi là năm nào cũng giật giải.

« Tôi vội hỏi :

« — Anh biết cả tên người ban này hát ?

« Anh vỗ vai tôi, cười mà trả lời :

« — Sao lại không ? Con Thi hát hay có tiếng lại đẹp nhất vùng này, ai còn không biết. Anh có thấy nó, anh cũng đâm mê, để tối mai tôi cho mời cô nàng lại hát hầu anh vài tối, nó hát được đủ giọng, đủ làn, rồi anh xem, anh về Hà-nội anh phải ốm tương-tư vì nó mất !

II

« Bằng đi một độ, tôi không thấy người con gái tên là Thi mà anh Quảng bảo là đẹp nhất vùng đến đồn-diền nữa. Tôi tuy một đôi khi sức nhớ đến muốn hỏi lại sợ anh cười nên dần cũng quên đi.

« Cho đến một đêm kia, một đêm trời tối về vụ gặt hái vì cần nhiều người làm, cô Thi lại đem cái giọng trong lanh-lảnh đến đồn-diền. Dưới bầu trời chichit sao vàng lấp-lánh, bọn người ăn làm chia nhau công-việc kê đập lúa, người vợ rạ rộn-rịp luôn tay, nhưng mỗi lần có Thi cất tiếng hát, hay kể chuyện, thì ai nấy đều có vẻ uể oải, bồn-chồn, mơ-mộng như những con rắn nuôi của người thợ kèn Ấn-Độ một đôi khi đã được nghe tiếng kèn quyến rũ làm mê.

« Đứng trên thềm nhà hút thuốc, anh Quảng chỉ bọn người nhà mà bảo :

« — Anh xem, bọn nhà-quê mê-say đàn hát lắm ! Nếu cả năm con bé Thi này tối nào cũng hát cả thì có lẽ công-việc của tôi không chạy lắm !

« Tôi chỉ mỉm cười mà không đáp lại. Lúc đó hình như tâm-trí tôi cũng bàng-khuàng. Tôi cũng là một con rắn đã mê-mạn vì giọng kèn ru ngủ. Trong đêm thanh, cái giọng ngâm trầm bổng của Thi kể những câu văn đầy nỗi buồn-rầu, u-uất trong các chuyện « Cung oán », « Chinh-phu-ngâm », đã thấm-thía đến tận đáy lòng. Những lời văn của các văn-nhân đã khuấy, lúc này tôi mới cảm hết được cái hay, cái đẹp, cái âm-nhạc tài-tình ẩn-nấp ở trong. Thi,

lúc đó đối với tôi chính là người thiếu-nữ có một tâm hồn thanh-cao, thoát tục, một người bạn gái quê-mùa mà tôi thường ước-ao được gặp. Người trong mộng đã hiển-hiện rõ-ràng ; nàng có một giọng hát như chim oanh, và theo lời bạn, dung-nhan lại diễm-lệ. Cái óc mơ-màng đầy thi-cảm của tôi lúc bấy giờ tưởng-tượng Thi là một vị giai-nhân tuyệt thế vì số-phận không may phải lạc-loài đây-đọa vào một cảnh làm than tâm tối, đêm đêm thường đem những câu hát ngụ-ý thâm-trầm oán trách viên-vông trời đất, than thân, tủi phận một mình mình hay. Tôi bỗng đem lòng thương-hại Thi — mà từ thương đến yêu, các bạn đã thừa biết, con đường không xa nhau mấy — tôi muốn đem hết cả cái tình-yêu nồng-nân của cái tuổi hai-mươi để chở-che, để an ủi một người yếu đuối. Rồi dưới trời khuya, tôi lên ra đi, trên con đường đất nhỏ đi về cái xóm vắng phía đông, tôi rào bước chạy theo bóng Thi lúc đó đã trở về đi ngủ. Đến gần nàng, tôi thấy tâm-thần rối loạn, tôi dừng bước rồi se-se gọi :

« — Có Thi !

« Thi ngạc-nhiên, đang bước, quay đầu lại ; nàng lại càng ngạc-nhiên hơn nữa lúc nàng đã nhận ra tôi :

« — Khuya rồi, thầy còn đi đâu ? Thầy gọi gì con a...

« Trước sự xưng-hò ấy, tôi thấy ngỡ-ngàng, bẽn-lẽn, nhưng rồi tôi cũng trả lời :

« — Khuya rồi ! nhưng tôi chưa buồn ngủ muốn đi chơi một lúc... nhân thấy cô đi về xóm một mình, nên tôi định đưa cô về cho có bạn, kéo cô sợ ma ..

« Thi thấy tôi đi gần nàng thì vội nhường bước, né tránh sang một bên đường, cười khanh-khách vì câu nói chọc của tôi :

« — Cám ơn thầy, con gái nhà-quê chúng em đi buôn bán chợ xa, đi làm lụng giúp trong các làng lân-cận về khuya là thường, không khi nào biết sợ.

« Câu chuyện cứ kéo dài như thế cho đến lúc đến gần nhà Thi đã cho tôi biết rõ cả cái cảnh đời hiện-tại của nàng. Một cảnh đời bình-thản, không ước-vọng gì ở tương-lai, không ngậm-ngùi gì về dĩ-vãng, bên cạnh một mẹ già, một đàn em. Cuộc đời của đám bình-dân yên phận sống cái kiếp khổ-sở, nặng-nề quen đi, không ta-thán, sống những ngày buồn-tẻ mà không biết rằng buồn-tẻ lạnh-lùng.

« Mỗi lần tôi muốn cầm lấy tay Thi để nói những lời ngọt-ngào, êm-ái mà tôi định sẵn là mỗi lần tôi thấy nàng cố ý tránh xa tôi. Trên con đường hẹp, hai bên là ruộng nước, tôi vì sợ nàng nhường bước mãi mà lỡ sầy chân chằng, nên tôi chỉ đành đi thông-thả mà nghe nàng nói chuyện. Về sau này tôi mới hiểu tại sao hề tôi đến gần nàng là nàng cố ý tránh tôi.

« Từ đêm đó cho đến mấy ngày sau tôi mới lại thấy Tôi trở lại đồn-diền, mà Thi chỉ đến làm việc về buổi tối. Thế rồi, trên con đường khuya tôi lại đưa Thi về cái xóm đêm kia tôi đã đưa nàng. Tôi ngỡ ý muốn tới thăm nhà Thi một buổi ban ngày thì Thi vội gạt đi mà lấy cớ rằng mẹ nàng nghiêm-khắc lắm, mà dân làng thì hay đề ý tò-mò. Không bao giờ tôi được thấy Thi lúc ban ngày, nàng không

hề tới đồn-diền lúc ban ngày, mà vì muốn giữ tiếng cho một người con gái nhà-quê, tôi đành chờ lúc đêm khuya, đưa nàng một vài quãng đường như những đêm hôm trước. Anh Quảng hình như đã đoán biết những cuộc gặp-gỡ của tôi và Thi, chỉ nhìn tôi mà cười một cách tinh-ranh, chế-nhạo. Một hôm, anh nháy mắt, hỏi tôi :

« — Thế nào? ăn giọng chứ? cô Thi của tôi tuyệt chứ?

« Tôi làm bộ như không để ý, nói lảng sang chuyện khác, nhưng hôm đó, lúc tôi đi ngủ, tôi nghĩ lại mới buồn cười cho tôi. Tôi biết Thi đã lâu mà giá có ai hỏi mặt mũi Thi ra thế nào tôi cũng chịu. Những cuộc gặp-gỡ thăm-vung trong đêm tối chỉ cho tôi biết rằng nàng nói chuyện thật-thà, có duyên, thân hình mảnh-dẻ lúc nào cũng có một vòng khăn mỏ quạ tối om che đầu và hai bên má. Tôi còn biết, nàng ở một nóc nhà tranh sạch-sẽ trong cái xóm mà tôi đã tới nhiều lần. Nhưng dung-nhan người thiếu nữ ấy ra sao? Tôi đã đến gần nàng đâu mà biết được. Ban ngày thì nàng bảo ở nhà nhiều việc, chỉ đến làm giúp trong đồn-diền anh Quảng về đêm. Mấy lần tôi hẹn với Thi để được gặp nàng ở một thửa ruộng hay ở một góc đồi nào để nói chuyện về một buổi sáng mai hay một buổi chiều, mà nàng hết lời từ-chối. Tôi cho là nàng sợ những cuộc hẹn hò dân bợc, làm tai tiếng, ô-danh.

« Cứ lần-lữa như thế cho đến một ngày kia — mà ngày ấy suốt đời tôi còn ghi-nhớ, quên làm sao cái

kết-quả của cuộc tình thâm-thiết ly-kỳ ấy được? — Một ngày kia, tôi ngó ý muốn biết mặt Thi một buổi cuối cùng nữa, một buổi ban ngày để từ-giã nàng, vì tôi sắp phải trở lại Hà-thành. Tôi hết lời năn-ni nàng cho tôi được gặp mặt để sau này lúc đã xa nàng, tôi còn giữ được chút hình-ảnh dịu-dàng của người thôn-nữ ngây-thơ ấy. Những lời cầu-khẩn của tôi đã có hiệu quả: tối hôm đó, trước khi chia tay, trở về xóm cũ. Thi có vẻ cảm-dộng, bùi-ngùi, quyến-luyến tôi hơn hết cả mọi hôm. Nàng lại bằng lòng sáng mai đi đến chỗ tôi đã hẹn.

« Sáng hôm sau, tôi dậy thực sớm, lên ra đi đến Gò Dầu, một chỗ cây cối um-tùm ít người qua lại. Chính chỗ ấy là chỗ tôi đã hẹn Thi sẽ họp mặt để chia tay. Tôi lưỡng-thững bước lên gò, còn mãi ngắm cảnh bình-minh mà không ngờ rằng Thi đã ngồi đợi tôi trên thảm cỏ, dưới một gốc cây to lớn. Thi ngồi quay lưng về phía tôi đi đến, nên lúc nghe tiếng chân tôi giẫm trên những lá khô sột-sạt thì nàng quay đầu lại: Trời đất ơi! trên đời dễ thường tôi chưa trông thấy một cái mặt nào ghê tởm hơn thế nữa! Mặt Thi rõ chẳng, rõ chít, một cái mặt đàn-bà mà nát bét, có từng miếng sẹo nhỏ, trắng, thâm. Để thường bàn tay thợ Tạo cổ tình thâm-thiền muốn hủy-hoại cho bỏ ghét cái chỗ đáng lẽ phải đẹp nhất ở thân-thể người đàn-bà, cái chỗ mà người đời thường đem những tiếng lịch-sử, văn-vẻ, nên thơ nhất để đặt tên. Napoléon có nói: « Cái cảnh đẹp nhất của tạo-hóa là bộ mặt của một người đàn-bà diêm-lệ »; còn nhà văn-sĩ A. France thì hình như

đã viết: « Tôi tưởng cái tội ác lớn nhất của người đàn-bà là có một cái dung-mạo xấu-xa. » Ai cũng cho rằng đã gọi là đàn-bà thì phải đẹp, nếu không thì cũng phải dễ trông hay trông được. Đàng này Hóa-công đã chẳng ban cho những nét yêu-kiểu lại còn làm cho hư xấu, thật là uổng phí cả một đời người, thật đáng ái-ngại ngậm-ngùi vô kể.

« Thi, lúc đó như một tội-nhân sắp phải đem ra chốn pháp-trường để trả nợ đời, như đã biết trước cái số-phận của mình, lạnh-lùng nhìn tôi, từ-từ bỏ nốt vuông khăn mỏ quạ mà bấy lâu nay nàng vẫn dùng để che bớt cái xấu-xa của bộ mặt nàng, rồi hai giọt lệ bắt đầu trào ra khoe mắt. Nàng úp mặt vào tay, thồn-thức. Ôi! cái nhìn tuyệt-vọng, buồn-rầu của Thi như đi thẳng vào tim tôi, như oán-trách, làm cho tôi hồi-hận lạ thường. Tôi lúc bấy giờ thấy lạnh cả một tấm lòng, tôi như đứa trẻ con vừa vô-tình phạm phải một cái tội to lớn quá sức tôi không có cách gì đền chuộc được. Tôi vừa cảm thấu hết nỗi đắng cay, đau-đớn của một sự hi-sinh cao-thượng nhất đời. Tôi nghẹn-ngào cầm lấy tay nàng, không biết lúc ấy tôi đã nói với nàng những câu an- ủi dịu-dàng gì để cho nàng bớt khổ, nhưng tôi chỉ còn nhớ: nàng ngàng đầu nhìn tôi, mắt đầy nước mắt. Nàng có vẻ không tin những lời thành-thực của tôi lúc ấy; hình như Thi thăm trách:

« — Đó anh đã biết sự tò-mò của anh kết-cục thế nào chưa?.. Vì chiều anh mà tôi đau-đớn... Từ nay anh chẳng bao giờ còn yêu tôi nữa... Yêu một người trong mộng chẳng hơn ư? Anh muốn rõ sự thực làm

gi cho thêm chua-chát...Mai đây anh trở về Hà-nội, tôi đã để lại trong đời anh một cái kỷ-niệm chẳng đẹp, chẳng vui...»

Nói đến đây anh Ý ngồi im, uống một chén trà. Chúng tôi cũng ngồi im-lặng, mỗi người theo một ý-nghĩ riêng. Gió thoảng qua mấy chùm hoa tím trước giàn lung-lay trong ánh trăng trong; bụi liều ngã-nghiêng với món tóc xanh lướt-thướt... Đêm khuya sóng hồ vỗ đập róc-rách vào bờ, vụn-vật như đã nhiễm cái buồn lây của người mà thi-thầm to nhỏ cùng nhau những cảm-giác tiếc, thương, oán, hận.

Một lát, thấy bọn chúng tôi không nói một lời nào, anh Ý lại lên tiếng tiếp :

— Thế rồi, Thi đứng dậy, không thèm nhìn tôi nữa, cúi đầu đi thẳng, đi rất nhanh. Tôi sửng-sốt bàng-hoàng, đứng im như một pho tượng gỗ, nhìn nàng đi mãi, cúi đầu đi mãi về cái xóm xa lơ, xa lác mà mọi hôm tôi vẫn đưa nàng về, cái xóm tiêu-diêu vắng-vẻ mà ở đó không có một cuộc ái-ân, một cuộc tình duyên tốt đẹp nào đợi chờ nàng từ nay cho đến bạc đầu...

« Rồi bước một, tôi đi về dần-diễn, buồn vô hạn. Cũng như mọi lần, anh Quảng chạy đón tôi ở cổng lớn, vừa cười vừa nói :

« — Đi đâu về mà buồn như chết thế kia? Bí-mật lắm. Có Thi vẫn mạnh khỏe chứ ?

« Bấy giờ tôi mới hiểu những giọng chế-giễu của bạn ngày xưa, tôi mới vỡ nghĩa cái câu mà anh Quảng thường nháy mắt, hỏi tôi :

« — Có Thi « tuyệt » chứ ?

« Lần này thì tôi không nhịn được nữa, tôi lườm anh Quảng, nghiêm nét mặt cự ngay :

« — Đó là một người con gái đáng thương, một người khốn-nạn suốt đời đau-khổ, anh chẳng nên cười, anh không có quyền chế-nhạo !

« Từ đó, không bao giờ tôi gặp Thi nữa, cả đến cái bóng của nàng trong đêm tối, cả cái giọng trong-trẻo của nàng thường kể chuyện lúc đêm khuya tôi cũng không được nghe nữa... rồi tôi buồn-rầu, hối-hận mà trở lại Hà-thành. »

« Anh Vân từ tối vẫn đề ý đến cô hàng xóm, lúc này hỏi trêu anh Ý một câu :

— Anh trở về liền gặp cô Thu-Hương có phải không? Nhưng, cô này thì tôi dám cá với anh là vừa đàn hay vừa có sắc đẹp, tôi quyết thế !

Anh Ý mỉm cười hỏi lại :

— Sao anh dám quyết được là người ta đẹp, anh không nghe câu chuyện tôi vừa kể hay sao ?

— Có nghe! nhưng cô Thi của anh khác, cô Thu-Hương khác... Tại sao à? Tại anh đã thuộc lòng bài hát thích nhất của Thu-Hương, tại anh là hàng

xóm, được trông thấy cô ta luôn, mà cô ta có đẹp thì anh mới thuộc lòng bài hát ấy.

Cả bọn chúng tôi cùng cười rữ-rượi vì câu trả lời lý-thú của anh Vân.

Ngoảnh nhìn ra phía hồ, chúng tôi thấy khách thường trăng đã vắng mà chị Hằng vẫn còn lơ-lửng giữa trời không mây vẩn; xen với tiếng ếch, dế nỉnon dưới chân cỏ, trong bóng tối, chúng tôi lại vừa nghe tiếng đàn ban nãy nổi lên ở mãi ngoài xa.

NGU'Ò'I TRONG MỘNG

MỘT tuần nay, Yến cặm-cui ngồi thêu những bông hoa tím vào chiếc áo màu xanh nước biển, chiếc áo mà Yến đã lao tâm, tốn trí, khó-nhọc hàng tháng mới kiếm được tiền may. Vì cái cảnh một cô giáo dạy tư nhà túng, lại phải nuôi một bà mẹ già ốm đau, tật-bệnh quanh năm, thì làm gì cho dư-dật.

Thế mà Yến cố dành-dum, chắt bóp đồng tiền, để may cho được cũng chỉ vì Lương, vì cái anh chàng vẽ mặt ngây-thơ và đẹp trai, học trường Luật, hơn một tháng trời theo đuổi Yến.

Không hôm nào đi dạy về, là Yến không gặp Lương đứng chờ ở đầu phố, dáng-diệu bần-khoăn, bối-rối. Không buổi chiều nào là Yến không nhận được một phong thư thơm mát, đầy lời âu-yếm, thiết-tha. Ban đầu Yến cũng không để-ý vì một cô gái nhà nghèo còn biết bao nhiêu điều đáng để-ý hơn là nghĩ đến ái-tình.

Nhưng một buổi sáng mai, hoa bướm xôn-xao hồng làm cho lòng người con gái đang xuân hồi-

hộp. Vũ-trụ như chim-dắm trong bầu không-khí yêu-đương, cả cảnh-vật xinh-tươi như chợt nảy môi tinh, đem khúc Thiên lại mà ca-tụng thần Tinh-Ái, và giục-giã người ta yêu thương kéo phí ngày xuân.

Yến tưởng-nhớ tới Lương. Yến thương-hại Lương đã vì mình mà phải dãi-dầu, khổ-não. Yến không còn tưởng đến phận mình nữa, Yến không kịp nghĩ đến cái kết-quả của cuộc tình ấy nữa. Yến nhận lời Lương. Một luồng gió mát-mẻ bắt đầu thổi qua trái-tim khô héo của cô gái ngày-thơ xưa nay vẫn sống trong cảnh đời túng-bần, khó-khăn, sống với những ngày nặng-nề, u-âm, không ước-hẹn và không an-ủi. Một tuần nay, Yến có cái cảm-giác như mình vừa bỏ chốn tối-tăm mà dời đổi sang một thế-giới đầy ánh sáng và đầy hoa-mộng. Vì chiếc đĩa màu nhiệm của tiên-nữ Ái-Tinh đã làm cho Yến nhìn đời thấy loàn nhuộm một màu hồng thắm, đáng ham, đáng sống, đáng mê say.

Khi người ta đang ở trong cảnh âm-thầm, tro-troi, sống cái sống không ý-nghĩa, không thanh-sắc, mà bỗng-nhiên người ta gặp được người trong mộng, người yêu lý-tưởng, thì người cho đời mình đã có mục-đích rồi, cả thân-thể chỉ gồm có một chữ « yêu ». Yến cũng thế, Yến cho là đời mình từ nay đã có một cái đích đề mà mong-mỏi, đề mà đi tới đề mà quên những quãng đường mệt nhọc mình phải bước hàng ngày.

Đã một tuần nay, những khi rỗi việc. Yến chịu khó cặm-cui ngồi thêu cho xong chiếc áo màu nước biển, chiếc áo mà Yến định để đến chủ-nhật sau

Yến sẽ mặc đi chơi với Lương, và Yến chắc rằng ngắm mình trong chiếc áo mới ấy, Lương sẽ lấy làm vừa ý lắm.

Cái buổi sáng chủ-nhật mà hai người cùng hẹn hò nhau đi tìm một chốn nhà quê êm-dềm, thật xa Hà-nội, hay một nơi bờ sông, góc núi, phong-cảnh thanh-u — một phong-cảnh hợp với ái-tình — chẳng bao lâu đã tới, và chiếc áo xanh màu nước biển của Yến cũng đã thêu xong. Cầm chiếc gương soi, Yến mỉm cười với bóng. Chiếc áo mới may quả đã làm tăng sắc đẹp của Yến bội-phần. Yến sung-sướng vui mừng như đứa trẻ mà người ta vừa cho một thứ đồ chơi đắt tiền ao-ước từ lâu. Yến sung-sướng nhất là vì Yến thấy mình xinh-đẹp hơn mọi hôm đôi má hồng dưới làn phấn mỏng như hồng thắm thêm lên, đôi mắt ngày thường may vá, thừe khuya, vẫn kém phần trong, sáng, nay bỗng long-lanh trong suốt, vành môi nhờ có làn son tô-diêm lại càng sắc nét tươi thêm. Thì ra sự trang-diêm rất cần cho người đàn-bà, mãi bấy giờ Yến mới trông thấy rõ. Trước kia, lúc chưa biết Lương Yến không bao giờ săn-sóc đến sắc đẹp của mình, đến nay vì Lương, Yến mới diêm-trang tỉ-mỉ, đề ý từ nếp áo vành khăn, vì Lương, Yến mới nhận ra rằng Yến đẹp, Yến cũng đẹp như mọi người bạn gái mà hàng ngày Yến vẫn thêm-thường cái đời lộng-lẫy xa-hoa.

Chợt nghĩ đến lúc gặp nhau ở một chốn cỏ hoa tươi-tốt, Yến rục-rở trong chiếc áo mới may, điệu-dàng đi đến gần người yêu-đương gơ tay, âu-yếm đỡ vào lòng và sẽ khen thắm :

— Hôm nay em đẹp lắm !

Chợt nghĩ đến cái phút thần-tiên, mộng-ảo ấy, Yến thấy lòng mình cảm-động, bồi-hồi. Hai giọt lệ rung-rung ở khóe mắt.



Đi đã mỗi chân, hai người cầm tay nhau bước lên một cái đồi cây rậm-rạp, có bóng râm mát-mẻ. Dưới chân đồi là đồng ruộng mênh-mang. Xung-quanh đồi, không một bóng người, không một tiếng người ; đằng xa, tí tặn chân trời, một vài làng xóm phơ những nóc tranh vàng nhạt dưới ánh nắng trưa hè, ẩn hiện trong những bụi tre xanh ngắt. Cỏ giãm dưới chân êm ái như một tấm thảm nhung xanh có điểm thêu hoa. Gió ri-rào thổi qua các cành cây, kẽ lá, như kể-lẽ cùng nhau những chuyện xa-xôi, ân-ái. Hai người cùng ngồi sát vào nhau trên nệm cỏ dưới một gốc cây to lớn, không nói một lời. Hai người cùng trẻ, cùng đẹp. Cuộc đời đẹp lạ-lùng. Yến mơ-màng đặt đầu lên vai Lương. Gió nhẹ-nhẹ thổi làm bay những sợi tóc nhỏ của Yến vào mặt Lương. Hai hơi thở cùng lẫn trong vùng không-khí trong sạch. Hai linh-hồn cùng quấn-quýt, cùng theo đuổi, cùng phiêu-diêu như vừa thoát tục tìm những cõi huyền-bí mung-lung. Hai người cùng say-sưa im lặng. Trong phút êm-dềm ấy, hai người cùng hiểu biết cái đẹp của Hóa-công tô-diểm cõi đời mà không muốn nói ra hay là không dám nói ra. Biết lấy những lời gì đề tả nỗi lòng lúc ấy ; tiếng hót trong-trẻo của con chim khuyen trong

bụi, những cái chấm trắng, đỏ của nụ hoa trên đám lá xanh, rung-rinh trong bóng râm, mùi hoa soan rung, uá tàn đầy đất. Chẳng thà im lặng, im lặng đó còn hơn là phải nói lại những sáo-ngữ của biết bao nhiêu kẻ khác đã dùng rồi.

Nhưng nào Yến có giữ-gìn sự im lặng được lâu. Sóng tình nương như lai-lãng, đối cảnh thiên-nhiên, khối óc, con tim đã nương lay-chuyên bởi một sức mạnh vô hình. Yến cần phải nói, bất cứ chuyện gì cũng được, những lời âu-yếm, ái-ân vô nghĩa lý hay đau-đớn thiết-tha, những chuyện đã qua trong cuộc đời hiu-quạnh hay những chuyện nồng-nàn hi-vọng ở những giờ hiện tại với mai sau.

Rồi dần-dà Yến kể đến cái đời tư của mình mà từ buổi biết Lương, Yến giấu kín hay nói cho đúng, Yến chưa có dịp nào cùng tình-nhân thổ-lộ.

Ôi ! cái đời không ánh sáng, lạnh nhạt và buồn-tênh vì không tri-ký, cái đời thêm muốn ước ham những cảnh mộng cao xa không bao giờ được toại, không bao giờ được nếm, cái đời cặm-cụi, khó nhọc vì sinh kế, thức khuya, dậy sớm mà vẫn thiếu-thốn công nợ bộn-bề, cái đời tiêu-diêu làm mòn-mỏi của tuổi xanh, chí-nguyện vì phải sống luôn bên một mẹ già gắt-gông vì nhớ tiếc cái thời-kỳ êm-ấm đã qua, rền-rĩ, khó chiều, vì ốm yếu ngày nay sang tháng khác.

Yến nói mãi, Yến kể hết cho Lương nghe những chuyện ngày xưa, lúc ông thân sinh ra Yến hãy còn

ở trên đời, Yến sung-sướng như một bà công-chúa vì ông là một vị phủ thượng, quyền quý, danh-giá một thời, Yến còn nhớ cả những mầu đời ngây-thơ vui đẹp, Yến còn nhớ cả cái nét mặt lo buồn nhưng bao giờ cũng hiền-từ, hòa-nhã của phu-thân lúc bán buôn thua lỗ, của tiên hao-hut, vỡ nợ, bán nhà. Yến còn nhớ cả lúc người cha yêu-quý từ trần vì lo-lắng đẻ bà mẹ yếu một thêm góa bụa, thu-vén tảo-lần nuôi Yến đi học. Rồi Yến lớn lên, lớn giữa một cảnh nhà sa-sút, túng-thiếu, khó-khăn, không hi-vọng ở những ngày sắp tới.

Nhưng ngày nay Yến đã gặp Lương đâu bao nhiêu cay-đắng mặn-nồng, Yến cũng vui lòng chịu nhận. Yến đã có Lương, nghĩa là Yến đã có thừa can-đảm để gánh vác cái cuộc đời mà xưa kia Yến đã nhiều phen tưởng chán-nản đến không kham nổi.

Lương ngồi nghe Yến nói, nói như kẻ trong mè. Lương la-lúng, sửng-sốt như vừa nghe một chuyện mà tai chàng không thể nào tin được. Là vì từ ngày biết nhau mỗi hôm nay chàng mới được nghe cái thiên thăm-sử của người yêu. Chàng sửng-sốt vì không ngờ Yến người trong mộng của chàng, một cô con gái có nhan-sắc lộng-lẫy mà lại ở trong một cảnh nghèo-túng tâm-thương đến thế.

Giấc mộng rực-rỡ đã tan như chiếc hoa đèn. Tình yêu ngày trước như mớ lửa nồng đến bây giờ đã tắt. Vì đã rõ biết cái đời thực của Yến, từ nay Lương chẳng còn có thể thương yêu Yến được như xưa, người trong mộng của Lương không phải là Yến mà là một tiểu-thư sang-trọng sống một cái

đời đầy-đủ, hay phải hơn thế nữa, một cái đời lộng-lẫy, xa-hoa. Lương thuộc về hạng con trai độc ác vì hay khinh-rẻ, hay xa tránh những cảnh tâm-thương và thường ao-ước những chốn cao-quý hơn sức mình mới thỏa nguyện.

Chàng yêu Yến chỉ chàng không biết rõ cảnh của Yến, chàng chỉ biết có cái bề ngoài và cái sắc đẹp mà thôi.



Yến đã hết sức đợi trông, nhưng cái người nàng đợi cái « người trong mộng » của nàng, không bao giờ lại nữa, vì người ấy bây giờ đã tỉnh mộng rồi..

Những hôm ánh nắng đầy sân, những buổi sáng hè vui-vẻ, Yến thường đem chiếc áo màu nước biển ra phơi, nhưng mỗi lần nhìn thấy chiếc áo mà nàng chỉ mặc có mỗi một hôm sung-sướng nhất đời nàng, thì Yến lại ngậm-ngùi rơi nước mắt. Nhưng nàng vẫn chưa hiểu tại sao mà Lương lại phụ nàng.

Phôi ai đời chàng c. v. b. 193

Mai - Chi

16 Juin 193...

MAI-CHI ơi! Tôi lại sắp trở lại với Mai-Chi đây. Không biết từng ấy năm xa cách, Mai-Chi có khác đi chút nào chăng? còn tôi, mỗi lần nhìn vào gương, tôi thấy «già» đi nhiều lắm.

Hoa phượng đã nở rồi, dưới ánh hè hoa đỏ rực. Trên những tấm thảm cỏ xanh, hoa phượng đã dễ rơi những cánh lửa mà một người bạn của tôi thường gọi là những giọt máu «đỏ» khóc ngày «xanh». Ngoài phố các cô nữ-học-sinh bé nhỏ, tươi cười, đi lại nhón-nhíp. Các cậu học-trò nghịch-ngợm đã vút tung những quyển sách mà các cậu phải mang đến trường suốt một năm ròng, để đi tìm những tổ chim ở nhà-quê, những quả ổi chín, những bông hoa đồng, những con bướm trắng, vàng, những con cáo-cào áo xanh, áo tím.

Tôi cũng muốn vút cây đàn của tôi vào một xô, tôi cũng muốn nghỉ hè như hồi còn cắp sách đến trường, tôi đã chán những cái «hộp ban đêm» mà đêm nào tôi cũng phải vác đàn đến để họa với một

lũ « thợ đàn » cũng nghèo kiết như tôi, cũng lãnh-đạm với tình như tôi, đêm nào cũng cùng tôi đánh đi đánh lại những khúc ái-ân giéo-giắt để êm du những cuộc tình duyên mỏng-manh của kẻ khác.
*« C'était un musicien qui jouait dans une boîte de nuit
 « Jusqu'aux lueurs de l'aube, il berçait les amours
 d'autrui..... »*

Hắn Mai-Chi đã được nghe bài hát ấy.

Tôi đã chán mặt những khách ăn chơi đàng-điếm, những cái mặt hốc-hác, xanh như ma dưới ánh đèn xanh của một bài *valse*, đỏ như say rượu dưới ánh đèn đỏ của một điệu *tango* dâm-cuồng, lả-lướt. Tôi đã thương-hại những cô gái nhảy ốm mòn, mỏi-mệt mà vẫn phải gượng vui, gượng tươi trước « con mắt bà chủ », ôm ghì lấy những chu tay đen tối như đêm, đề nhảy, đề quay-cuồng, cho khỏi ngã, yếu-đuối như con sên bám chặt một thân cây. Còn gì buồn nản hơn là phải nghe những người đàn-bà trụy-lạc ấy kẻ-lễ những nỗi sướng khổ của đời mình, những điều ước muốn không bao giờ toại của mình, lúc ba, bốn, giờ đêm ở tiệm rượu ra về, hộp đàn bên nách, đi trên những hè phố vắng của Hải-phòng, thỉnh-thoảng đang phải một người lính thủy vừa đổ bộ, say mềm, hát nghêu-ngao, đi vơ-vẩn.

Những buổi chiều, Mai-Chi ạ, những buổi chiều có gió, mặt đường nhựa đã bớt nóng, bớt bốc hơi, những ống khói của các xưởng máy trong cái thành-phố công-nghệ rộn-ràng ấy đã bớt phun khói, tôi thường đi đến bến tàu, nhìn những chiếc thuyền

sấm-bản nằm im chết trên mặt nước đen, hay đi lui một cách lờ-ờ chậm-chạp. Tôi nhìn những chiếc tàu to lớn sắp nhổ neo, tôi nghĩ đến những khoảng trời rộng-rãi mà người ta thờ-đề-dàng mà khi trời nhẹ-nhõm đượm những mùi hương hoa lạ. Tôi nghĩ đến đôi mắt dịu-dàng của một kẻ thân yêu, tôi nghĩ đến bàn tay trắng mát của Mai-Chi để lên đầu, áp vào má tôi, hồi tôi mới mười-bốn, mười-lăm tuổi, hồi Mai-Chi mới hai-mươi-năm, hai-mươi-sáu tuổi.

Bây giờ thì chắc Mai-Chi đã khác xưa lắm rồi đấy nhỉ, vì Mai-Chi đã ba-mươi-sáu tuổi rồi. Nhưng nay mai đây, tôi có trở lại tìm Mai-Chi, hẳn tôi vẫn còn được trông thấy vẻ đẹp kin-đáo, âm-thầm của Mai-Chi như trong lần cuối cùng tôi từ-biệt Mai-Chi.

Còn tôi năm nay tôi hai-mươi-sáu tuổi, hai-mươi-sáu tuổi với một cây đàn với hai bàn tay trắng.

18 Juin 193...

Chiều nào cũng thấy những chiếc ô-tô hòm bóng lộn nổi đuôi nhau chạy về phía Đờ-sơn. Nắng hè gay-gắt lắm rồi. Hơi nóng nung-nấu người ghê-gớm lắm rồi. Người ta nhớ đến bề xanh, sóng biển, cát ướt, bóng râm, những cánh buồm trắng ở chân trời... Còn tôi, tôi nhớ đến Mai-Chi, Mai-Chi với ngôi nhà cũ-kỹ của Mai-Chi giữa một cảnh vườn âm-u, lặng-lẽ. Tôi nhớ đến cái phòng sách của Mai-Chi độ bốn giờ chiều đã tối, vì cửa sổ trông ra vườn bị lá cây leo che gần kín. Tôi lại sắp được ngồi trên cái « di-

văng» có những gổi, thêu bằng vải Thổ, cầm cuốn sách trên tay mà chẳng đọc, để tai nghe những tiếng dương-cầm ở phòng bên cạnh, ở phòng Mai-Chi, rờ-rạc rơi vào lòng tôi, thấm-thía. Tôi sắp lại được cầm tay Mai-Chi đi trên những con đường giải sỏi trong vườn mát-mẻ, hay ngồi dưới một gốc cây to, ngoạn-ngoãn như một cậu bé con ngồi cạnh chị, ngược mắt nhìn Mai-Chi, kinh-cẩn như nhìn một pho tượng, «uống» hết những lời nói trên đôi môi ướt của Mai-Chi. Nhưng, tại sao mãi bây giờ tôi mới nhớ đến Mai-Chi? Tại sao mãi ngày nay, tôi mới có ý-tưởng tìm đến với Mai-Chi?

Có lẽ vì Mai-Chi bây giờ đã thành một người góa bụa. Có lẽ vì Mai-Chi đã mất Hoàng-Anh...

30 Juin 193...

Kể bộ hành mỗi-một đã tìm đến được một khu rừng có bóng râm, có nước ngọt. Tôi đã gặp Mai-Chi. Sắc đẹp của Mai-Chi là thứ sắc đẹp không tàn, không phai, không đổi. Lúc tôi đặt «va-li» trước thêm nhà, lúc Mai-Chi cảm-động, nghẹn-ngào, mừng rỡ chạy ra đón, tôi nhìn Mai-Chi như nhìn một người bạn vừa mới chia tay chiều hôm nọ. Người Mai-Chi hình như có mỏng đi, mắt Mai-Chi tuy có quầng thâm, nhưng Mai-Chi hôm nay vẫn là Mai-Chi ngày trước. Tôi vì có đi xa độ mười-năm nữa trở về, có lẽ, Mai-Chi a, Mai-Chi vẫn đẹp, vẫn đẹp như buổi chiều hôm ấy.

...Chiều hôm ấy, tôi mười-sáu tuổi, lúc tôi ôm đàn đến biệt-thự riêng của Mai-Chi trên bờ bể Sầm-sơn

thì không thấy Hoàng-Anh, ông thầy dạy đàn của chúng ta. Có lẽ Hoàng-Anh mãi thơ-thần ngoài bãi cát hồng gió chiều mà quên rằng Mai-Chi cùng tôi đang đợi. Mai-Chi bảo tôi lên dây, dạo cho Mai-Chi nghe một bản nào mà tôi sở trường nhất. Mai-Chi không muốn tập violon, Mai-Chi chỉ ưa đàn piano, nhưng Mai-Chi lại thích nghe người ta kéo những bản êm ái nào-nùng. Tôi được lệnh của Mai-Chi, lấy hết gân tay non-nớt, đem hết nghệ-thuật mà Hoàng-Anh đã truyền lại cho tôi, để hết tâm-hồn nghệ-sĩ vào cây đàn, tôi kéo bản «Célèbre Sérénata» của Toselli, mới được nửa chừng thì Mai-Chi đã chứa-chan nước mắt.

Tôi đặt đàn vào hộp, chạy lại bên bao lơn, chỗ Mai-Chi đứng tựa, tôi cầm lấy tay Mai-Chi, lo sợ:

— Làm sao chị khóc?

— Chị khổ lắm em ơi! Chị không thể lấy được Hoàng-Anh...

Mai-Chi có biết lúc đó lòng tôi đau-xót đến thế nào? Thế mà tôi vẫn hỏi:

— Tại sao?

— Chỉ tại Hoàng-quán nghèo hơn chị

17 Juillet 193...

Nếu sáng ngày mai, theo lệ thường, Mai-Chi có cho người đánh thức tôi dậy để đi chơi sáng, mà thấy phòng vắng, không người, Mai-Chi cũng đừng chờ, và đừng cho tìm tôi nữa. Tôi đã đi rồi. Mai-Chi ơi! Tôi chỉ là một kẻ «bỏ-hê-miêng», cuộc đời vô

định, mang cây đàn đi bốn phương trời ca hát kiếm ăn, không ngày, không tháng. Tôi chỉ là một anh « thợ đàn » nghèo kiệt sống trong những cái « hộp ban đêm », đem tiếng đàn mà êm du những cuộc tình-ái chóng đổi thay của kẻ khác. Tôi là một kẻ vô tài. Tôi không quyến-dũ nổi Mai-Chi. Mai-Chi vẫn là Mai-Chi của Hoàng-Anh.

Đôi mắt của Mai-Chi đâu có dịu-dàng đến mấy, bàn tay của Mai-Chi đâu có mát-mẻ đến thế nào, nước chè của Mai-Chi pha tuy thơm, quý lắm, ngôi nhà của Mai-Chi im-lặng, cần-thiết cho sự nghỉ-ngơi của một kẻ ã-chè vì lẩn-lóc như tôi lắm, nhưng tôi phải bỏ hết mà ra đi, tôi lại đi theo cuộc đời của tôi vậy, vì Mai-Chi ơi! tôi ghen với Hoàng-Anh. Hoàng-Anh thực là một người sung-sướng nhất đời. Lúc sống đã được làm chồng một người đàn-bà hiem có như Mai-Chi, lúc chết vẫn còn được Mai-Chi yêu nhớ mãi.

Vậy mà Hoàng-Anh cũng nghèo xơ-xác như tôi. Hoàng-Anh tốt số hơn tôi có lẽ vì Hoàng-Anh ra đời trước. Trong buổi Mai-Chi bắt đầu thồn-thức vì tiếng đàn của Hoàng-Anh, Mai-Chi không ngờ rằng một đứa trẻ con như tôi đã bắt đầu thồn-thức vì Mai-Chi. Nhưng nói cho đúng thì có lẽ nghệ-thuật của Hoàng-Anh hơn tôi một bậc. Ông thầy dạy học-học-trò là lẽ cố nhiên. Tiếng đàn của Hoàng-Anh là tiếng đàn thần: Hoàng-Anh sướng vì tiếng đàn ấy mà chết non cũng vì tiếng đàn ấy. Như thế chẳng đủ lắm rồi sao? Được Mai-Chi yêu rồi chết! Tôi sẵn lòng đánh đổi cuộc đời của tôi cho Hoàng-Anh.

Tối hôm nay, trong gian phòng khách ngạt-ngào mùi hoa huệ, tôi đã đem những tác-phẩm, những công trình bất hủ của những nhạc-công bất-hủ trong đời để hiến Mai-Chi. Tôi đã đem hết tâm-tình phổ vào cây đàn đã nuôi sống tôi, từ ngày tôi cùng Mai-Chi xa cách. Tôi mê-mạn, người tôi nhẹ như bay lơ-lửng trên mấy tầng mây, tôi biết Mai-Chi đã đề hết tinh-thần vào tiếng đàn tôi, tôi biết sóng lòng Mai-Chi đang dào-giạt. Tôi gọi *Beethoven*, *Mozart*, *Chopin*, *Schubert* giúp sức. Tôi kéo mãi, kéo mãi cho đến khi thấy Mai-Chi gục đầu nức-nở trên mặt « đi-văng ». Tôi sung-sướng, bỏ rơi cây đàn xuống gạch, chạy đến nhấc đầu Mai-Chi lên, hai má Mai-Chi đã ướt đầm những lệ. Mai-Chi đề tay lên đầu tôi, vuốt tóc tôi :

— Tán tôi lắm! Khá lắm rồi! Nhưng tiếng đàn của em làm cho chị nhớ đến Hoàng-Anh.

Thôi thế là hết! Mai-Chi ạ, thực hết!

Tôi chán-nản, ôm cây đàn vào lòng, cây đàn tôi bỏ rơi trên gạch đã nứt dạn một đường, cây đàn tôi cũng nứt dạn một đường.

Người ta bảo *violon* là thứ đàn có linh-hồn. Vậy thì linh-hồn của đàn tôi hẳn là tui lắm. Hỡi các nhạc-công bất-tử của loài người! Hỡi những ông thầy học của tôi ơi! Từ nay tôi không dám đụng đến những tác-phẩm thiêng-liêng của các người nữa. Tôi là một kẻ vô-tài, tôi không quyến-dũ nổi

Mai-Chi. Tôi lại trở lại với những thứ âm-nhạc thông-thường, dễ nhớ, hợp thời, dâm-dăng, trống-rỗng, không hồn. Tôi lại trở lại với bọn « thợ đàn » nghèo kiết, kéo dài cái đời phồng-dăng giang-hồ.

Đêm nay, trong lúc Mai-Chi mơ-màng nghĩ tới Hoàng-quân, thì tôi trèo qua cửa sổ ra đường, đi giữa trời giông-tổ, ôm chặt cây đàn bên vách, cây đàn đã nứt dạn một đường.

Năm qua

TẾT năm ấy, Chi lên bảy mà Thụy mới lên năm. Sáng mồng một, Chi bí-mật kéo Thụy vào một xo nhà, khoe nhỏ :

— Năm nay... Chi lên bảy !

Lên bảy, đối với Chi bình như là một sự lạ-lùng, quan-trọng lắm thì phải. Vì mới sáng ra, mẹ Chi là một người quả-phụ, đã sửa-soạn cơm canh rồi thấp hương, khăn vái trước ban thờ, đoạn nhìn vào tấm ảnh của chồng rung-rung nước mắt ôm con gái quý vào lòng mà nước-nở :

— Chi của mẹ năm nay lên bảy... giá còn cậu thì cậu hẳn vui lòng.

[[Lên bảy thì có gì là vui lòng ? Chi nghĩ thế. Nhưng nếu lên bảy mà làm vui lòng cậu Chi, một người « đi không về nữa » để cho mẹ Chi ngày tháng âu-sầu, lên bảy mà làm rơi được nước mắt của người mẹ bao năm lẻ-loi, buồn-thảm, thì lên bảy phải là một sự không thường.

Cho nên, vừa mới bảnh mắt ra, nghe tiếng pháo bên nhà Thuy nổ, tuy mẹ Chi, đã dặn đi dặn lại mấy lần rằng sáng mồng một chưa được đi đâu với Chi cũng lừa lúc mẹ lui-húi dưới bếp chạy tọt sang khoe với Thuy. Vì Chi chẳng còn biết khoe với ai nữa. Chi chỉ có mẹ Chi ở trên đời. Ngày xưa, Chi còn có cả cậu Chi nữa, nhưng bây giờ, chỉ còn có bức ảnh cậu trên ban thờ.

Thuy ở giáp vách nhà Chi. Thuy cũng chỉ có một người mẹ như Chi thôi. Mà mẹ Thuy cũng yêu Chi lắm, yêu cả mẹ Chi nữa. Hình như hai người vì cùng giống cảnh nhau, cùng thiếu « cậu » mà hóa thương-mến nhau. Chi thường bắt gặp hai người nhiều lúc cùng ngồi với nhau trò-chuyện, thường nhìn lên bức ảnh ở ban thờ mà thở dài.

Tết năm ấy, Chi mặc một cái áo nhung hồng. Cái áo ấy, hình như mẹ Chi đã phải chạt-vật lắm mới may nổi cho Chi. Chi không thấy mẹ Chi có áo mới để mặc Tết, thì Chi lấy làm lạ lắm. Chi tưởng cứ Tết đến là ai cũng phải may áo mới. Nhưng hỏi mẹ thì thấy mẹ gượng cười mà trả lời :

— Mẹ không cần mặc áo mới. Chi của mẹ ngoan-ngoãn, Chi của mẹ có áo đẹp là sung-sướng. Mẹ già rồi, còn mặc áo đẹp làm gì ? Mẹ còn đẹp với ai . .

Tuy Chi lên bảy nhưng Chi tính ý lắm. Chi đã thông hiểu mẹ Chi không có nhiều tiền như mẹ Thuy. Mẹ Chi đã thiếu tiền lại mất cậu, cho nên mẹ chẳng vui.

Tết năm ấy, lúc mẹ Chi dắt Chi sang nhà Thuy để mừng tuổi mẹ Thuy, thì mẹ Thuy vui-vẻ, tươi cười ra đón, lấy đồng ván mừng tuổi Chi, bẹo má Chi mà nói :

— Con dâu của tôi đây ! Con dâu tôi sang quá, đẹp quá !

Chi được tiên chỉ biết cười, đã biết gì mà then, Chi lại kéo Thuy ra cửa, rốc hết xu hào ra tay để khoe. Rồi, ngày-thơ, hỏi Thuy :

— Thuy được tất cả mấy hào mừng tuổi rồi ?

Trong khi ấy thì mẹ Chi và mẹ Thuy im-lặng nhìn hai đứa con thơ, hai cái hi-vọng để mà vui, mà sống ở đời, hai hòn ngọc quý. Hai người im-lặng nhìn nhau thỏa-mãn, tuy không nói ra lời, nhưng trong đáy lòng đã dự-định cả một cái tương-lai tươi-tốt.



Tết năm ấy, Chi mười-ba mà Thuy mười-một. Chi, ngày bé đã tinh ý, bây giờ lại tinh ý hơn. Động Thuy nhìn mình lâu là Chi bưng đồ mặt. Chi đã hiểu được những ý-nghĩa bóng gió, xa-xôi mà cái tuổi của Thuy mới lờ-mờ, chưa hiểu rõ-rệt. Chi mới mười ba mà trông đã « có vẻ » lắm rồi.

Sáng mồng một, chẳng còn ai mừng tuổi cho Chi lấy một xu. Sáng mồng một sang nhà Thuy, một bà khách thân hỏi Chi :

— Cô em năm nay bao nhiêu tuổi ?

Chi chưa kịp trả lời, thì Thuy đã nói trước :

— Thưa bà, cô ấy mười-ba.

Rồi Thuy cười sảng-sắc, làm cho Chi mặt đỏ như cánh hoa đào. Chi lại càng thẹn thêm lúc nghe bà khách bảo :

— Tốt đôi lắm ! Gái hơn hai, trai hơn một.

Lúc Chi và Thuy cùng ngồi chơi tam-cúc với mấy người nhà, Thuy chỉ rình đề đôi tốt đổ lại sau, vì Chi chỉ chực ăn kết tốt đen. Một lần Chi bị đề thực. Bọn người nhà nhao-nhao lên :

— A ba ! Cô Chi bị đề.

Chi đã hơi tức. Nhưng lần sau Chi vẫn không chừa, Chi lại bị đề. Rồi lần sau cuối ván bài, Chi lại đét mạnh hai cây tốt đen xuống chiếu, mà nóng bừng-bừng :

— Lần này, ai đề thì cứ việc đề !

Thuy đã vút hết bài trong tay, chỉ còn giữ lại hai cây tốt đỏ, lúc này giáng mạnh lên hai cây tốt đen trước mặt Chi :

— Có mỡ đây !

Rồi Thuy bò ra cười. Còn Chi thì thẹn, tức chảy nước mắt, vùng-vàng ra phòng khách ngồi, vờ vuốt ve mấy cánh thủy-tiên.

Hối-hận, Thuy mon-men đến cạnh Chi, giọng buồn-rầu :

— Chi giận Thuy đấy à ?

Chi đẩy Thuy ra, nhõn miệng cười :

— Ai người ta thèm giận cái mặt ấy !

Rồi chạy tọt ra cửa, về nhà không sang nữa.

Tết năm ấy, Thuy ở trường được nghỉ học về nhà thì nghe nói Chi và mẹ đã ra ở ngoại ô, vì nhà Chi càng ngày càng túng. Bà cụ Chi lại đâm ra đau ốm luôn luôn. Chiều ba-mươi, Thuy bù-người nhìn mưa bụi nhẹ-nhàng bay trên những mái nhà cũ-kỹ của thành-phố. Lần đầu tiên cậu học-trò vô tư-lự cảm thấy những nỗi thống-khổ ở đời. Năm ấy Thuy mười-tám mà Chi hai-mươi-mốt. Một bàn tay nhẹ-nhàng đặt trên vai Thuy, Thuy cúi một vài hạt lệ đọng trên mí mắt, quay lại nhìn thấy mẹ, vội dỗi nét mặt tươi cười. Bà cụ chỉ giỏ hoa thủy-tiên đầy-đặn nở trong một cái bát thủy-tinh đầy nước, đặt cạnh một tấm ảnh của con :

— Con có biết hoa của ai cho không ?

Thuy đang lưỡng-lự thì bà cụ đã nói ngay :

— Hoa của con Chi cho đấy. Nó bảo chính tay nó tía, nó mang lại đây chiều hai-mươi-chín. Mẹ bảo nó ba-mươi con mới được về nhà mà sao tận bảy giờ nó chưa đến. Tội-nghiệp ! Bà Hai ôm đau quanh năm mà có mỗi một mình nó, mẹ vẫn phải giúp đỡ luôn đấy. Con đi học vắng thì sao nó hay lại thăm mẹ, mà hễ ngay nghỉ nghe tin con sắp về là nó tránh.

Buồn-rầu, Thuy sẽ nhắc lại :

— Tội-nghiệp Chi...

Trong khi ấy thì Chi đang phải tiếp những khách nợ đến đầy nhà quấy-rầy, nói nặng. Trong khi ấy

thì bà cụ Chi đang lên cơn sốt, ở xó buồng một ấm thuốc đang sôi réo âm-thầm.

Tết năm ấy, Chi nhớ tới cái áo nhung hồng ngày xưa mà thấy nghẹn-ngào trong cổ họng. Chi không muốn khóc nữa, vì Chi đã khóc nhiều. Lạnh-lùng Chi nhìn con đường vắng-vẻ trước cửa nhà bùn-lầy nước đọng. Lần đầu, Chi rõ thấm-thía sự chia rẽ độc-ác của cái nghèo. Hình-ảnh người bạn ngày-thơ, càng ngày Chi càng thấy xa-xôi, cách-biệt. Chi đã nhìn rõ thấy con đường sau này của mình bước, cũng bùn-lầy nước đọng. — nhớ-bản nữa biết đâu? — như con đường ở ngoại-ô, trước cửa nhà mình biết bao giờ Thụy đặt chân đi đến?

Nhìn những nét nhăn trên mặt mẹ, nhìn những nét đau-khổ in trên mặt mẹ làm cho già sớm, làm cho liêu-tuy con người, Chi thấy rõ sự tàn-phá của thời-gian, của tháng, năm qua. Chi sẽ mất người mẹ — tuy ốm-yếu quanh năm nhưng còn là một người thân yêu nhất trên đời — Chi sẽ bơ-vơ bơ-ngỡ, lạc-loại. Còn biết bao nhiêu năm tháng dầy nổi lăm-than, cay-dắng, hãi-hùng chờ-đợi?

Nhưng, Tết năm ấy, Thụy đã tới thăm Chi trong gian nhà vắng-vẻ ở ngoại-ô. Thụy đã đem đến những lời an-ủi đủ làm ấm-áp lòng Chi trong những ngày nặng-nề sẽ tới.

Chi sung-sướng, để nguyên bàn tay giá-lạnh của mình ủ-ấp trong hai bàn tay êm-ấm của Thụy. Nhưng, trong thâm-tâm của Chi, Chi vẫn cảm thấy sự cách-biệt của hai cuộc đời. Chi biết rằng

hạnh-phúc ở đời không đến phần mình. Minh không mong-đợi gì ở mai sau nữa.

Tựa cửa nhìn theo chiếc xe buồng mui kéo Thụy đi về giữa chốn phồn-hoa, náo-nhiệt, dưới một bầu trời xám-ngắt, buồn-tênh, Chi biết cái mộng của mình, đã tan như mây khói theo ai rồi. Từ nay, Chi sẽ sống theo đời thực, Chi còn mẹ ốm phải nuôi, còn đời mình phải liệu.

Tết năm ấy, trừ Thụy tới với mẹ con Chi, không còn ai lui tới hỏi-han, thăm-viếng nữa.

Cạnh ánh lửa hồng của chiếc hỏa-lò con sắc thuốc, Chi lần giở những chiếc thư đầy lời ân-ái thuở xưa ra xem lại một lần. Rồi mạnh-bạo, bỏ chiếc một vào hiến cho Thần lửa. Giấy cháy thành than đọng lại đầy hỏa-lò. Chi phải lấy cái que đập cho tan ra từng mảnh bụi. Bà cụ nằm trong màn sự tỉnh giấc hỏi Chi:

— Con làm gì đấy?

Chi thấy đau-đớn như xé lòng, cố nén cho khỏi bật nên tiếng khóc. Chi phải nói dối mẹ:

— Con cời than tàn để thay than mới cho ấm thuốc chóng sôi.

Chi không muốn cho mẹ biết: Chi vừa đập tan quả tim của mình làm trăm ngàn mảnh. Những mảnh tim ấy là mớ tro tàn của những bức thư tình.



Tết năm ấy, Thụy ngồi hút thuốc lá một mình trên một gian-phòng gác trọ. Thụy rót rượu uống

đến say mềm mà không biết lim-dim con mắt nhìn chiếc ảnh của mẹ để trên ban thờ, trước mấy nén hương nghi-ngút cháy.

Năm qua...

Thuy đã mất hết người thân-yêu trên đời. Thuy đã mất Chi rồi, Thuy lại mất mẹ. Càng đi sâu vào cuộc đời, Thuy càng thấy nhiều điều đau-khổ. Chưa bao giờ Thuy thấy trong lòng ấm-áp, yên-vui, đến nỗi có thể nói một câu :

— Đời tươi đẹp lắm !

Mở cửa sổ cho gió lạnh thổi vào phòng, thổi vào mặt nóng bừng-bừng, Thuy ti bên cửa bàng-khuàng nhìn mưa bụi nhẹ-nhàng bay trên những mái nhà ẩm-ướt, cũ-kỹ của thành-phố, trong lòng chán-nản, trống-rỗng, lạnh-lùng.

Trong khi ấy thì Chi ngồi đan một cái áo len nhỏ xíu cho con mặc, đứa con không bố, năm ngừ tròn trong một tấm chăn. Chi đã thức tối qua đến ba, bốn giờ sáng, mà hôm nay Chi còn cố ngồi đan áo cho con. Vì Chi vẫn chưa quên cái áo nhung hồng nhỏ xíu thuở xưa. Một đôi khi cũng nhớ đến Thuy, nhưng nhớ đến Thuy, Chi lại tự an-ủi mình bằng câu triết-lý vãn-vơ :

— Kiếp người như thế. Tiếc làm sao được ?

Cũng như Thuy, càng đi sâu vào cuộc đời, Chi càng nhận thấy nhiều điều đau-khổ. Chi đã trải qua cảnh làm lẽ-mọn trong gia-đình một kẻ phụ-thương. Chi đã chịu qua nhiều nỗi é-chề, dân-vật, ghen-tuông của người vợ cả, Chi cần rắng mà chịu nhận

cái cuộc đời đầy sự lăm-than ấy là vì mẹ già ốm-yếu. Nhưng, đến lúc người mẹ ốm-yếu cũng không còn nữa, thì Chi ôm con đi thoát thân, để kiếm một nghề nuôi con, để làm lại cuộc đời.

Người ta cũng chẳng buồn giữ đứa con kia lại. Từ nay Chi đã lại có một kẻ thân yêu ở trên đời. Chi lại phải chăm nuôi, phải nâng-giấc, săn-sóc cho đứa con thơ như người mẹ già đau-yếu ngày xưa.

Rồi..., rồi như Trời Phật cũng không nỡ dọa-dây Chi mãi nữa. Tết năm ấy, Chi bỗng gặp Thuy, nhưng gặp Thuy lúc nhan-sắc đã phai-pha, tâm-hồn đã mỏi-mệt. Trời già thường éo-le, độc-địa như vậy.

Tối mồng hai, Thuy đi một mình lang-thang trên hè vắng không chủ-định gì. Một điệu kèn trong một nhà khiêu-vũ vắng đưa đến tai Thuy. Thuy dầy cửa bước chân vào chốn ăn chơi, rộn-riệp, tung-búng ấy để mong lấy cái vui của người khác, để uống một cốc rượu mạnh cho nóng người. Khí lạnh ngoài đường đã làm co-quắp cả chân tay Thuy. Người mà Thuy nhìn thấy trước nhất là Chi, Thuy nhìn Chi. Chi nhìn Thuy.

Hai quả tim cùng đập mạnh.

Trên hè vắng, lúc canh khuya, có hai cái bóng người đi nép vào nhau, quên cả mưa phùn gió lạnh. Chi không cần kể-lẽ một lời, Thuy cũng đã hiểu rằng trong những ngày qua, Chi không sung-

sướng. Nghẹn-ngào, hai người từ lúc gặp nhau vẫn chưa trao đổi một câu nào.

Bồng Thuy ngập-ngừng hỏi :

— Sao Chi lại tự làm tan-nát đời Chi.. Sao Chi lại quên Thuy.. Làm lẽ cả hai cuộc đời ?

Chi buồn-rầu đáp lại :

— Kiếp người như vậy... đừng nên nhắc lại việc đã qua.

...Tại sao ? Tại sao Chi phải đi theo con đường của Chi. Chi nghèo... Chi không muốn làm bạn đời Thuy...

Trong gian nhà ảm-thấp của Chi thuê ở với con, một ngọn đèn dầu lú-mù cháy. Trên ban thờ, trước tấm ảnh của bà Hai, mấy nén hương nghi-ngút khói. Hai cái đầu kê nhau than-thở...

Bỗng một tiếng trẻ con khóc thét làm cho hai người giật mình như vừa tỉnh một cơn ác-mộng. Thuy đưa mắt hỏi Chi, Chi chạy lại vỗ-về con, ru một giọng buồn-buồn cho con ngủ lại, rồi thở dài :

— Con của Chi... một đứa con không bố... Đời Chi chỉ còn có bấy nhiêu... Trong lúc Chi đi làm đêm ở tiệm khiêu-vũ thì con Chi nằm ngủ với một con ở nhỏ. Lọt lòng ra đã khổ rồi.

Bàng-hoàng, đầu nặng, Thuy đứng dậy, nhìn đồng-hồ :

— Thôi khuya rồi ! Anh về đề em đi nghỉ...

Thuy bước ra cửa, buồn-rầu, chán-nản. Từ nay lại có một đứa con vô tội, vô-tình chia rẽ hai cuộc đời.

Thuy lại đi vợ-vần một mình trên hè phố vắng... nhưng..., nửa giờ sau, quay lại nhà Chi đấm cửa.

Chi vừa mở cửa đã thấy hai bàn tay của Thuy nắm chặt lấy tay mình :

— Đời Chi cần phải có một người đàn-ông che-chở. Đời Thuy cần phải có một thứ tình thiêng-liêng, bền-chặt để ủ-ấp cho quả tim trống-trái. Đời đứa bé con thợ-dại kia phải cần có bố, có mẹ chăm-nuôi. Chúng ta đã trải qua cảnh vợ không chồng, con không bố, Thuy không có quyền bỏ Chi bơ-vơ trên đường đời, không bạn-bè, thân-thích...

Chi đứng không vững, phải tựa đầu vào ngực Thuy. Chi tưởng mình đang ở trong mê. Chi tưởng có thể chết ngay lúc đó vì cảm-động, chết không mong ước gì nữa, không ân-hận gì nữa.

Chi vẫn để nguyên bàn tay giá-lạnh của mình nắm trong bàn tay ấm-áp của Thuy. Lần này trong thâm-tâm Chi, Chi mới cảm thấy sự lâu bền, vĩnh-viễn của cái nắm tay chặt-chẽ kia. Lần này, Chi mới lại khóc. Một giọt lệ sung-sương rơi trên tay của Thuy.

Tết năm ấy, Chi đã hai-mươi-tám mà Thuy thì hai-mươi-sáu...

Ăn tết ở Hà-thành

NĂM ấy, nghĩa là năm tôi còn là một tên học-trò « tiểu-tốt », lười-nhác nhất đời, từ một tỉnh nhỏ miền Nam cách Hà-nội độ một đồng tư bạc tàu « khứ-hồi hai lượt » — nói như các ông Lý-Toét — lễ-mễ vác xuống sân ga Hà-nội một cái hòm gỗ đựng nửa phần giấy lộn và tiểu-thuyết trinh-thám Sà-goòng, với lại vài bộ quần áo ta không lấy gì làm tươm lấm. Năm ấy, tôi bắt đầu làm quen với Hà-thành và bắt đầu làm thân với ba « tên » nữa cũng ở các tỉnh đến « du học » như tôi, cũng ba thằng tiểu-tốt, lười học nhất đời và ham chơi đặc-biệt. Ở đời, những cái « óc lớn » thường gặp nhau, cho nên sự gặp-gỡ của bốn thằng quý sống ở nhà bà Quyền Vũ cũng không lấy gì làm lạ.

Bà Quyền Vũ, cố-nhiên là một người đàn-bà, ngoài bốn-mươi tuổi, khô như con mắt, gầy như cái que, mười-lăm năm chuyên-môn thổi cơm hàng cho học-trò các tỉnh. Chồng bà, cố-nhiên là một ông Quyền, hay hơn thế nữa, là một đấng « yêng-

hùng » chết trận « Vệt-doong » hèn mẫu-quốc, để lại cho bà một « mun » con gái mà hồi bấy giờ chúng tôi cho là « được » lắm !

Ngày nay, nhắc lại chuyện xưa, tôi còn có thể hình-dung được ngôi nhà mà mấy năm trời chúng tôi chen-chúc với nhau một cách « tâm đầu ý hợp », ngôi nhà mà, ngày nay, than ôi ! họ đã phá đi rồi, để thay cho một cái mới hàng kiêu mới, ngôi nhà hẹp bằng bao diêm, trên gác kê hai tấm phản vừa vặn đến nỗi khi ngủ, chúng tôi phải nằm kiêu « úp thia ». Còn dưới nhà là cửa hàng tạp-hóa tạp-nhảm, kim, chỉ, guốc dép, khăn mặt, thuốc lá .. lung-tung của cô con gái bà Quyên Vũ.

Bà Quyên Vũ lấy chúng tôi mỗi tháng tám đồng bạc com. Cứ đến cuối tháng là bà hỏi-han, săn-sóc đến chúng tôi một cách thiết-tha hơn con đẻ. Vì trong bọn có Kỳ và Hoành, hai ông tướng « chày » tiền com và tiền học nhất. Mà cũng không trách được vì sao chúng nó hay chày, nhà mỗi tháng chỉ gửi cho có mười-lăm, mười-sáu đồng bạc là cùng, tiền học : bốn đồng, tiền com : tám đồng. Thế thì còn lấy gì để mà thuốc là phi-phèo, để mà quà sáng, quà trưa, quà tối ? Lại còn chiếu ảnh ? Ấy may mà ngày ấy Hà-thành còn chưa có thú « nhây », không có thì còn là « vợ nợ ».

Không hiểu sao về cái vấn-đề gửi tiền cho con ăn học ở Hà-nội, các cụ « bố » ở nhà khéo bảo nhau, khéo đồng-ý thế ? Cứ cuối tháng là chúng tôi nhận được thư nhà, lần nào cũng kèm « măng-đa » mười-lăm đồng, đến mười-sáu là cùng, ít khi có hai

chục trong tay. Cho nên Kỳ và Hoành đã nổi tiếng là những tay « ăn xài lớn ». Mỗi lần lĩnh tiền rồi, trông thấy tập giấy bạc nằm trong tay rõ-ràng mà không được tiêu, lại phải đem đi trả tiền com, tiền học, thì chúng nó thường « hoa mắt » lên, hai thằng óng mánh đánh lưỡi đến « tặc » một cái. Thế là, a-lè húp ! lên Hàng Buồm, ăn com lâu cho sưng miệng, rồi nghỉ học luôn một tháng, ngày ngày vác sách lên Bách-thú ngủ gật cho tỉnh, hay đùa với khí đề « giết thi-giờ ».

Thư « Trung-kỳ » thì không thể. Hẳn là con một nhà giàu xứ Huế, mỗi tháng nhà thường gửi cho những hai-mươi-năm đồng, ba-chục. Cho nên chẳng bao giờ nó phải cái cảnh trốn học, chày tiền com. Nó chỉ phải hai tội xấu : hễ đặt mình là ngủ, có khi quên cả giờ đi học là thường. Và nghiện... phở.

Phở, lúc nào nó ăn cũng được ; sáng dậy, giữa trưa, vừa com nước xong, chập tối, khuya, dạ-dầy nó sẵn lòng dung-nạp. Chẳng thế mà có lần tỉnh số, thẳng hàng phở quen đã được lĩnh luôn một lúc mười-một đồng. Mười-một đồng bạc phở ! hình như trong Huế thứ quà này không làm cho nó ngon miệng bằng ở đây.

Thư « Trung-kỳ », không nghĩa giàu tiền mà còn nghĩa-hiệp. Hẳn đã cứu anh em nhiều lúc nguy-nan, nghĩa là nó đã thiết, đã mời, đã « bao », đã cho vay không cần trả lại, những khi anh em vung tay quá trán sớ vào túi không còn một hạt bụi. Cho nên trong những cơn « khủng-hoảng », trong

những lúc khó-khăn bối-rối về « văn-đề tiền tệ », chúng tôi thường nghĩ đến nó như một vị cứu-tinh.

Kỷ thi thực là một thảng lấm tội. Không những hay tiêu liêu, hay trốn học, hẳn lại còn nghiện thuốc lá nặng nên hẳn nhiều phen rất khổ.

Những khi anh chàng thềm thuốc, mặt mũi buồn thui, thì cậy rằng hẳn cũng không buồn nói. Trái lại, hôm nào róc-rách trong túi có tiền, có hơi thuốc, là hẳn nói suốt ngày như vেম. Bởi thế cho nên cổ « cảm » cho kỷ được có con gái bà Quyền, vì ở hàng cô không thiếu gì những gói *Melia* giấy đỏ.

Tôi còn nhớ, có một đêm, Kỷ nhờ tôi nghĩ hộ một bức thư để gửi cho cô Ty, — tên con gái bà Quyền — vì ngày thường hẳn vẫn phục tôi về khoản « văn thơ ». Văn thơ ! mà nhất là thư tình ! Hừ. Kỷ đã gài vào chỗ ngực của tôi rồi ! Các ngài ạ, thì ra tôi có khiếu văn thơ từ ngày bé. Tôi còn nhớ mang-màng, không biết có phải ngày xưa lúc mới lọt lòng ra đời, tôi không khóc oa-oa như những đứa trẻ khác, mà hình như tôi đã ngâm được hai câu thơ đầu trong quyển Kim-Vân-Kiều của cụ Nguyễn-Du rồi ! Vì thế, nhón lên đi học, truyện Kiều, tôi thuộc như cháo chầy. Lắm lúc tôi tưởng-tượng như chính tôi là một quyển Kiều. Bất cứ văn, bài, thư cho bạn, cho nhà, khi nói chuyện, thế nào tôi cũng vận chọ được hai câu vào mới hả. Có một lần, ông giáo ra đầu bài luận quốc-văn là : « *Tả cảnh mùa thu* ». Thế mà tôi cũng « tương » ngay vào bài được hai câu :

« Thanh-minh trong tiết tháng ba
« Lệ là táo-mộ, gọi là dạp-thanh... »

Không biết trong bức thư tình viết hộ Kỷ ngày ấy tôi đã viết những câu gì mà khiến cô bé đến rơi nước mắt được, nhưng chắc thế nào cũng có câu :

« Người đầu gặp-gỡ làm chi ?
« Trăm năm biết có duyên gì hay không ?

Thư như thế mà « ăn câu » chứ !

Các ngài hẳn lấy làm lạ ? Nhưng, chính sự thực như vậy. Hồi bấy giờ các cô thiếu-nữ ngày-thơ, dễ cảm, chứ không ranh-mãnh như các tiểu-thư ngày nay. Hồi bấy giờ, truyện Kiều là « sách đầu đường » của nam-nữ thiếu-niên. Cho nên hồi bấy giờ mới có người thâm-thúy bảo : « nước ta là Kim-Vân-Kiều quốc, mà người nước ta là Kim-Vân-Kiều nhân » vậy.

Thế rồi từ đấy Kỷ không phải lo về nạn thiếu thuốc hút, vì mỗi bức thư lời lẽ văn-hoa, chải-chuốt đầy tình-thương nỗi nhớ sau này đều kèm thêm một dòng chữ nhỏ : « Em nhớ bảo đưa lên gác cho anh một gói *Melia* ».

Năm ấy, không hiểu sao bọn « tứ bất-tử » chúng tôi bỗng nảy ra cái ý đồng lòng ở lại ăn tết Hà-thành. Chẳng anh nào muốn về quê cả. Chúng tôi đều viết thư về nhà xin thêm tiền để ăn tiêu mấy ngày Tết cho thỏa-thích. Không biết những ông bạn quý-hóa của tôi đã viện những lẽ nghiêm-trọng gì đến nỗi không về quê ăn Tết với bố mẹ được.

Còn riêng tôi, thì tôi đã cố bóps đầu nặn óc mãi mới viết được một bức thư gửi về nhà xin tiền mà tôi cho là quý-quyết, khôn-ngoan lắm. Bức thư ấy đẹp khải như thế này :

« Thưa thầy để,

« Tết năm nay, con không về quê ăn Tết với thầy để được cũng là không phải lắm. Nhưng, vì sự học-hành bất-buộc, ra giảng con phải thi, nhiều bài vở khó-khăn chưa học kịp. Bởi vậy con muốn ở lại Hà-nội với mấy người bạn cùng lớp để học với nhau cho có bạn, và tiện việc chỉ bảo nhau.

« Thầy để gửi thêm cho con năm đồng mua sách để học, hai đồng rưỡi để mua một cái mũ giạ mới vì mũ cũ hỏng rồi ! Và thầy để cho con thêm ba đồng nữa để tiêu mấy hôm Tết.

« Con bất-hiểu,

« Bái thư. »

Thư gửi đi rồi, cả ngày hai-mươi-tám Tết, hết ra lại vào, ngong-ngóng mãi bác đưa thư nhà giấy-thếp. Mãi đến chiều mới nhận được hai cái, một cái của Thứ và một cái của tôi. Tôi đưa cho Thứ, chờ cho hắn bóc ra xem trước đã. Lúc tôi thấy nó lời trong phong-bì ra một cái « măng-đa » năm-mươi đồng, tôi choáng cả người. Nhà giàu có khác, thương con ở xa ăn Tết, gửi cho một lúc từng ấy tiền, tiêu gì cho hết ?

Minh vừa nghĩ thế, vừa run tay bóc thư mình :

— Nào còn thư của mõ ?

Tôi giữ lối tuồng, trân-trọng như ông tướng Quảng-lạc lúc nhận được chiến-thư, bóc ra xem, ng tôi tái người đi, xuýt ngất !

Vì cái thư mà tôi mong-chờ gần một tuần-lễ nay, cái thư mà tôi hi-vọng sẽ đến với bao nhiêu hi-vọng tối-tươi nóng-sốt, cái thư ấy chỉ có ba dòng, tóm-tắt :

« Tiền com, tiền học tháng này mẹ mày đã gửi ra rồi. Đây gửi thêm cho hai đồng nữa để đi tiêu. Thu-xếp về ngay, không tao đánh chết ! »

Tôi tức uất người lên, dóm-dóm nước mắt. Đánh chết ? Ủ thì ra mà đánh chết. Tôi nhất-định cứng đầu ở lại xem sao. Thế là đi lĩnh số tiền hai đồng đi ở lý luôn với bọn anh em. Nhưng còn Hoàng và Kỳ ?

Thì hai đứa ấy đã bảo nhau tiêu ngầm cả tiền học lẫn tiền com đầu từ đầu tháng. Lúc này còn không gì nhận được thư nhà. Hôi đến mặt mày tiu-ngầu, móc túi thấy Hoàng chỉ còn thấy có năm đồng.

Năm đồng ? Trời ! Thế thì chết với bà Quyền. Tết-nhất đến nơi, bà ấy cần tiêu mà dân-vật mãi hai ông tướng cứ tro như tượng gỗ. Hai đứa mười-tám đồng ! đối với bà Quyền, một người đàn-bà già như mồm, coi đồng xu bằng cái mồm, mà hai đứa chây những mười-sáu đồng giữa tháng Tết, thì ăn ngồi sao yên với bà được ? Thời thì cả ngày bà nói canh, nói khốe, mắng chó, đánh mèo ! Mặc ! Kỳ và Hoàng vẫn cứ ôm nhau nằm đắp chăn bông

chùm kín cả đầu mà ngủ, ngủ hết ngày này sang ngày khác, ngủ đến hai-mươi-chín Tết, thì, chừng chừng Thứ « Trung-kỳ » cũng sốt ruột lắm, « nghĩa-hiệp » bỏ tiền ra trả thay cho bạn.

Hoành và Kỳ chỉ còn thiếu công-kênh Thứ lên trời ! Từ đấy, hai ngài mới lại đi, lại, ra vào nhìn mặt bà Quyền một cách khinh-thường kiêu-ngạo.

Lần này thì bà Quyền lại đầu-đũa. Thấy anh nào cũng sòng-phẳng, hân-hoai rồi, bà mới vồn-vã, chăm-nom com nước cho chúng tôi như một người mẹ quý. Rồi ba-mươi Tết đến, bà ngọt-ngào nói với chúng tôi :

— Các thầy năm nay ở đây ăn Tết với chúng tôi thì vui-vẻ quá ! Tôi đã bảo cháu nó gói thêm bánh chưng để các thầy xơi.

Rồi bà cười một thoi « hi... hi... hi... » lạt như nước ốc. Kỳ và Hoành bấm nhau nói nhỏ :

— Thế chưa có tiền thì liệu hôm nay có vui-vẻ thế không ?

Tối ba-mươi, com nước xong, chúng tôi đi lượn phố. Lúc ra cửa, bà Quyền đã phải dặn đi, dặn lại mấy lần :

— Các thầy hôm nay đi chơi, xin về sớm cho. Đừng đi khuya như mọi hôm, vì mười-hai giờ, giao-thừa rồi các « bố » mới bò về, các « bố » lại xông nhà tôi thì đừng trách đấy ! Tôi đã mượn được người tốt via xông nhà rồi. Quá mười-hai giờ là các thầy ngủ ngoài đường, tôi không cho mở cửa đầu. Nhớ đấy ! năm mới đừng để tôi giận.

Tôi quên chưa nói là tối chúng tôi thường đi chơi khuya, ít nhất là mười-hai giờ, không thì một giờ, hai giờ sáng mới chịu về cho. Hôm nào có con gái bà Quyền, nằm ngay cửa hàng, cũng phải mất giấc ngủ ngon để mở cửa cho « lũ òn ». Vì vậy, nên tối hôm ấy, bà Quyền phải dặn chúng tôi kỹ-càng như vậy. Chúng tôi mà xông nhà cho bà, thì thực là tai-hại ! Cả năm bà còn làm hàng, cũng phải phát-tài thế nào được với cái « via » của những thằng « trời đánh không chết » như chúng tôi cả năm cháy nợ, trốn học, nói tục, ngủ trưa, ăn quà như thành !

Nhưng, trái với lời dặn khắt-khoắt của bà Quyền, chúng tôi nhất-định đi chơi đến quá một giờ mới về, hỏi Kỳ và Hoành, hai đứa muốn báo-thù cho được bà Quyền, vì nỗi dằn-vặt chúng nó mấy bữa đến mất ăn mất ngủ. Thứ « Trung-kỳ » thì sợ phải ngủ đường thực nên lo-lắng hỏi :

— Thế nhờ bà ấy không cho vào thực ?

Kỳ bĩu môi, đáp :

— Không ngại ! Thế nào bà Quyền cũng phải mở cho chúng ta vào. Tôi bảo thế ! Đã có cách, rồi các anh xem !

Quá giao-thừa về đập cửa, xông nhà bà Quyền cho kỹ được trước khi có người « tốt via » xông nhà, cái « cách » mà Kỳ đã nát óc nghĩ ra để trả thù là, giả vờ ngộ cảm « phải gió », vì đi đêm bị lạnh, để cho có Ty, người yêu của hẳn phải hoảng-hốt, động lòng thương.

Đúng một giờ đêm thì chúng tôi đập cửa nhà bà Quyền một cách khắt-kấp.

Cô Ty nổi giận choàng dây, léo-nheo :

— Mời các ông đi cho, mai hãy về, mẹ tôi bảo thế!

Nhưng Hoành đã liu lôm, liu lười, ra dáng cần-kíp, lưỡng-cuống, nói qua khe cửa :

— Có mở mau cho... anh Kỳ làm sao ấy! Hình như ngộ cảm... đương đi chơi với chúng tôi bỗng ngã gục xuống đường... mở mau để « khênh » anh ấy vào nhà không có gió máy thì nguy bậy giờ...

Một cái then cửa rứt. Cả bọn cùng ùa vào như nước chảy. Cô con gái bà Quyền vì quá thương Kỳ, mở cửa cho « quý-sứ » xông nhà đã phải chịu nghe mẹ chửi suốt đêm hôm ấy. Còn chúng tôi? Chúng tôi bỏ ra giường mà cười, sung-sướng như một đám quân thắng trận, ích-kỷ như... một tui học-trò trẻ tuổi. Chúng tôi ca hát rầm rầm như lũ hóa điên, ca những bài « vọng-cổ » khổ ngày xưa, để cho bà Quyền đã điên tiết vì con gái dại, lại càng điên tiết!

Rồi, ra giêng, chúng tôi cùng vác hòm đi tìm một nhà trọ khác, một bà Quyền Vũ khác — chẳng thiếu giống ở đất ngàn năm — mười-lăm-năm thối cơm hàng cho học-trò các tỉnh. Vì không nói, các ngài cũng đã thừa hiểu, là bà Quyền đã không còn kham nổi chúng tôi, bà đã dùng gạo muối mời chúng tôi đi, để lại rước vào nhà vài ba tên học-trò khác, ban đầu còn chịu được, nhưng ở lâu ngày lại thành ghê-gớm hơn tụi chúng tôi, lại nghĩ thơ để chim con gái bà lấy thuốc hút chơi, lại chấy tiền trợ, để cứ đến cuối tháng tây, bà lại phải bán lông sấn-sóc.

Tam năm sau. Một buổi tối ba-mươi Tết, tôi gặp một người đứng tuổi vội-vàng, hấp-tấp đi trên hè phố Hàng Đào. Tuy đã lâu năm chưa gặp tui « từ bất-tử » ngày xưa, nhưng hôm đó, tôi cũng nhận ra được Kỳ :

— Anh Kỳ!

Một cái mặt gầy vồ, trên mép xanh râu, quay lại nhìn tôi. Hai con mắt bóng sáng lên vì mừng, tui :

— Phát-tài không? Làm gì rồi? Có cháu chưa?

Cứ sau mỗi câu hỏi của Kỳ, tôi lại trả lời bằng một cái lắc thực-thà.

Đến lượt tôi hỏi lại :

— Thế còn anh?

— Thất-nghiệp... hi... hi... kiết lã-ã...ã...m!

Thế rồi, khoác tay nhau, chúng tôi cứ bước một đi chơi lượn phố, như ngày xưa, như lúc còn là hai cậu học-trò vô-tư-lự mà quên cả đêm khuya, gió lạnh. Bỗng, Kỳ đập vào vai tôi, phá lên cười :

— Thối! gần mười-hai giờ rồi! Đi về không có giao-thừa lại xông nhà người ta như ngày trước. Còn nhớ bà Quyền chứ? Tháng trước tôi vừa gặp cô Ty, đã có con rồi... mai mồng-một Tết, chúng mình đến thăm bà cho vui.

Sáng mồng-một, Kỳ y hẹn, đến rủ tôi đi xông nhà bà Quyền Vũ.

Năm ấy, bà ở quá Chợ-Hôm, cũng lại một cái nhà hẹp bằng bao diêm, trên là gác trọ của học-trò, dưới là cửa hàng, nhưng nay thì cửa hàng bà trống lầy. Bà mừng-rỡ, vồn-vã, chuyện-trò, tiếp-dãi rất ân-cần, quý-hóa, vì lúc vào, Kỳ đã bầm tói mà giới-thiện với bà :

— Anh Thành ngày trước đây ! Bây giờ tham-biện lục-bộ Cao-bằng !

Bà Quyền khúm-núm đưa bao thuốc mời tôi :

— Quan Tham xơi thuốc !

Rồi quay lại Kỳ, bà hỏi một cách ngượng-ngùng :

— Thế còn ông ? Ông đã đi làm đâu chưa ?

Kỳ điềm-nhiên trả lời, hơi có vẻ tự-đắc :

— Tôi làm Chủ giấy-thép Lạc-quần !

Bà Quyền xoa tay hề-hã, giục người nhà pha nước, hỏi-han về vợ con, nhà cửa chúng tôi một cách thân-mật, thiết-tha như ngày xưa, những lúc chúng tôi đã sòng-phãng tiền cơm. Rồi, lúc đứng dậy kiếu bà, bà thân-hành tiễn ra tận cửa vái dài mà nói :

— Quý-hóa quá ! mừng-một Tết được quan Tham và quan Chủ đến xông nhà, hẳn năm nay làm ăn thịnh-vượng. Xin cảm-ơn hai quan.

Hai quan từ-ấn đáp lễ, ung-dung khoác tay nhau, đi một cách đàng-hoàng. Nhưng lúc đã ra đến phố vắng thì hai quan bỗng ôm bụng mà cười gằn chết. Tôi lấy một điếu thuốc hút rồi đưa một điếu mời bạn :

— Quan Chủ xơi thuốc !

Kỳ đánh điềm hút, rồi ghé vào điếu thuốc của tôi ngậm ở mồm :

— Xin mời quan Tham !

Nếu chỉ phải nói dối một tí để làm vui lòng một người đàn-bà mê-tin mà chúng tôi đã làm cho tức-giận, thì năm ấy, chúng tôi đã chuộc được cái « tội ác » ngày xưa. Bà Quyền đã sung-sướng mà chúng tôi còn sung-sướng hơn bà.

ĐÔI KÍNH RÂM ĐEN

CÁC ngài hãy cứ lấy hết những danh-từ tốt-đẹp của các nhà văn đã đặt ra hay đã dùng xưa nay để tả những đôi mắt đẹp, mà tặng cho đôi mắt ấy. Nhưng tôi chắc cũng chưa xứng-đáng đâu. Vì đó thực là một đôi mắt đẹp! Đẹp tuyệt-trần đời! Đẹp « có một không hai » — đáng lẽ là « có hai không bốn » kia đấy! — đẹp « khôn tả xiết »!

Lần đầu, nhìn đôi mắt ấy, tôi đã buột miệng khen bằng những câu « sáo » trên kia. Nhưng tôi, còn được nghe một nhà thơ mới đương nổi tiếng, mà cũng chỉ nghĩ được một câu thơ như thế này để tặng... đôi mắt ấy :

« Thực là những chiếc đèn « pha »,

« Xa-xăm và huyền-ảo (!) »

Còn một nhà văn lãng-mạn khác thì ngửa mặt lên trời mà than rằng : « Ôi ! đôi mắt trong xanh như nước hồ thu, đầm say, và mơ-mộng... » Tôi có cần nói thêm rằng đôi mắt qui-báu ấy là của một người đàn-bà không nhĩ? Vì đàn-ông, thỉnh-thoảng

cũng có một vài người có những « con mắt nhung », như mắt của Rudolph Valentino chẳng hạn, lúc nhắm lại lần cuối cùng đã làm cho tất cả đàn-bà trên thế-giới tiếc thương. Nhưng tôi thì tôi không có cái tình ca-tung những đôi mắt đẹp của đàn-ông. Nếu là « mắt đẹp » của đàn-ông, thì các ngài đã thoát được cái nạn, nãy giờ phải nghe tôi « con ca con kê chi kê-lè ».

Vậy, để các ngài đỡ sốt ruột : đôi mắt ấy là của bà tham Minh. Đôi mắt ấy đã làm cho lão tham Minh thấy mình là kẻ được hưởng hoàn-toàn hạnh-phúc là kẻ sung-sướng, nhất trần-gian. Đôi mắt ấy đã « quyến-dũ », đã « thôi-miên » tham Minh ngay từ buổi đầu. Cái mà thi-sĩ Tchaỵ trông thấy trước nhất ở người đàn-bà là « đôi tuyết-lê nũng-nĩnh » nhưng, cái mà tham Minh trông thấy trước nhất ở vợ mình — lúc chưa lấy được nhau — là đôi mắt lạ-lùng kia. Tham Minh là một thói sát, mà người đàn-bà, hay « đôi mắt đẹp » kia là hòn đá nam-châm. Tham Minh cạo râu vì đôi mắt ấy, nắn cái « nơ ca-vát » hàng giờ trước gương vì đôi mắt ấy, thay « sơ-mi » và đánh giầy luôn luôn vì đôi mắt ấy, nghĩ ra những bức thư cảm-động, văn-chương để cho đôi mắt ấy liếc qua. Và lần đầu tiên mà đôi mắt ấy ướt-ướt nhìn tham Minh, chớp chớp, rồi nhìn xuống đất, dề lại ngược lên, nhìn thẳng vào mắt tham Minh như bảo thầm rằng « nàng » đã nhận lời, thì tham Minh xuyt quay ra đất chết ! Cho nên ta có thể nói là tham Minh đã « lấy » đôi mắt ấy, đã « cưới » đôi mắt ấy ! Và ái-tình mà người đàn-ông ấy trao hay nhận

được, không phải ở nơi quả tim như ta thường nói, nhưng chính ở hai con mắt đẹp kia.

Thế nhưng, đôi mắt đẹp nếu đã làm tham Minh thành một kẻ sung-sướng nhất, thì lại cũng có thể làm cho anh chàng thành một người cực-khổ nhất đời. Nếu các ngài khoác tấy một người yêu đi chơi ngoài phố, như vợ chồng tham Minh vẫn thường làm, thì các ngài sẽ hiểu tôi. Bởi vì, chỉ tại anh ta hay khoác tay vợ đi chơi ngoài phố nên anh ta thành ra cực-khổ : tất cả đàn-ông, tất cả đều nhìn bà tham. Các ngài đã hiểu chưa ? Họ nhìn thẳng vào đôi mắt bà. Vì đôi mắt ấy choán hết cả những vẻ đẹp khác trên mặt bà ta. Ở những anh đàn-ông khó chịu lạ ! Họ không kể « người ta » là gái có chồng, họ không biết anh chồng là ai nữa, họ chỉ nhìn thấy có... hai con mắt của bà tham. Họ lớn tiếng khen, lớn tiếng bình-phẩm, như thường trước mặt anh chồng. Có vợ đẹp khiến người ta phải thèm-thuồng, ao-ước là một cái vinh-hạnh chứ sao ? Nhưng mà thiên-hạ khen nhiều quá, làm cho anh chồng dậm hoảng, dậm lo-ngại. Rồi anh chồng hoa ra bực mình.

Nhiều lần đi cạnh vợ, tham Minh đã đảo-lộn, tròn xoe đôi mắt hiền-lành của mình một cách dữ-tợn, nhưng cũng chẳng công-hiệu gì... những đứa đàn-ông trái-trẻ qua đường vẫn không tha nhìn đôi mắt đẹp. Những buổi đi chơi mát chiều của đôi vợ chồng ấy thành ra mất cả vui, và đối với tham Minh lại thành ra những buổi đi chơi « sốt », vì cứ mỗi lần có người nhìn vợ là anh chàng thấy nóng ran

khắp cả người, ướt đầm mồ-hôi. Nhưng, khổ nhất là những hôm bà tham Minh đi mua bán gì một mình hay đi đâu có việc, lúc trở về tím-lím cười, mách với chồng :

— Cậu ạ, hôm nay lại có một thằng nó khen em, cậu có biết nó bảo thế nào không? Nó bảo: « Mặt đẹp đấy! nhưng giá có quãng thâm thì còn tuyệt nữa! »

Đàn-bà thì ai chẳng thích người ta khen đẹp? Thế là hôm sau bà tham đi chơi cạnh chồng với đôi mắt có quãng thâm.

Thế là, tham Minh lại càng khó chịu. Mà anh chồng ấy còn ngờ vợ được một điều gì nữa chứ? Mỗi lần có người khen là bà tham lại mách với chồng, như thế cũng tỏ ra rằng bà tham « lương-thiện ». Nhưng, giá bà tham đừng nói lại với chồng, đừng mách với chồng. Như thế thì dễ chịu hơn. Vì khi một bà vợ « mách » với ông chồng rằng: « *Hôm nay, cậu ạ, có một đứa nó khen em đẹp* », thì đó tức là bà vợ muốn bảo ngầm cho chồng biết rằng: « *Cậu thấy chưa? cậu có một người vợ đẹp đến nỗi thiên-hạ phải « cảm-lân* ra », thì cậu phải chiều tôi lắm mới được. Nếu không .. nếu không, thì liệu « cái đầu » của cậu đấy! chưa biết ngày nào nó mọc những cái sừng!» Ấy thế mới nguy! Nhưng, bà tham Minh đây thì không thế như thế được, vì đó là một người nội-trợ đảm-đang, một người vợ yêu chồng, không phải yêu đến say-mê, nhưng mà yêu. Cửa nhà lúc nào cũng ngăn-nấp, hoa trong phòng khách lúc nào cũng tươi, những bữa cơm thì thực

là những công-trình của một tay đầu bếp khéo. Chỉ phải cái tội: lúc nào bà tham thò mũi ra đường là như người ta nhìn trần-trần vào mắt! Vẫn biết người ta không sờ mó gì vào người bà tham, nhưng mà người ta nhìn. Và bởi có những cái nhìn « mon-tròn » như là một cái vuốt-ve, cho nên tham Minh mới thành ra khổ-sở.

Vậy thì làm thế nào được? Giam vợ ở trong phòng ngủ suốt ngày à? Hay đem vợ về nhà-quê để sống một cái đời yên-lĩnh? Không được cả, vì người không phải là con vật, mà về nhà-quê thì ai lĩnh hộ cái lương tháng hơn trăm? Làm thế nào? Các ngài hãy chờ xem tham Minh làm thế nào...

Một buổi trưa, ở sở ra, tham Minh thấy một tiểu-thư thân hình óng-ả đi bên hồ Kiếm, anh chàng ngẩng không chán mắt rồi đi theo. Tình đời vẫn vậy, người ta nhìn vợ mình thì mình không được bằng lòng, nhưng nếu mình nhìn vợ người khác thì mình không nghĩ thế. Huống chi người mà tham Minh đương đuổi theo để nhìn mặt lại không phải là vợ ai cả, nghĩa là đi một mình. Tham Minh ráng bước, vượt lên trước người con gái, quay đầu nhìn lại... Người con gái ấy đeo đôi kính đen. Tham Minh không thèm nhìn lâu nữa, cảm đầu đi thẳng. Và như Archimède thuở xưa, anh ta sung-sướng kêu lên: Eureka! (nghĩ ra rồi!) Bởi vì, hai cái chấm đen trên khuôn mặt người con gái kia đã che mất đôi mắt của cô ta rồi, mà khi tham Minh nhìn một người đàn-bà nào lạ, anh ta chỉ để ý xem đôi mắt của người này có đẹp bằng mắt của vợ mình không.

Đôi mắt, dù đẹp hay không, đã bị che bởi một đôi kính đen, thì không còn nghĩa lý gì nữa, không còn tinh-từ gì nữa rồi, tham Minh nghĩ thế. Một cai thần-thể tuyệt mỹ mà đem những quần áo dày su phù ngoài, thì còn gọi tinh thể nào được như khi còn trần-trụi không vướng bận một mảnh vải nào. Vời lại, có ai đi nhảy mất tổng tinh với... một đôi mắt kính bao giờ ! Kể đàn ông nào táo-tợn đến đâu ngồi tiếp chuyện một người đàn-bà cứ giữ luôn đôi kính đen trên mắt, cũng sẽ thành ra ngượng-ngịu, vì làm thế nào để hiểu được rằng đôi mắt ấy khen mình hay chê mình, đồng ý với mình hay nhạo-bàng mình, thích câu chuyện mình đương nói hay muốn « về đi ngủ » ? Đôi mắt là linh-hồn của một khuôn mặt.

— Vậy thì vợ ta phải đeo kính ! Và như thế ta sẽ được yên lòng. Tham Minh xoa tay tự bảo mình như thế. Nhưng các ngài đờng tưởng tham Minh là một anh chàng ngốc nghếch như vậy rồi cứ về nhà bảo vợ như thế này :

— Tôi không thích cho những cái thừng mắt dày mỗi khi gặp vợ ngoài đường là nhìn chòng-chọc vào mắt vợ ! Tôi không chịu được nữa rồi ! Vợ phải mua một đôi kính đen mà che « đôi mắt yêu quý của tôi, đi ! »

Nói như vậy, để mà cho bà tham cười vào óc cái « đức anh chàng » tinh-khi kỳ-khối ấy hay sao ? Không, anh chàng, không muốn vợ hiểu rõ ý-định của mình, anh chàng đã lại nghĩ ra một kế thần-tinh :

Một hôm đi chơi với vợ, anh chàng chỉ vu-vơ lên trời mà hỏi vợ.

— Vợ có trông thấy con chim bay cao tít trên kia không ? Ánh nắng chiều lấp-loáng trên đôi cánh nó trông đẹp lạ !... nhưng phải tinh mắt lắm mới trông thấy nó, vì cánh nó lẩn với màu mây trắng... vợ có thấy nó không ?

Cố-nhiên là bà vợ không trông thấy « nó ». Vì chẳng có một con chim nào ở trên trời. Vì anh chồng đã « bịa » ra thế, để cho mình có dịp mà hốt hoảng :

— Mắt vợ làm sao vậy ? Chết ! Vợ phải đi khám « đóc-tờ » mới được !

Đầu tiên thì bà tham còn cười nhạt, bảo chồng là vô-ly, nhưng dần dần thấy chồng khẩn-khoãn bà tham cũng chiều chồng : đi khám « đóc-tờ ». Cái ông « đóc-tờ » ấy, các ngài đã đoán ra chưa ? Chính là một ông « đóc-tờ » quen chuyên-môn đi chữa mắt — một người bạn học thuở xưa của ông tham. Cho nên khi nghe ông tham kể rằng vợ mình « hình như mắt kém, đến nỗi không nhận ra một con chim to thế này này bay ở trên trời », thì ông « đóc-tờ » liền khuyên bà tham nên mua kính thuốc mà đeo, mà phải kính đen mới được, nếu không... nếu không thì ít lâu nữa bà hỏng mắt !

Hỏng mắt ? Khi mà người ta có đôi mắt đẹp tuyệt trần ? Tai-hại chưa ? Ghê-gớm chưa ? Vậy mà bà tham cứ tưởng chuyện chơi ! Bà đâm lo-lắng, phát khóc lên được ấy !

Thế là, từ đó bà không đời đời « kính thuốc » mà một buổi kia chồng bà « theo lệnh đốc-tờ » đã mua về để bà dùng. Bà chỉ bỏ nó ra lúc đi ngủ. Suốt ngày quanh-quần trong nhà, người đàn-bà khuôn-nan ấy chỉ sợ một ngày kia hồng mắt !

Đời nhìn qua đôi kính đen hóa ra âm-đạm, buồn-rầu, mắt cả những ánh-sáng, những màu rực-rỡ. Người thiếu-phu vốn tính tươi-cười bỗng hóa ra lãnh-đạm với mọi người, với cả chồng, lúc nào cũng tư-lự.

Mà buồn nhất là anh chồng không thấy vợ mình là đẹp nữa. Vì người đàn-bà ấy chỉ đẹp vì hai con mắt, đến nay mắt bị che rồi, thì cái miệng « hình như rộng quá », cái mũi « hơi nhỏ quá », cái cằm « lẹm vào nhiều » hay sao ấy? Bấy giờ thì đến lượt anh chồng bảo vợ :

— Tôi tưởng mày không cần giữ-gìn quá như vậy ! Bỏ kính ra một lúc ! Tôi trông mày đeo kính, nó thế nào !

Nhưng, bà vợ sợ « hồng mắt » nhất-định giữ kính cả ngày trên mắt, để mà buồn-rầu, để mà lo-ngại, để mà tư-lự. Đến nỗi tham Minh phải bảo vợ đi chơi xa cho khuấy-khỏa, đi lại chơi bời ở các nhà chị em mà ngày xưa anh chàng không thích cho vợ đi lại, chơi-bời.

Rồi, có một hôm, người thiếu-phu ngồi nói chuyện với một người đàn-ông rất có duyên. Thiếu-phu vô tình bỏ kính ra một lúc. Người đàn-ông kia bỗng nhận thấy người mình tiếp chuyện có đôi mắt đẹp

la-lùng. Người ấy buột mồm khen, chăm-chú nhìn đắm-đuối. . Thiếu-phu cúi đầu, má ửng hồng, khuôn mặt càng tăng thêm vẻ đẹp. Đã lâu người đàn-bà ấy chưa được ai khen, đến nay, có người đề ý đến mình thì cảm-động. Từ đó, đối với người lạ kia, bà tham đã có cảm-tình. Có lẽ đề tỏ ra rằng mình biết ơn một kẻ đã hiểu cái giá-trị của một đôi mắt đẹp. Hai người dần-dà quyến-luyến nhau, thường gặp nhau luôn và chẳng mấy chốc yêu nhau.

Một buổi chiều, sau khi đã phạm tội « lừa chồng » ở chỗ hẹn thường ngày với tình-nhân, người đàn-bà ấy trở về nhà hơi muộn, trong lòng lo-lắng, đã sắp sẵn câu nói dối thường lệ mọi lần. Nhưng sự nhớ đến đôi kính đen, người đàn-bà ấy vội đeo lên mắt.

Người chồng đáng thương kia chẳng bao giờ biết vợ có ngoại-tình, vì anh chàng « đọc » làm sao được những vẻ hối-rối, ngỡ-ngàng, nhận làm sao được sự phản-trắc, lọc-lựa trong mắt một người vợ khôn-ngoaan đeo kính râm đen ?

HẾT

*Giàu có ý chí, không phải
bước đến ulu cho các khác*

huy

P. T. B. N. S.

— BIA TRẮNG —

Số 18 ngày 1^{er} Mai 1938

TƠ VƯƠNG

Truyện dài

— của —

Ng-Công-HOAN

Kinh-Kha :

Một nhà văn mới, có nhiều hi-vọng.

Vì nghệ-thuật :

tác - phẩm đầu tiên rất hay rất có
giá-trị của

Kinh-Kha :

trong P. T. B. N. S. (bìa màu) số 3 ra
ngày 16 Mai 1938.

Nhớ đón coi !

Sử-thần đời Tự-Đức rước giặc Minh về cướp nước ta

Nếu cái đầu bài này lên, chắc có nhiều người phải lấy làm lạ. Giặc Minh sang cướp nước ta là vào đầu thế-kỷ mười-lăm : mà mãi đến thế-kỷ mười-chín mới có niên-hiệu Tự-Đức. Có sao dám bêu Sử-thần đời Tự-Đức rước giặc Minh về cướp nước ? Nhưng không, kẻ viết bài này chẳng phải nói chuyện chiêm bao, cũng chẳng phải là dám vu-cáo, sử-thần đời Tự-Đức đã rước giặc Minh về cướp nước rõ-ràng.

Các ngài chừng như vẫn chưa tin lời tôi ? Thì đây, tôi xin đem ra những tang-chứng hiển-nhiên, tang-chứng ở trong bộ Việt-sử Cương-mục, sử-thần đời Tự-Đức sống ở sau mấy trăm năm, đã dùng cây sử-bút để rước giặc Minh về cướp nước.

Các ngài có biết cây bút chép sử nó phải thế nào không ? Cổ-nhiên nó chẳng có thế như cây bút của mấy tờ báo thông tin. Nó phải rất thận-trọng, thận-trọng từng mỗi lời mỗi chữ. Nhất là lối chép sử bằng chữ nho xưa, nó đã sẵn có cái khuôn phép nghiêm-ngặt của pho Lỗ-sử (kinh Xuân-thu), càng không thể nào cầu-thủ được.

Bộ Khâm-định Việt-sử thông-giám Cương-mục của ta, do các sử-thần đời Tự-Đức phụng-chỉ soạn ra, là một bộ sử lớn trong nước. Chép bộ sử này, sử-gia theo lối chép sử Cương-mục của ông Chu-Tử, mà sử Cương-mục, Chu-Tử theo bút-pháp của kinh Xuân-thu, ngụ ý thường, phạt, chê, khen ở trong mỗi lời mỗi chữ thực ra thì bộ Việt-sử Cương-mục này, kẻ cầu kỹ-càng, bút-lực cứng-cát, nghĩa-lệ tinh đáng (không kể những chỗ dính-dấp đến bản-triều mà phải hỏi họ), không có những chỗ rườm-rop hay hoa mạn như một đôi phần trong bộ Đại-Việt sử-ký cũ, chúng ta không thể không nhận nó là bộ sử khá có giá-trị. Nhưng vì ở quyển 12, nhà làm sử đã do lòng yêu ghét sai lầm, mê đắm về nghĩa vua tôi trên dưới, mà quên cả đất nước nói giống, đến nỗi làm cho ngôn bút biên chép quốc-sử, trở thành ra ngôn bút rước giặc, thật là đáng tiếc.

Ai cũng biết rằng sử của nước nào thì nước ấy đứng vào chủ-vị, nhà làm sử phải biết chọn lựa những chữ dùng cho nó xứng hợp ngôi chủ và ngôi khách. Cho nên lối chép sử chữ nho, khi giặc ngoài vào quấy nước mình thì chép là nhập khẩu 入寇 (vào cướp) hay lai xâm 來侵 (đến lấn), giặc kéo đến hạt nào thì chép là phạm 犯, quân mình bị thua thì chép là bại tích 敗績 (bị thua), thành nào bị mất thì chép là thất thủ 失守 v. v. Những lệ ấy, nhà chép Việt-sử Cương-mục, có nhiên không còn lối gì. Nhưng ở quyển thứ 12, chép việc giặc Minh sang cướp nước ta, vì ghét cha con họ Hồ thoán đoạt ngôi Trần, các ngài bèn xoay gở ngôi bút,

ứng họ quân Minh để mặt-sát cha con họ Hồ cho bỏ ghét.

Việt-sử Cương-mục quyển thứ 12, tờ thứ 12 :

秋九月,明遣大將軍朱能,副將軍張輔,沐晟等,率兵伐胡漢蒼。

Thu cửu-nguyệt, Minh khiển Đại-tướng-quân Chu Năng, phó-tướng-quân Trương Phụ, Mộc Thạnh dâng, xuất binh phạt Hồ Hán-Thương.

Mùa thu tháng chín, nhà Minh sai Đại-tướng-quân Chu Năng, phó-tướng-quân bọn Trương Phụ, Mộc Thạnh, đem binh đánh Hồ Hán-Thương.

Từ xưa đến nay, đọc sử sách chữ Hán đã nhiều, tôi chưa từng thấy một nước nào bị nước khác đến lấn-cướp, sau khi đã đời biết bao nhiêu đầu đen máu đỏ mới quang phục được, còn chép vào trong sử nước mình một câu tôn-trọng cái việc lấn-cướp của quân thù như thế. Chữ phạt 伐 (đánh). xưa nay vẫn dùng để nói về khi quân nhà vua đánh kẻ có tội. Nhà chép sử Cương-mục chép đến đoạn này, lấy cớ cha con họ Hồ là bề tôi mà cướp ngôi vua, như vậy là kẻ có tội : cha con họ Hồ có tội thì quân Minh sang đánh là phải, bởi thế mới chép một câu như trên, để hoan-ngheh quân Minh và mặt-sát họ Hồ. Song, sao không nghĩ rằng : cha con họ Hồ có tội là kẻ có tội với vua nhà Trần, hay muốn nói một cách « vu vạ » thì đến có tội với nước Nam là cùng, chứ có tội gì với người Minh mà Minh được ngang nhiên kéo quân vào nước người ta để đánh kẻ có tội ! Hay là theo cái óc nô-lệ, các ngài nghĩ

minh là nước phiên-thuộc, vậy trong nước nếu có người nào có tội « Thiên Triều » cũng có thể thi-hành cái quyền « thiên-thảo thiên-phạt » nhưng chẳng thù quân Minh nghĩa-hiệp, sau khi bắt được cha con họ Hồ, bèn lại lập vua Trần lên, giả lại nước Nam rồi đem quân về nước, như vậy thì các ngài nghĩ thế, chép thế, hoặc còn thương được. Đấng này sự thực lại trái hẳn, quân Minh kéo sang, chỉ mang có mỗi một mục đích lấn đất cướp nước, sau khi diệt Hồ lại bắt luôn con cháu nhà Trần rồi đem nước Nam làm quận huyện kia mà !

(Còn một kỳ)

NGÔ-VĂN-TRIỆN

Phụ nhau với yêu nhau

Mấy câu nghĩ nhảm của tôi kỳ trước ở bài « Phụ nhau... » thế mà có vang bóng.

Một ông — hay có bà không rõ — tai quái định không cho tôi nghĩ nhảm nữa mà ép tôi phải « nghĩ thật-sự » đây.

Trong bài « Phụ nhau đi còn hơn » tôi nói rằng : Khi mịch ở lưng voi xuống lưng chó, người yêu mình xưa kia nghĩa là yêu lúc lên voi, bỏ mình tức là chung-tình với, mình, nghĩa là chung-tình với con người trên lưng voi. Tôi có khuyên bạn trẻ nên coi sự phụ-tình trong trường-hợp ấy là sự chung-tình với bạn, với bạn buổi trước :

Ông. — hoặc bà, cô. — bạn bảo đó chẳng qua là một cách lập-luận để an-ủi nỗi lòng những khi vật lộn với đời mà hùm thiêng đã đến sa cơ. Bạn lại nói rằng : nếu cứ dỗi theo lối lập-luận ấy thì, những lúc vinh-hoa, ta sẽ không tin nổi bạn lúc phong-trần. Rồi bạn kết-luận rằng nếu có người yêu ta khi phong-trần mà đến khi vinh-hoa vẫn yêu ta, ta có thể tin là yêu ta thật, nếu ta biết chắc rằng người ấy biết nghĩ như vợ anh phùng chào của Yên-Đỗ.

Nếu ta biết chắc ?...

Nếu ta không biết chắc thì sao ?

Thì lại như tôi nói : Phụ nhau đi còn hơn !

Này nhé :

Khi hai người còn trần-như-rộng, không gì bám vào thân-thể, khi đó yêu nhau, tình yêu mới phẳng-lặng biền-tĩnh. Khi đem vàng, hoa, gấm, vóc, thế-lực, tiền-tài, khoác vào rồi thì biết đâu những cái ấy lại chẳng là những trận gió làm gợn mặt hồ xưa kia phẳng lặng ?

Ái-tình là mặt hồ lặng-gió, không chịu nổi phong-ba.

Ái-tình là tấm lụa bạch, đường tơ không chịu nổi thuốc nhuộm màu pha.

Và chàng, ở cái thế-kỷ T. S. F. này, ai đã biết yêu ai giữa lúc phong-trần; ai đã có nổi cái bụng vợ anh phường chèo của Yên-Đỗ mà hiểu rằng giàu sang toàn thị là râu, mũ, hía phường chèo?

Bạn bảo tôi cố nguy-biến để an-ủi nổi lòng ư?

Không đâu! Lòng tôi đã khô héo lắm rồi, nguồn tình trong tâm khảm tôi cạn đã lâu lắm rồi, không còn hơi sức đâu mà yêu, thương, hôn, giận hoặc ghét ai nữa.

Tôi nhia trò đời như ông Kỹ-Sư nhìn bộ máy mà thôi. Mỗi khi tôi giao thiệp với ai, tôi đều tự coi như nhà hóa-học như các chất hòa-hợp trong ống thủy-tinh. Tôi chỉ định xét những cái tâm-lý phản-ứng-lực (les réactions psychologiques) của mỗi người trước những hiện-tượng ở đời.

Không phải là dám tự-cao tự-đại gì, nhưng giữ thái-độ ấy luôn-luôn tôi thấy trong tâm-hồn thư-thải mát-mẽ dễ làm những việc khác, họa chăng có giúp ích cho đời được chút nào chăng, đỡ phải là đồng thị thừa của xã-hội.

Lăn trót, tôi nhắc lại rằng:

«Chỉ khi nào hai người tròn như rỗng, không gì bám vào người, khi đó mới thật là yêu nhau.

Câu này, ai muốn hiểu ra thế nào cũng được. Hiểu nghĩa đen cũng được. Chẳng hề gì.

Đời như thế.

Tình như thế.

Ở đời phải như thế. (1)

DẬT-LANG

(1) *Lời dặn.* - Bạn gửi thư cho tôi thì cứ gửi theo địa-chỉ: Ông Nguyễn-Triệu-Luật số 70 phố Destenay. - VINH
Rồi để ngoài bì; xin nhờ chuyên gia cho Dật-Lang. Như thế, tôi sẽ nhận được và nhanh hơn gửi về nhà báo.



Tiểu-Thuyết Thứ Bảy càng ngày càng hay, bây giờ là tờ báo lan rộng tràn xa, nhà nào cũng thấy có, chỗ nào cũng có người ham coi. Nên giữ cho đủ số kẻo mất, khó lòng mua được.

Vụ án Thoát-ly — Ngược-dòng
và Ủy-ban báo-giới

Sáng chủ-nhật 27-2-38 mới rồi, ở báo quán Thời Báo, Ủy-ban báo-giới Bắc-kỳ có nhóm họp một buổi bất-thường để bàn luận về việc ông Từ-Ngọc Nguyễn-Lân yêu-cầu ủy-ban họp một ban thăm-phán danh-dự xét vụ án Ngược-dòng — Thoát-ly.

Sau một hồi thảo luận, toàn-thể Ủy-ban nghị-quyết trả lời ông Từ-Ngọc rằng Ủy-ban không đủ quyền triệu-tập ban Thăm-phán danh-dự vì Ủy-ban được bầu ra chỉ để vận động tự-do ngôn-luận, chứ chưa thành hẳn một ái-hữu hay một nghiệp-đoàn có nền-phận bênh-vực quyền lợi cho người cầm bút.

Cũng theo nguyên tắc đó, ban Thăm-phán danh-dự lần trước xử việc Ngày-Nay — Tân Việt Nam, phải do cá-nhân (bạn Trần Huy-Liệu) đứng ra chiêu-tập.

Lần này, nếu muốn lập một ban Thăm-phán danh-dự cũng phải lấy danh-hiệu cá-nhân một nhà văn đứng ra chiêu-tập.

ICH-HỮU (2-3-38)

NHỮNG CHUYỆN VẬT LÝ-THỦ TRONG
LÀNG VĂN LĂNG NHỎ

Tôi chẳng đỗ cử-nhân thì rồi
con tôi đỗ

Ông Khúc-Thành người làng Phương-canh huyện Từ-liêm (Hà-dông), thi đậu tú-tài trong năm Tự-Đức. Lệ làng ấy những khi ở đình có việc cúng lễ, người ta giải riêng ra từng chiếu lễ, chiếu cử-nhân riêng và chiếu tú-tài riêng. Khoảng năm 1 thành-1 hai, bấy giờ ông tú Thành đã già, một khi ra đình, ông lẫn-cẩn chẳng lẽ ở chiếu tú-tài, lại trèo lên chiếu cử-nhân mà lễ. Liền đó bị các chức viên trong làng trách hỏi, ông nói mình trót nhầm nhưng họ cứ bắt phải sửa trầu tạ. Tức mình, ông cãi cối một câu :

— Tôi chẳng đỗ cử-nhân, rồi nay mai con tôi nó đỗ chứ sao.

Thì ông nói khoác đã gặp thì, năm sau con gái ông là Khúc-Bình đi thi, quả-nhiên đỗ cử-nhân thật,

Câu đối đề cột diêm

Cái xóm tôi ở, có nhiều ruộng công làm. Ruộng ấy do người xưa đời hậu, cả thầy đến 15 mẫu, mà quanh năm hoa lợi, người xóm chỉ để dùng vào việc tế lễ ăn uống, tuyệt chẳng đem làm được việc gì ích-lợi cho dân-sinh. Tôi đã từng rít cò bóng hòng, bàn với xóm bớt việc cúng-tế ăn uống, để đem một phần hoa lợi ruộng, làm vào những việc có ích, như xây lát đường xá, chữa giếng nước ăn, sắm đồ tang nghi bằng gỗ, để trong xóm có ông bà già, khỏi phải mua đồ giấy hao tiền. Song lời tôi bàn, chẳng thể chuyển được lòng ai hết. Họ cãi lại tôi bằng cái « lý sự rất cứng cỏi » của họ : « Ruộng của người chết phải để lo cho người chết, không có lý nào lại đem lo cho người sống được. » Thế rồi họ cứ việc cúng tế, cứ việc ăn uống tiếng cồng bóng-bóng là cái hiệu thiêng liêng để hàng xóm gọi nhau ra điếm ăn xôi.

Năm 1936, nhân có mấy thửa ruộng công bị đào mất vào dòng sông Nhuệ, được giả lại một số tiền xóm liền đem tiền ấy xây dựng lại cái diêm cũ, để khi cúng tế ăn uống cho được rộng-rãi và lịch-sự.

Khi ấy, họ có nhờ tôi làm cho đôi câu đối khắc vào cột trụ, tôi đã làm và đã cho khắc vào cột như sau :

- Mặc dầu gió Mỹ mưa Âu, vững vàng cột đá ;
- Gọi tỉnh con Hồng cháu Lạc, xang xảng chiêng « đồng. »

Câu đối này, về trên ca-tụng sự vững-vàng của diêm và đối cột trụ mưa gió đến đâu cũng không làm chuyển được, về dưới là tiếng cồng của xóm, nó kèn một cách rất quả-quyết (xang xảng) để gọi người ta ra điếm, những khi ở diêm xóm có thịt xôi.

Nghĩa đen như vậy, bà con hàng xóm vẫn có bụng khen hay ; chỉ hiềm bà con chưa chịu hiểu và khen nổi cho một nghĩa xa-xôi bóng-bầy.

TRÚC KHÊ

Lương-tâm nhà nghề đê đầu ?

Báo chí mất luôn. Tòa báo nào cũng nhận được rất nhiều thư của độc-giả gửi về phân-nân như thế. Có khi báo đến tay mình đã bị bóc, hoặc nhàu nát như đã có ai xem trước.

Mà một điều lạ : thư-từ không đảm-bảo nghĩa là cũng gửi một lối như báo tri thì không mất, lại cứ nhè báo tri mà mất.

Xanh không lối, cá đi đặng nào ?

Không phải báo các nhận-viên sở Bru-diện ai cũng có manh-tâm hẳn-thủ xem trộm báo hay lấy báo cả đầu. Nhưng theo cái số báo tri bị mất một cách hiển-nhiên thì hẳn trong đó cũng có nhiều người thiếu lương-tâm nhà nghề.

Tưởng tất cả anh em sở Bru-diện nên họp sức lai bài-xích những cử-chỉ ti-liện ấy để trừ đi cho đoàn-thể mình một tiếng xấu.

Học chữ nho

1.- 人之一生

人之一生，猶一歲之四時乎。
春風和煦，草木萌動，一童子暢
之活潑也。夏雨時行，草木暢
茂，一壯年之發達也。秋冬漸
寒，草木零落，則由壯而老，由
老而衰矣。然冬盡春來，循環
不已，人則老者不可復壯，壯
者不可復少也。語曰：時乎時
乎，不再來。願我少年共識之。

Am. — Nhân chi nhất sinh. — Nhân chi nhất sinh, do nhất tuế chi tứ thời hồ ! Xuân phong hòa hù, thảo mộc manh động, nhất đồng-tử chi hoạt bát dã. Hạ vũ thời hành, thảo mộc xướng mạo, nhất tráng niên chi phát đạt dã. Thu đông tiệm hàn, thảo mộc linh lạc, tắc do tráng nhi lão, do lão nhi suy hĩ. Nhiên đông tận xuân lai, tuần hoàn bất dĩ, nhân tắc lão giả bất khả phục tráng, tráng giả bất khả phục thiếu dã. Ngữ viết : « Thời hồ thời hồ bất tái lai ». Nguyễn ngã thiếu niên cộng chi chi.

Nghĩa. — Một đời người. — Một đời người cũng như bốn mùa trong một năm. Mùa xuân, thì gió hòa ấm áp, cây cỏ mọc mầm, cũng như người lúc còn trẻ con trong nước. Mùa hạ, thì mưa luôn, cây cỏ tươi tốt, cũng như người lúc đã lớn tuổi phát đạt. Mùa thu, mưa đóng, thì dần dần rét mướt, cây cỏ tàn rụng, thì cũng như người từ lúc lớn đến lúc già, từ lúc già đến lúc suy yếu. Nhưng mà hết mùa đông thì lại đến mùa xuân, quanh quẩn mãi không thôi, chứ người đã già thì không trẻ lại được, trẻ không bé lại được nữa. Tục-ngữ có câu: « Thi gió đã qua không lại nữa ». Thế thì những bậc tuổi trẻ ta nên ghi nhớ lấy.

Nghĩa những chữ mới

煦 Hù: Ấm áp. — 萌 Manh: Mọc mầm. — 潑 Bat: Trội chảy. — 衰 Suy: Suy. — 識 Chi: Ghi, khi nào đọc là Thức: thì nghĩa là biết.

2. — 微 生 物

微 生 物 形 體 至 小 種 類 尤 多。
其 有 毒 者 能 致 人 於 疾 病 或
釀 成 瘟 疫 但 非 目 力 所 能 及
故 人 多 忽 之 空 氣 之 中 隨 處
有 微 生 物 而 溝 澗 之 水 汗 者
之 物 尤 微 生 物 所 發 之 氣 清
故 吾 人 居 處 宜 擇 空 氣 不
潔 之 物 勿 飲 不 潔 之 水 勿 食

Am. — Vi sinh vật. — Vi sinh vật, hình thể chi tiền. Những loại virus đa. Kỳ hữu độc giả, năng tri nhân ư bị bệnh, hoặc nương thành ôn-dịch. Đãn phi mục lục sở năng cập, cố nhân đa hốt chi. Không khi chi trung, tùy xứ hữu vi sinh-vật. Nhi câu cối chi thủy, ô nhiễm cư xứ, nghi trạch không khi thanh tân chi địa. Vật ẩm bất khiết chi thủy. Vật thực bất khiết chi vật. Thủ vệ-sinh chi đạo dã.

Nghĩa. — Sinh vật nhỏ. — Loài sáu. Hình thể loài vi sinh vật rất nhỏ. Loài giống rất nhiều. Có giống có độc, có thể làm cho người ta sinh tật bệnh, hoặc gây nên bệnh ôn-dịch (thời khí). Nhưng mắt không thể trông thấy vật ấy được, nên người ta hay quên nhãng đi. Trong luồng không-khi, chỗ nào cũng có vi sinh vật. Nhất là chỗ nước ngoài rãnh, chỗ vật rơi bần, lại là những chỗ phát sinh ra vi sinh vật rất nhiều. Cho nên chỗ người ta ở, phải chọn chỗ đất có không-khi trong sạch. Các thứ ăn uống, phải chọn thứ tinh sạch hỷ nên dùng. Ấy mới là cách giữ vệ-sinh.

Nghĩa những chữ mới

瘟 Ôn: Bệnh ôn. — 疫 Dịch: Bệnh dịch. — 滄 Cối: Ngồi. — 擇 Trạch: Chọn.

3. — 微 生 物 豫 防 法

病 之 發 於 微 生 物 者 常 由 痰
涎 散 布 以 傳 染 於 他 人 故 痰
涎 必 以 器 受 之 若 無 器 則 納
之 巾 中 凡 堂 室 道 塗 間 皆 不
可 任 意 吐 唾 若 值 瘟 疫 發 生

飲食臥起,尤不可與病人密接.所用器物,宜以沸水或用消毒藥水滌之.此豫防微生物之法也.

Am. — Vì sinh vật dự phòng pháp. — Bệnh chi phát từ vì sinh vật giả, thường do đàm duyên tán bố, dĩ truyền nhiễm từ tha nhân. Cố đàm duyên, tất dĩ khí thụ chi, nhược vô khí, tác nạp chi cân trung. Phàm đường thất đạo đồ gian, dai bất khả nhiệm ý thổ thóa. Nhược trị ôn dịch phát sinh, ẩm thực ngộa khởi, vưu bất khả dĩ bệnh nhân mặt tiếp. Sở dụng khí vật, nghi dĩ phí thủy hoặc dụng tiêu-độc-đượợc thủy dịch chi. Thử dự phòng vì sinh vật chi pháp dã.

Nghĩa. — *Phép dự phòng loài vì sinh vật.* — *Bệnh phát ra ở vì sinh vật, là thường bởi dờm rất nhỏ hoang, dễ truyền nhiễm sang người khác. Cho nên dờm rãi, tất phải lấy ống má chứa, nếu không có ống để chứa, thì nhờ vào khăn. Phàm những chỗ nhà cửa đường đi, đều không nên nhỏ dờm rãi. Nếu gặp khi bệnh ôn-dịch sinh ra, thì lúc ăn, lúc uống, lúc ngủ, lúc dậy, lại càng không nên gần người có bệnh ấy. Đồ dùng của người có bệnh, nên lấy nước sôi, hoặc nước thuốc tiêu độc mà lau rửa, Ấy là phép dự phòng vi-trùng vậy.*

Nghĩa những chữ mới

藪 Duyên : Rải. — 業 Nhiệm : Nhiệm. — 辭 Dịch : Rửa.
— 豫 Dự : Dự phòng.



Nhà văn Tân-Đà tạ thế (1889 - 1939)

Thế là một ngôi sao sáng rọi trên đàn văn ta sa xuống đất rồi!

Ông Tân-Đà Nguyễn Khắc Hiếu, người làng Khê-Trương, huyện Bất-Bạt, tỉnh Sơn-Tây, một nhà văn đã từng danh tiếng ở Đông-dương trong khoảng ngoài 20 năm nay, vừa tạ thế tại ngự-chạch ở phố Ngã-tứ Sở hoặc tính Hà-dông ngày 7 tháng 6 năm 1939 (20 tháng 5 kỷ-mão).

Ông Tân-Đà là một trong số những nhà tiên-phong đi khai phá cho cánh rừng văn quốc-ngữ. Ông ra đời vào lúc văn quốc-ngữ còn trong thời-kỳ thảo-sáng, thế mà với một cái thiên-tài lỗi lạc, ông đã viết nên được nhiều văn-phẩm có cái giá-trị sẽ còn bất hủ với non sông.

Văn-chương của ông, sở trường nhất là lối-thơ ca. Những thơ ca ông viết ra, ông thậ-t trọng chau chuốt từng tiếng từng lời, khiến phần nhiều bài được cả âm-điệu lẫn màu-vẻ, âm-điệu rất du-dương mà màu-vẻ rất tươi-đẹp. Bởi vậy, đã có nhà văn vì ông như một người thợ khéo, chạm nên những bức cửa-võng và bao-lơn.

Tuy nhiên, không phải vậy ông đã điều khác qua, đến mắt cả về tự-nhiên đầu. Thơ ca ông phần nhiều êm ái vô cùng, uyên-chuyên vô cùng. Lời văn chuốt đẹp như sao băng, khí văn hùng mạnh như mây chuyển, êm như gió thoảng tình như sương, đậm như mưa sa lạnh như tuyết, mấy câu ấy, ông Tân-Đà tự nói về văn của mình, tưởng cũng chẳng sai ngoa gì cả. Người xưa thường khen văn Tây-sương là văn hoa-công, thì thơ ca của ông Tân-Đà, ta thấy cũng có nhiều bài có thể đương được với lời khen như ở trên này.

Văn xuôi thì như văn triết-lý ở tập Khổ-tình, văn từ rất cao, văn-nghĩa rất sâu và văn-thơ rất lạ, khiến cho người đọc có cái hứng-vị như được vào Bách-tử của Tàu. Đó là lý do để ra mấy lời đặc-trưng để làm đại-biểu cho văn-nghiệp của ông Tân-Đà; ngoài ra, ông còn viết nhiều lời văn khác và xuất-bản nhiều sách rất có giá-trị.

Tinh-thần trong văn-chương của ông là tinh-thần của một nhà văn lãng-mạn. Ông tuy là môn-đồ Khổng Mạnh, nhưng tinh-hoài chí-thứ tỏ ra phóng-nhiệm và thích-thăng, đã ra người về phái Lão Trang.

Ít lâu nay, nước ta văn-học hội hưng, trong văn-giới nổi lên một cái trào-luân đòi mời văn-thơ, nhân thế, Tân-Đà tiên-sinh đã là một nhà văn thuộc thế-hệ -đi. Tuy nhiên, đọc văn-chương ông, nghe danh-tiếng ông, suốt nước từ bắc vào nam, ai nấy vẫn một lòng sùng-bái; và trong làng văn, người ta vẫn tôn ông là bậc tiên-bối, bậc túc-lão, đặt ông đứng cùng một hàng với các ông Phan Kế-Bình, Nguyễn văn-Vinh và Phạm Quỳnh là những người đã có công lớn trong sự đắp xây móng cho cái lâu-đài văn-học của nước nhà ở đầu thế-kỷ hai mươi. Ngày nay ông thốt nhiên bị bịnh mất đi, thật là một cái tang chung cho văn-học-giới nước ta vậy.

Không những vì mối cảm đối với một vị công-thần của văn-học, bản-chí đồng-nhân lại làm công tiên-sinh có nghĩa tri-giao, nhân dịp buồn rầu, kính soạn đôi câu đối như sau, để truy-diễn hương-hồn của nhà danh-sĩ:

Khổ tình còn kết mối tri giao, từng xem núi Tản mây quang, mọi vị thanh-cao in cốt-cách.

Giấc mộng lớn đến kỳ chợt tỉnh, còn đó sông Đà nước chảy, nghìn tha sự-nghiệp ở văn-chương (1).

F. T. B. N. S.

Trúc-Khê thảo

Chúng tôi đối với việc Tân-Đà tiên-sinh tạ thế

Buổi sáng ngày 7 tháng 6 năm 1939, chúng tôi được tin Tân-Đà tiên-sinh ốm nặng sắp mất. Ai nấy đều kinh ngạc, liền cử hai đại-biểu, tới thăm tiên-sinh ở nhà 71 phố Ngã-tứ Sở. Hai bạn tôi, thấy bịnh-tình tiên-sinh rất nặng, thầy thuốc đã chia và cách với cái chết không còn mấy nữa, bèn ở luôn đấy để chờ thời tiên-sinh trong phút cuối cùng. Nhưng mãi tới 1 giờ chiều, hai bạn phải về ăn cơm, thì đến 1 giờ rưỡi, tiên-sinh tạ thế.

Ngay buổi chiều, chúng tôi triệu-tập một cuộc hội họp đông các anh em trong bộ Biên-tập và bộ Tri-sự, bàn việc cử người đi thăm và trả liệm thể pho cho đám tang tiên-sinh sẽ được long trọng. Thấy cảnh nhà tiên-sinh thanh bạch, chúng tôi nghĩ cần nhất là phải giúp liệm. Bởi vậy sau khi nghị quyết, anh em liền kể ít người nhiều, góp được một số tiền như sau đưa giúp tang-quyển:

Đ. Vũ Đình-Long, chủ nhiệm :	50\$00
Nhân-viên bộ Biên-tập và bộ Tri-sự :	37\$00
Cộng thành :	87\$00

Đoạn chúng tôi lại bàn đến việc sẽ ra một số Tao-Đàn đặc-biệt về Tân-Đà tiên-sinh.

Đó là những việc chúng tôi đã làm và sẽ làm trong dịp Tân-Đà tiên-sinh ly trần. Sở dĩ cần tuyên bố rõ như vậy, vì trong khi chúng tôi im-lặng làm việc, có một đôi bạn chưa rõ, tưởng lầm chúng tôi không cảm-động sôi-sảng đối với sự Vãn-biệt của nhà văn-hào.

Phổ-Thông Bản-Nguyệt-San, Tao-Đàn,
Tiêu-Thuyết Thứ-Bảy

(1) Khổ tình còn và Giấc mộng lớn là tên hai cuốn sách của ông Tân-Đà. Ông Tân-Đà vẫn coi cuộc đời là một giấc mộng lớn.

Văn-liệu

Thất-thủ

Thất-thủ 失守 nghĩa là không giữ được để cho bị mất, tiếng để dùng nói về khi chiến-tranh, thành ấp của mình không giữ được, bị quân bên địch chiếm cướp. Thế nghĩa là chỉ có bên bị mất mới có thể dùng được tiếng thất thủ. Vì thất là mất thì cái bên đi chiếm-cướp được, cố nhiên không thể dùng được cái tiếng này.

Ấy thế mà có những nhà báo đem dùng tiếng thất-thủ một cách tức cười; hình như họ cố ý dùng thế để vẻ ngược tự phò với mọi người rằng: « Ta đây là những nhà cầm bút vô học ».

Chẳng hạn như họ nói: « Người Nhật định sau khi Hán-khẩu thất-thủ thì sẽ giảng hòa với người Tàu » ; « Cái tin Hán-khẩu thất-thủ đã báo cho nhân dân ở Đông-kinh (Nhật bản) biết bằng một tiếng còi rất dài ».

Như vậy thì Hán-khẩu của Nhật hay là của Tàu ? Nếu là của Tàu mà Nhật cướp được thì sao người Nhật lại rồ dại dùng tiếng còi dài để báo tin với nhân dân là mất (thất-thủ) Hán-khẩu trong khi chính họ được Hán-khẩu ?

Mành tương

Chữ mành tương ở trong truyện Kiều (mành tương phân phất gió đàn), các nhà chú thích mỗi nhà nói đi một khác. Bản của ông Bùi Kỳ và bản của ông Hồ Đắc-Hàm bảo mành tương là cái mành căng the, lấy ở chữ 湘簾 ra. Bản của ông Bùi Khánh-Diện thì bảo mành tương lấy ở chữ 湘簾, nghĩa là thứ mành làm bằng giống trúc trên núi Tương 湘.

4.- 沐浴

皮膚有孔, 所以排洩汗液也。若爲塵垢所阻, 則汗洩不暢。故沐浴宜勤。沐浴不特除垢, 又能助血液之流行。若用冷水沐浴, 則皮膚堅強, 偶冒寒氣, 不易致疾。惟浴後, 必以乾布擦之, 使皮膚紅潤而後止。衣冠亦宜清潔。若任其汗穢, 雖日日沐浴, 無益也。

Am. — Mộc dục. — Bì phu hữu không, sở dĩ bài tiết hãn dịch dã. Nhược vi trần cấu sở trở, tắc hãn tiết bất xương, cố mộc dục nghi cần. Mộc dục bất dục trừ cấu, hựu năng trợ huyết dịch chi lưu hành. Nhược dụng lãnh thủy mộc dục, tắc bì phu kiên cường, ngẫu mạo hàn khí, bất dị trí tật. Duy dục hậu, tất dĩ can bố khô chi, sử bì phu hồng nhuận nhi hậu chi. Y quan liệt nghi thanh khiết, nhược nhiệm kỳ ô-uế, tuy nhật nhật mộc dục, vô ích dã.

Nghĩa — Tắm gội. — Da người ta có lỗ, là để cho mồ-hôi chảy ra. Nếu bị bụi bặm ngăn trở, thì mồ hôi chảy ra không thoát, cho nên phải cần tắm gội. Tắm gội không những là khỏi ghét bẩn, lại có thể giúp cho mạch máu lưu-thông nữa. Nếu dùng nước lạnh mà tắm gội,

thi da người cứng dần, lẽ có cảm phải khi lạnh, cũng không đến nổi ồm đau. Duy lúc tắm xong, phải lấy vải khô mà lau để cho da dễ hồng hào thì thôi. Áo mũ cũng nên sạch sẽ, nếu dùng áo mũ bẩn thì dầu ngày ngày tắm gội, cũng là vô ích.

Nghĩa những chữ mới

除 Trừ : Trừ bỏ. — 助 Trợ : Giúp. — 冒 Mạo : Bị. —
 擦 Sát : Lau cọ. — 潤 Nhuận : Ẩm, ướt. — 冠 Quan : Mũ, c
 khi đọc là quán thì nghĩa là trùm, hơn cả.

Phô - thông ban - nguyệt - san
TẠP-CHÍ VĂN-CHƯƠNG RA ĐẦU THÁNG VÀ GIỮA THÁNG

LỚP BÌA TRẮNG

- Số 1.** Tắt lửa lòng của Nguyễn-công-Hoan
» **2.** Cô Tư Thung của Lê-văn-Trương
» **3.** Một đêm vui của Ngọc-Giao
» **4.** Ai lên Phố Cát của Lan-Khai
» **4^{bis}.** Khói hương của Từ-Ngọc
» **5.** Hai tháng khổ-nạn của Nguyễn-công-Hoan
» **6.** Một người. I của Lê-văn-Trương
» **7.** Một người. II của Lê-văn-Trương
» **8.** Tấm lòng vàng của Nguyễn-công-Hoan
» **9.** Chiếc ngai vàng của Lan-Khai
» **10.** Thân Hồ của Tchya
» **11.** Hòm đựng người của Nguyễn-triều-Luật
» **12.** Một người cha của Lê-văn-Trương
» **13.** Đào kép mới của Nguyễn-công-Hoan
» **14.** Cái hột mận của Lan-Khai
» **15.** Một trái tim của Lê-văn-Trương
» **16.** Linh hồn hay xác thịt của Tchya
» **17.** Người thầy thuốc của Thanh-Châu

LỚP BÌA MÀU

- Số 1.** Con đười-ươi của Lưu-trong-Lưu
» **2.** Ngược Dòng của Từ-Ngọc